

Ban Dân

TIẾNG NÓI CÔNG AN CẢNH SÁT VIỆT NAM CỘNG HÒA

Wason
HV 7879
V5 B2+

SỐ 31

Ngày 15-9-1962



Ban Dân

Tòa soạn

241, Đại lộ Cộng Hòa — Saigon

Điện thoại : 24 822/95

Giám đốc, Chủ-bút : NGUYỄN-VĂN-HAY

Quản lý Đăng-vấn Đức

Bìa trước :



THUYỀN VỀ CÙNG BẾN

(Ảnh : Văn - Thông)

GIÁ BẢO

Một Số 10đ — Sáu tháng 60đ

Một năm 100đ.

Mọi việc giao dịch, thư từ và bài vở, liên lạc với TÒA SOẠN BAN DÂN

Bưu phiếu, chi phiếu, ngân phiếu, đề tên ông Quản lý : Đăng-vấn-Đức

241, Đại lộ Cộng-Hòa — Saigon



Cấm trích dịch, phỏng đặng vào sách báo ngoại quốc mà không xin phép

Giấy phép : Số 26 - BTT/ND ngày 17-2-60

In tại Chấn-Hưng 742, Phan-Thành-Chiến — Saigon

Trong số này :

- * Một cuộc di cư, một thắng lợi chính trị vĩ đại BAN DÂN
- Tôi đi xem cuộc triển lãm chiến lợi phẩm của Quân đội V.N.C.H. sau chiến dịch « Bình Tây » Hoàng-Lộc
Tứ - Lang
- * Tinh thần trách nhiệm Nguyễn Việt
- Lịch sử Cảnh sát Anh quốc Đồ Hiếu
- * Khái niệm về danh từ Cảnh sát Trúc Hành
- Tam cổ thảo luận T. Đ. K.
- * Những kẻ quyền sinh trước con mắt của luật hình Đàm Trung - Mộc
- Cảnh sát Chiến đấu với công tác chiến tranh tâm lý P. Q. Long
- * Điều tra một vụ tai nạn xe hơi đụng người rồi bỏ chạy N.C. Chánh
- Vụ án Trê Cóc N.V. Ích
- * Gián điệp và phản bội trong thế chiến II (trích dịch) N.T.H
- Vài nét về lịch sử diệt Cộng của Mã Lai Nguyễn Đại
- * Gaszyna, lò đào tạo gián điệp Nga Xô Hoàng Long
- Em yêu Anh (tiếp theo và hết) Anh Đăng
- * Mùa đã vào Thu H. Kiểm Thu
- Ngọc « An Dương Hành Bảo » của Việt Nam Quốc Bảo
- * Đề biết người... biết mình Triệu Đường
- F. B. I. Công an Liên Bang Hoa Kỳ (tiếp theo)
- * Đau quá đòn ghen N.V.H
Ích Thiện

Bìa sau :



Đập nước ĐỒNG CAM

(Ảnh : Hoàng - Thọ)

Sở dĩ Việt-Nam không chạy theo thị hiếu trung-lập mà dường như hiện thời đang được các cường quốc trong Thế-Giới Tự-do chiều chuộng, là vì Việt-Nam bị Cộng-sản quốc-tế tấn công và cũng vì chủ nghĩa Cộng sản do yếu tính của nó cũng như về phương diện hiện sinh, không có tính cách trung lập. Việt-Nam tôn trọng sự tự-do lựa chọn của các quốc-gia chậm tiến trên bình diện quốc-gia cũng như quốc-tế và hân hoan nhận rằng đã duy trì được những mối giao hảo rất mỹ mãn với các quốc gia trung lập.

Tuy nhiên, Việt-Nam không khuyến khích xu hướng trung-lập hóa một chiều các quốc gia trong Thế giới Tự do : khuyến khích một chính sách mà Việt Nam coi là bất công và nguy hại cho chính mình là không khác nào làm một điều phi nghĩa.

Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa

MỘT CUỘC DI-CƯ

MỘT THẮNG-LỢI CHÍNH

« Phong trào đồng-bào Thượng ty nạn Cộng sản là một thắng lợi chính-trị lịch sử của nước nhà từ mấy năm qua và có thể được coi như phong-trào di-cư thứ hai sau phong-trào di-cư của một triệu đồng-bào Bắc-Việt năm 1954 »

Lời ông Cò-văn chính-trị tại Phủ Tổng-Thống

NĂM 1954, sau khi Hiệp-định Genève ký kết chia đôi đất nước, hơn 800.000 đồng bào Bắc-Việt phải ồ-ạt chạy vào Nam để lánh nạn Cộng-Sản. Đó là một cuộc di-cư vĩ-đại nhất trong lịch-sử Việt-Nam, đã gây xúc-động mãnh-liệt trên thế-giới.

Rồi ngày nay, sau tám năm, cũng để ty-nạn Cộng-sản, lại một cuộc di-cư nữa, ồ-ạt và không kém vĩ-đại : cuộc di-cư của đồng-bào Thượng từ miền rừng núi Cao.Nguyên và Trung.Nguyên Trung-Phần về gần các tỉnh lỵ, quận lỵ, (Kontum, Pleiku, Cheo.Reo, Tuyên-Đức, Quảng-Trị, Quảng.Ngãi, Khánh.Hòa, Darlac, Lâm-Đông, Quảng-Nam, Ninh-Thuận, Phước-Long) để tìm sự che chở của Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa. Và, cũng như đồng-bào Bắc-Việt di-cư, đồng-bào Thượng đã phải gạt nước mắt từ bỏ làng mạc, nơi chôn nhau cắt rún, bỏ cả tài sản và xa lìa tất cả những gì thân yêu để đi tìm tự-do.

Ai đã từng sống ở miền Cao.Nguyên, hiểu qua đồng-bào Thượng, sẽ thấy rõ tất cả ý nghĩa của cuộc di-cư lịch-sử này. Họ là những người chắt-phát, dễ tin, dễ nghe, có một đời sống rất giản-dị, không có những ước vọng, ham muốn của người văn-minh. Đại-đa số vẫn giữ bản-chất hồn-nhiên của dân-tộc bán khai, không biết tham lam, gian dối, không cần để dành tiền của, làm được bao nhiêu ăn bấy nhiêu, hết rồi làm nữa. Họ lại được đức tánh nhẫn nhục, sẵn sàng chịu đựng những thiệt thòi miễn được sống gần với thiên nhiên, trên đỉnh núi cao, ở ven rừng rậm hay bên bờ suối quen thuộc từ đời tổ tiên. Nếp sống văn-minh của người thành thị là những sự phiền-toái, ngược với bản-chất và sở thích của họ. Họ chỉ rời « buôn » của họ để đến ngụ cư nơi

TRỊ VỊ - ĐẠI

khác khi nào trong « buôn » gặp những thiên tai — như bệnh ôn-dịch chẳng hạn — tàn-phá khủng-khiếp. Còn bình thường họ rất bình thản, bắt chặp cả độc xà ác thú của rừng núi chập trùng.

Cộng-sản đã nắm được những điểm tâm-lý đó và biết rõ được khả-năng của đồng-bào Thượng nên chúng đã lợi dụng triết-đề, khai thác tận cùng. Chúng đã lừa bịp, mê hoặc đồng bào Thượng, đưa vào hàng ngũ du-kích để làm bia đỡ đạn cho chúng, hoặc cưỡng bách dân-công bắt đi khuôn-vác lương, thực, súng đạn và tận lực sản-xuất lúa khoai nuôi chúng.

Tóm lại, từ ngày lén lút độn nhập miền Nam, Việt-Cộng đã bóc lột đồng bào Thượng đến tận xương tủy, từ tài sản đến sinh lực, chẳng khác nào những lãnh chúa thời Phong-kiến đối với dân nô-lệ.

Con giun xéo lằm cũng quần, huông hổ là con người — dù là ở trạng thái bán khai — bẩm sinh đã tự-do, đâu thể chịu đựng những quyền-uy độc-ác mãi được. Cho nên, phản ứng của đồng-bào Thượng là lẽ tất nhiên mà bọn Việt-Cộng có tiếng là quý quyết lại không nghĩ tới.

Phản-ứng bằng cuộc di-cư của 130.000 đồng bào Thượng đã nói lên tất cả sự dã-man của Việt-Cộng, một sự dã-man còn đáng khủng khiếp hơn rắn độc, thú dữ. Đồng-bào Thượng đã ghê-tởm chúng cũng như ghê-tởm vi-trùng ôn-dịch, nên đành phải cắt đứt tình quyền-luyện quê-hương đã bao đời giữ chặt các bộ lạc Rhadé, M' Nong v.v... với núi cao rừng thẳm.

Trong lúc bọn Việt-Cộng ý lại vào thề hiềm của miền rừng núi Cao-Nguyên, mạo danh giải phóng miền Nam để gây dựng cơ sở tàn phá đất nước, cuộc di cư của đồng bào Thượng là một sự sụp đổ nặng nề của chúng song song với những thất bại chua cay về quân sự của chúng ở khắp chiến trường miền Nam. Đồng bào Thượng ra đi là Việt-Cộng đã mất cái thề tựa nương chẳng khác nào bày cá đã cạn nước, và cả một nguồn nhân lực, vật lực bấy lâu chúng cưỡng bách khai thác, bóc lột, cũng tiêu ma luôn.

Cuộc di-cư của đồng bào Thượng còn là một cái tát nẩy lửa vào mặt những tên vong bản đầy tớ của Thực dân đang tập tễnh ôm chân Cộng Sản để phá hoại miền Nam.

Một điểm đặc biệt nhất là cuộc di cư này đã nói lên một cách rõ rệt, một lần nữa, đâu là chính nghĩa và đâu là tà ngụy, phân dân phân nước.

Đó là một thắng lợi chính trị vĩ đại nhất của Việt Nam Cộng Hòa từ mấy năm nay .

★ BẠN DÂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐỒ - THÀNH SAIGON

Nha Cảnh - Sát

Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 1962.

Số : 98'25 - BT

GIÁM - ĐỐC CẢNH - SÁT ĐỒ - THÀNH

Kính gửi : **ÔNG LIÊN - ĐỘI TRƯỞNG**

LIÊN - ĐỘI TRỪ GIAN DIỆT CỘNG

SAIGON

Kính thưa Ông Liên-Đội Trưởng,

Trong những ngày kỷ-niệm của Việt-cộng : 19 tháng 8, 25 tháng 8 và nhưt là ngày 2 tháng 9 vừa rồi, anh chị em trong Liên-Đội Trừ Gian Diệt Cộng đã nỗ lực tăng viện cho Cảnh-Sát Đồ Thành, và các cấp chỉ huy Tổng Nha đã không ngại cực nhọc, hàng đêm kiểm-soát, đôn đốc việc canh tuần khắp lãnh vực Thủ-Đô, nhờ thế mà tình-hình Đồ-Thành được yên-tĩnh, bọn Việt-cộng không thể thực hiện âm mưu gây rối của chúng.

Sự tích cực hoạt-động của Liên-Đội Trừ Gian Diệt Cộng đã đem lại kết-quả mỹ mãn và nói lên được lòng hy sinh cùng sự cò-gắng của toàn thể đoàn viên trong ý chí cương quyết thực hiện mục đích cao cả mà Liên-Đội đã tự đề ra.

Nhơn danh Cảnh.sát Đồ-Thành, tôi xin thành thật gửi đến ông Liên-Đội Trưởng lời cảm ơn nồng nhiệt của chúng tôi và yêu cầu Ông Liên-Đội Trưởng vui lòng chuyển sự cảm ơn này đến các vị chỉ-huy cùng toàn thể anh chị em đội-viên trong các Chi-Đội.

Trân-trọng kính chào Ông Liên-Đội-Trưởng.

Ký tên và đóng dấu

TRẦN-VĂN-TU, TỔNG KIỂM-TRA

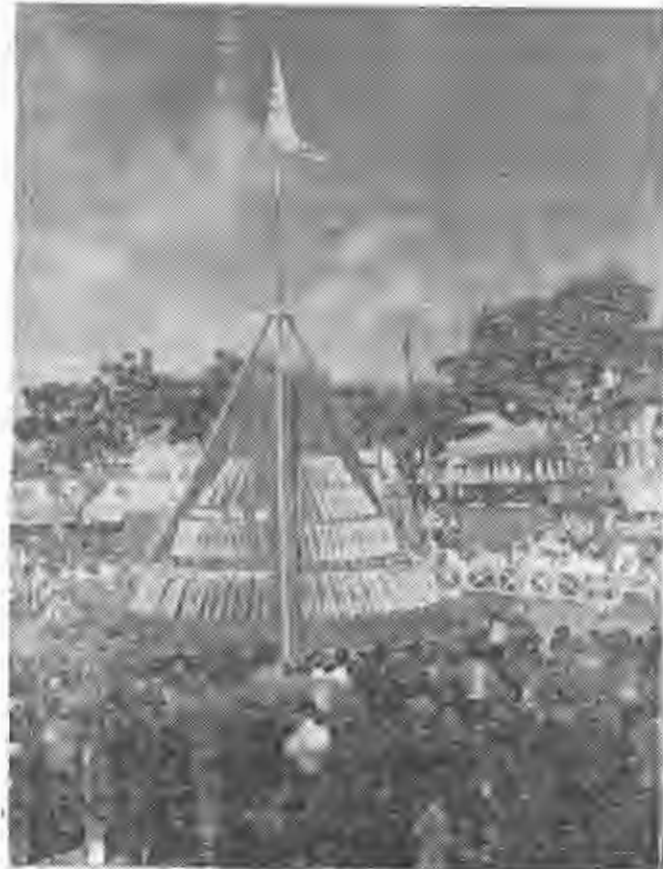
Công-An và Cảnh-Sát.

Tôi đi xem

CUỘC TRIỂN - LÂM CHIẾN LỢI - PHẠM

của

QUÂN ĐỘI V. N. C. H.



Quang cảnh cuộc Triển Lâm

TRONG CHIẾN-DỊCH « BÌNH TÂY »

SÁNG hôm nay, 5.9 1962 dân chúng Thủ - Đô náo nức rủ nhau đi xem Triển Lâm. Tôi không bỏ lỡ cơ hội nên từ 8 giờ tôi đã len lỏi theo giòng người từ các ngã đường đổ về phía Bón Binh, nơi trung tâm cuộc Triển lãm.

Công Trường Diên-Hồng một khu đất rộng, cây cao bóng mát với những bồn hoa, ghê đá nơi dân chúng nghỉ chân mọi ngày, nay đã biến thành một khu Triển Lâm khá ồn ào, đông đúc. Các con đường bao quanh Công Trường đều được dựng hàng rào gỗ khiến cho khu Triển Lâm thêm rộng rãi.

Từ xa người ta đã thấy một cái Tháp cao, trên đỉnh lá Quốc Kỳ bay phấp phới. Đền gấn, mới

rõ cái đài cao hình Kim Tự Tháp đó là... cái núi Chiến lợi phạm! Thực vậy, cái núi đó xây bằng bao cát, cao độ 8 thước mỗi bề dưới chân rộng độ 5 thước, chung quanh núi đó, từ dưới chân lên đỉnh đều bao bằng... các loại vũ khí : Bom bay, lựu đạn, mìn, súng trường, súng lục, súng còi 60 ly, đại liên, súng ngựa trời, bàn chông, súng phóng lựu đạn v.v... đủ loại đủ cỡ vũ khí của Việt Cộng, những chiến lợi phạm mà Quân Đội V.N.C.H đã tịch thu được trong cuộc chiến thắng Miền Tây, nhiều quá, không đếm được hết. Người ta bàn tán, dò hỏi lẫn nhau vì ai cũng muốn hiểu rõ về các chiến lợi phạm và cuộc chiến thắng miền Tây của Quân đội. Kể

nói thế này, người giải thích thế nọ ; muốn cho chắc dạ, tôi thực hành cái lời « tuân tự » nghĩa là phải xem từ đầu, nơi khởi điểm của cuộc triển lãm.

SƠ ĐỒ TRẬN CHIẾN THẮNG CỦA QUÂN ĐỘI V. N. C. H. TIÊU DIỆT TIÊU ĐOÀN U- MINH CỦA VIỆT CỘNG

Cửa chính của cuộc Triển lãm hướng về phía chợ Bến Thành. Trên khải hoàn môn có căng một tấm biểu ngữ lớn để. :

« Cuộc Triển Lâm Chiến Lợi Phạm của Quân Đội V.N.C.H. trong trận chiến thắng chiến dịch Miền Tây ».

(xem tiếp trang 64)



TINH - THẦN TRÁCH NHIỆM

L U U BỊ chết, di chiếu lại cho con là Thái-tử Lưu-Thiện nối nghiệp và phải tước Thừa - Tướng Không-Minh như tước cha.

Trong hơn 15 năm trời giúp Lưu.Bị gây dựng nghiệp vương-bá, Không-Minh đã cúc cung tận tụy đem hết tài ba thao-lược xuất chúng đánh Đông dẹp Bắc mở mang bờ cõi. Nay với Lưu.Thiện, Không.Minh lại phải quán xuyến mọi việc lớn, nhỏ, càng tận tụy hơn trong sứ mạng an bang định quốc. Không.Minh phải lo đến cả việc duyệt bộ sổ . . .

Quan chủ bộ Dương-Ngung, một hôm thưa với Không-Minh, đại ý : « Thừa-tướng làm việc cả ngày, mồ hôi đổ đẫm, không lúc nào nghỉ ngơi mà ăn uống lại ít thì sức đâu chịu nổi. Việc nước thì có lớn nhỏ, cao thấp, chẳng khác lân nhau. Ví như việc nhà, cấy ruộng đã có tôi trai, nấu cơm có tôi gái, công việc không bỏ trôi là được ; chủ nhà nên thung dung tự tại, ăn no ngủ thẳng mà lo việc khác quan trọng hơn. Nếu cứ đem sức ra coi hết mọi việc thì phải mệt mỏi, rồi việc lại có thể hư hỏng. Ấy không phải là trí chủ nhà thua đầy tớ, tại lỗi ở cách làm chủ nhà ».

Không-Minh trả lời : « Chẳng phải là ta không biết điều ấy, ngặt vì lãnh lời thác-cô của Tiên-đề rất trọng nên cứ sợ người khác không được hết lòng bằng mình ».

Dương-Ngung thấy đúng. Không-Minh cũng thừa hiểu như Dương Ngung.

Và, ngày nay chúng ta đều đồng quan-niệm như thế. Phàm ở địa vị làm chủ, tuy người chỉ huy cần phải thông suốt từ việc tầm thường đến việc quan trọng, nhưng không phải cần mó tay vào tất cả mọi việc thì việc

mới chạy, mới nên ; công việc chạy và nên hay không — ngoài yếu tố thời cơ, cán bộ — phần chủ yếu là do cách tổ chức, sự phân công và biết dùng người cho phải chỗ.

Đó là phương pháp lãnh đạo, nghệ thuật chỉ huy.

Là một bậc kỳ tài trong thiên hạ, lúc còn ẩn dật ở đất Nam-dương đã dám tự ví mình như Quân-Trọng, Nhạc-Nghị, đã giúp Lưu.Bị từ chỗ không có miếng đất cặm dùi đến lập nên nghiệp vương bá, và đã trở thành nhân vật gần như nắm trọn nước Thục, Không.Minh đã biết rõ «Phép» lãnh đạo hơn bất cứ ai. Lúc Lưu.Bị còn sống, có bao giờ Không-Minh «bao biện» cả đến công việc duyệt bộ sổ. Sở dĩ Không-Minh phải làm sai cái «phép» lãnh đạo ấy vì cái thế không được được : cái thế đang xuống của Thục :

— Lưu-Thiện không phải là người của « đại cuộc », không có được cái tài, cái đức và cái chí lớn của cha.

— Những tướng rường cột, trung kiên, đã lần hồi chết già hoặc tử trận, không còn được mấy người.

Nước Ngụy của Tào Phi, với vị tướng trẻ tuổi Tư Mã Ý tài ba thao lược lại là mối nguy cho Thục.

Trước thực trạng đó, muốn làm đúng lời thác-cô của Lưu.Bị lúc lâm chung, Không.Minh phải tin ở lòng mình trước hết, « sợ người khác không được hết lòng bằng mình », và phải xả thân để đến ơn trị ngộ.

Đó chính là Tinh - Thần Trách - Nhiệm của Không.Minh đối với nhân dân nước Thục, đối với Lưu.Bị và đối với chính nghĩa «diệt Tào tặc phò Hán thất.»

Quý lắm vậy thay!

NGUYỄN VIỆT

Ở xứ Anh cát-lợi, tiếng « constable » thường dùng để chỉ cấp bậc thấp nhất trong ngành Cảnh Sát của « người gìn giữ hoà bình » (gardien de la paix) ; mặc dầu vậy, tất cả nhân viên cảnh sát Anh Quốc, dù ở cấp bậc nào từ trên xuống dưới trong hệ thống tổ chức, đều làm những nhiệm vụ của người « constable »

Đó là một trong những chế độ xưa nhất và dân chủ nhất xứ Anh. Trải qua nhiều thế kỷ, tất cả những công dân đã từng thay phiên nhau làm công việc gìn giữ trật tự hoà bình trong làng xã của họ, làm việc mà không lương. Ngày này, với tổ chức rộng lớn, với tất cả những phương pháp khoa học để ngăn ngừa và khám phá các vụ phạm pháp, ngành Cảnh sát cũng chỉ thi hành, một cách chuyên nghiệp, bổn phận của mọi công dân : bảo vệ an ninh công cộng.

Thời xưa, sĩ quan Cảnh sát là một công dân khoẻ mạnh, không võ trang, thường thường được chỉ định hoặc bầu cử trong thời hạn 1 năm ; ông ta làm việc ăn ý với các quan toà trong làng. Trong các đô thị, các thành phố, lại còn có thêm một toán đi tuần đêm gồm những người đàn ông, già cả hay tàn tật phần lớn, chỉ có nhiệm vụ đi rong trên các đường phố hồ lớn « giờ » và « thời tiết » trong đêm cho dân chúng nghe, thí dụ người tuần đêm hồ to : « Bốn giờ, đêm trong sáng, mọi việc đều yên lành ». Và người công dân của thế kỷ 17, nghe như vậy, yên tâm lại ngủ kỹ.

Ở tại Luân Đôn, hệ thống đơn giản này đã được điều hành tốt đẹp trong thời Anh Quốc vẫn còn là một nước nông nghiệp. Nhưng về sau hệ thống ấy bắt đầu trở nên kém hiệu lực khi kinh đô phồn thịnh về phương diện kỹ nghệ và thương mại vào đầu thế kỷ thứ 18, đã thu hút hàng vạn nông dân, ra đô thành với hy vọng làm được nhiều tiền hơn là trồng trọt ở miều quê. Nhưng Luân Đôn không thể thu dụng họ được hết. Những người vô nghề nghiệp, không tìm được việc làm, sống đói khát khổ sở trong các nhà chòi hay hầm rọ, trở thành đám người nguy hiểm hay phạm tội. Đối với những kẻ này, hệ thống tổ chức xưa đã trở nên bất lực.

Rất nguy hiểm cho những công dân lương thiện khi có việc phải đi ra ngoài đường dù là giữa ban ngày, trừ ra trên các con đường đông đảo. Các giường ngủ của thời đại ấy có một điểm đặc biệt là gắn một cái kệ nhỏ, trên đó người ta có thể đặt một cây súng trường để tự bảo vệ chống kẻ trộm.

Hốt hoảng vì làn sóng người phạm pháp ấy, chánh quyền thử tìm cách ngăn chặn, không phải bằng cách thành lập một hệ thống an ninh mới để trông chừng việc tuân hành luật lệ, mà bằng cách đặt những biện pháp trừng phạt nặng nề hơn đối với những ai vi phạm luật.

Một đứa trẻ có thể bị xử tử hình vì đã ăn cắp một khăn tay của một người khác. Tử hình cũng áp dụng đối với ai ăn cắp hàng hóa trị giá 5 hào (Shillings) trong một cửa tiệm. Những hình phạt có tính cách tàn bạo và trả thù ấy không có hiệu quả chút nào. Hình phạt ấy đã làm chết một số đông những kẻ phạm tội lật vạt, đồng thời đẩy những kẻ sát nhân, phạm pháp cừ khôi đến tình trạng hoạt động càng hung tợn vì họ biết rằng, dù thế nào, họ cũng sẽ bị treo cổ nếu họ bị bắt.

Cảnh sát đã bắt lực để chống với các vụ phạm pháp tại Luân Đôn và các thành phố lớn khác, họ lại càng bắt lực hơn nữa, hồi thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, khi cần phải đàn áp những vụ rối loạn do đám dân nghèo khổ gây ra. Luôn luôn người ta có thể xúi họ bạo động khi nhử trước mắt cho họ thấy một viên ảnh về món lợi nào. Bởi vậy, khi không vờ ý về một đạo luật nào đưa ra trước Quốc Hội thì những tay giàu có thường theo thói quen xúi giục các đám đông biểu tình để làm khó dễ chánh quyền.

Ví dụ một chuyện rất được nhiều người biết là trường hợp của người bán trà tên Frederick Bull. Năm 1780, ông này sắp bị thiệt hại to về số trà dự trữ của ông ta, do chánh sách của chánh phủ đối với bèn Mỹ Châu. Ông ta tìm được một người để sai khiến là Huân tước George Gordon. Ông này là người không biết xét đoán, tổ chức 3 đám đông xếp hàng kéo đến Quốc Hội phản kháng, không phải về vấn đề trà, mà về những biện pháp của chánh phủ đã ban cho người đạo Thiên Chúa tự do rộng rãi hơn trước.

Khi đến lâu đài Westminster, đám biểu tình giải tán.

LỊCH - SỬ

CẢNH - SÁT ANH QUỐC

Không biết mục đích của cuộc biểu tình là gì cả, đám dân chúng vô trật tự, không ai kèm chế liền cướp giật và đốt phá, gây hoả hoạn trong gần một tuần lễ.

Nhiều vụ lộn xộn tương tự như vậy nổi lên trong các thành thị lớn khác và, vì không có lực lượng Cảnh sát đủ khả năng, chính quyền phải nhờ đến quân đội. Dù sao, các binh sĩ cũng không thể ngăn ngừa được các đám đông biểu tình hay bạo động; họ chỉ có thể đàn áp, nhiều lúc phải đâm máu, và như thế chỉ càng nung sôi lòng thù hận của quần chúng.

Ví dụ như một việc đã xảy ra trong năm 1819, trên miền Bắc Anh-cát-Lợi. Một đám đông lối 60.000 công nhân hội họp một cách yên lành tại Manchester để nghe một diễn-giả trừ danh nói chuyện. Sự ông này sẽ xúi giục đám dân chúng dùng bạo lực, các thẩm phán quyết định bắt ông ta trước khi ông ta diễn thuyết. Việc này không phải dễ dàng, các vị ấy ra lệnh cho hai đại đội đến giải tán cuộc hội họp. Đối với các binh sĩ, công việc ấy chỉ có nghĩa là: sắp thành đội ngũ rồi tấn công đám đông. Do đó hàng trăm người bị thương. Nếu hệ thống Cảnh-sát cũ không đủ sức giữ gìn trật tự nữa, thì lẽ hiển nhiên là cũng không phải quân đội có thể thay thế hệ thống ấy được. Và lại, việc thành lập một lực lượng Cảnh sát rộng lớn vấp phải một sự chống đối mãnh liệt. Người ta cho rằng làm như thế là chạm đến tự do cá nhân. Ngay như trong năm 1818, một Ủy ban của Quốc-hội được giao trách vụ nghiên cứu vấn đề, đã kết luận trong tờ phúc trình rằng: « Đối với một dân tộc tự-do, một đề nghị như thế sẽ bị bác bỏ một cách ghê tởm ».

Tuy nhiên, người ta cũng đã thử giải quyết vấn đề khó khăn theo một tỷ-lệ nhỏ hơn. Được đề cử làm thẩm phán nơi tòa án ở Bow Street, tại Luân-Đôn năm 1749, tiểu-thuyết-gia kiêm kịch-sĩ danh tiếng Henry Fielding đã cố công thành lập trong địa hạt của ông một lực lượng Cảnh-sát nhỏ nhỏ, mà người ta gọi là « Bow Street Runners ». Lực lượng này đã chiến đấu thành công chống các toán cướp bóc đã khùng bố Luân-Đôn thời bấy giờ. Công trình của ông Fielding được các quan tòa khác tiếp tục.

Năm 1782, các toán tuần tiễu của « Bow Street » xuất hiện trên các đường phố của kinh thành. Các người này có vũ trang và đi tuần một lần buổi trưa và chiều. Các toán tuần tiễu này được tồn tại trong 50 năm, sau đó được sát nhập vào lực lượng Cảnh-sát Đô-thành (Police Métropolitaine. Người ta gọi « Métropole » là toàn thể 28 phường của thành phố Luân-Đôn). Ngoài « Bow Street », tại Luân-Đôn còn có các Tòa-án Vi-cảnh khác có sử dụng một ít nhân viên Cảnh-sát được trả lương.

Từ năm 1796 trở đi, lại có Cảnh-sát tuần-giang (Police Fluviale) Các nơi khác trên lãnh thổ Anh-Quốc tuy vậy vẫn còn có Cảnh-sát hương thôn (Constable de Commune) và người tuần đêm ; và phải

chờ đến năm 1829 mới có một sự cải tổ hệ thống thật sự.

Ngày 15 tháng 5 năm 1829, Sir Robert Peel, lúc ấy là Bộ-Trưởng Nội-Vụ trình lên Quốc-Hội « một dự án luật đề cải tiến Cảnh-sát trong Đô-thành và ngoại ô ». Đó không phải là một đề nghị bất thần hay không toan tính trước từ lâu. Suốt 7 năm trong thời giữ chức vụ Bộ-Trưởng, ông Peel đã cố gắng không ngừng để thẳng phe chống đối và dọn đường cho một đạo luật. Dự án luật này trừ liệu thành lập một đoàn sĩ quan Cảnh-sát được trả lương, tùy thuộc vị Thẩm phán hay Giám-Đốc Sở Cảnh-sát và có trụ sở trung ương là Sở Cảnh-sát Trung-ương tại Westminster. Dự án luật được hai viện bỏ thăm chấp thuận, nhưng đã gây lòng công phần chống đối mãnh liệt trong dân chúng, họ chang những cảm giận chánh phủ mà luôn cả những nhân viên mới của ngành Cảnh-Sát.

Đạo luật của Ông Peel không có đề cập gì đến việc tổ chức và điều hành cơ quan Cảnh-Sát mới. Cái trách vụ này được giao cho hai ông Giám-Đốc Sở Cảnh-sát đầu tiên. Ông Peel bổ nhiệm vào chức vụ này Đại-Tá Charles Rowan, một cựu chiến sĩ trong những trận chống Nã-Phá-Luân, và một trạng sư trẻ tuổi tên Richard Mayne.

Chính Đại-Tá Rowan, cách đây hơn một thế kỷ đã đặt nền móng vững chắc và huy hoàng cho ngành Cảnh-Sát Anh-Quốc ngày nay.

Rowan đã làm sĩ quan hồi ông còn rất trẻ tuổi. Ông đã chịu ảnh hưởng mạnh của vị chỉ huy của ông ta là vị Tướng lãnh danh tiếng Sir John Moore. Mười bốn năm sau khi giải ngũ, lúc ông ta lãnh trách nhiệm tổ chức Cảnh-sát, ông Rowan đã áp dụng một cách mỹ mãn phương pháp mà xưa kia Sir John Moore đã dùng để huấn-luyện các trung đoàn bộ binh trong thời Anh-Quốc đang chờ cuộc xâm lăng của binh đội Nã-phá-Luân tràn qua, một cuộc xâm lăng đã không bao giờ được thực hiện, cũng như của Hitler.

Nhân viên ngành Cảnh-sát mới thành lập xuất hiện lần đầu trên đường phố Luân-Đôn buổi chiều ngày thứ ba 29 tháng 9 năm 1829. Trong các thành phố khác của Anh-cát-Lợi và của Pays de Galles, sự cải tổ được bắt đầu thực hiện trong năm 1833.

Đồng thời ở Ecosse cũng thành lập các lực lượng giống như thế.

Các sĩ quan Cảnh-sát mặc một cái áo màu xanh dương với nút bằng kim khí, quần màu lợt và đội một cái mũ cao. Các Cảnh-sát-viên mới đã phải trải qua một thời kỳ khó khăn. Mọi người đều chống lại họ, không phải chỉ bọn gian nhân phạm pháp mà thôi, vì điều đó là thường, mà ngay cả những người tuần đêm, những lính « Bow Street Runners » và tất cả những người thuộc hệ thống cũ, kể luôn cả các thẩm

(xem tiếp trang 61)

Cảnh - Sát

★ TRỰC HÀNH

MỖI khi nói đến hai chữ **CẢNH - SÁT**, ai cũng hiểu đó là dịch ở danh từ « *Police* » mà ra, một danh từ đã hầu như được quốc-tê hóa. Tuy nhiên, dù dùng danh từ **CẢNH SÁT** hay « *Police* », nhiều người chỉ liên tưởng đến một số viên-chức mặc sắc phục làm phận sự giữ gìn trật-tự an-ninh công-cộng tại Đô-Thành, các thành phố và thị-xã. Nếu để ý tầm nguyên, ta thấy **Cảnh-sát** không phải chỉ là những viên-chức có nhiệm-vụ *phòng giữ và xem xét* như nghĩa đen chú giải trong tự điển, nhưng còn bao-hàm nhiều ý nghĩa sâu rộng, tưởng cũng nên thử đem ra bàn để tìm hiểu thêm.

Theo từ nguyên, chữ « *Police* » bắt nguồn từ danh từ Hy-lạp « *Politeia* » có nghĩa là « *cai-trị một thị-trần* », rồi về sau *Police* cũng còn có nghĩa là « *tất cả những quy tắc đã được đặt ra để bảo vệ trật-tự và an ninh công cộng* ». Dân tộc Hy-Lạp có một nền văn-minh rất sớm, nên khi người dân quần-cư tại địa điểm nào họ lập thành thị trấn và đặt ra những luật-lệ trị-an — Hời xưa ở nước ta cũng vậy mỗi khi dân-cư quy-tụ tại nơi nào, các cụ cũng thiết lập thành làng thành xã, và tự đặt ra « *hương ước* », trong đó cũng đề-cập đến vấn-đề tuần-phòng, vì kinh-nghiệm từ ngàn xưa đã nhận định rằng có *an cư* mới *lạc nghiệp* được.

Để thi hành những quy-tắc trị-an đó, dù là dân Hy-Lạp hay các cụ ta hời xưa, phải có những người phụ trách tuần phòng; có thể rằng những trai tráng trong thị-trần, làng, xã được luân-phiên cắt đặt làm bốn phận không công, có thể rằng những người được cắt cử để đảm nhiệm việc tuần

phòng được hưởng huê-lợi của một số công-điền công-thô, hoặc được hưởng một số tiền thù-lao do những người trong thị-trần, xã, làng đóng góp.

Thê-chê ấy được lưu truyền và mỗi ngày mỗi cải-tiến, quốc-gia nào cũng phải coi vấn-đề *bảo-vệ an-ninh trật-tự công-cộng* là thiết-yếu nên NHÀ NƯỚC mới đặt thành cơ-sở; những viên-chức thừa-hành cũng phải là những người có kiên-thức rộng rãi và có nhiều kinh-nghiệm, vì luật-lệ mỗi ngày một phức-tạp, một tinh-vi tế nhị.

Danh từ **CẢNH - SÁT** đã được thông dụng đến nỗi hiện thời trong các văn-kiện cũng như trong những câu truyện hàng ngày, danh-từ ấy có những nghĩa khác biệt tùy theo ý người muốn nói:

1-) Hoặc là để chỉ-định một *Công sứ* có nhiệm-vụ đối với dân chúng, thí dụ như khi người ta nói: « **CẢNH-SÁT** Đô - thành có nhiệm-vụ bảo vệ trật-tự an-ninh và vệ-sinh công cộng... »

2-) Hoặc là để chỉ định *quyền lập quy* của nhà chức-trách có thẩm quyền, thí dụ như khi người ta nói: « Ông Thị-Trưởng có quyền **Cảnh-sát Công-lộ** »

3-) Hoặc là để chỉ-định một *hành động* của cấp thừa hành, bắt buộc người dân phải tuân theo một mệnh lệnh hợp pháp, thí dụ như hành động của nhân viên Cảnh-sát ngăn cản không cho người vô phận sự vào một căn nhà bị cháy khi đội cứu-hỏa đang can-thiệp.

4-) Hoặc là để chỉ-định *nhân-viên* của cơ-quan Cảnh-sát, thí dụ như người ta nói: « Cảnh.Sát đã bắt quả tang đám bạc ».

Như vậy, ta thấy rằng Cảnh-sát không phải là một danh-từ dùng để chỉ định riêng những nhân

viên công-lực mặc sắc-phục, nhưng còn dùng để chỉ định cả « cơ quan », « quyền hành », « hoạt-động » và « tất cả nhân viên » trong tổ chức Cảnh sát — Chúng tôi muốn nhấn mạnh vào câu « tất cả nhân-viên », vì Cảnh-sát không những chỉ có nhân viên mặc sắc phục mà thôi nhưng còn có nhân-viên mặc thường phục nữa.

Nếu hoạt động của Cảnh sát chỉ đóng khung trong việc quan-sát và tuần phòng công khai như tuần-định hồi xưa thì chắc chắn khó mà khám phá ra được những vụ phạm pháp lén lút, nhỏ như oa trừ đồ vật trộm cắp, lớn như âm mưu phản loạn. Vì vậy, trong công tác thường xuyên, Cảnh-sát có những phần việc nổi và phần việc chìm. Những viên-chức phụ-trách công-tác nổi là những người đại-diện chính quyền phải mặc sắc phục để người dân dễ phân biệt, nhưng muốn truy tầm những phạm pháp lén lút khéo che đậy, nhân viên Cảnh-sát phải hoạt động kín và lẽ dĩ nhiên không mặc sắc phục để dễ hòa mình trong dân chúng.

Do nhu cầu đó mà Cảnh-sát được chia thành 2 bộ môn chính, một hoạt động công khai có tính cách phòng ngừa phạm pháp, và một hoạt động kín có tính cách trừng trị phạm pháp, hai bộ môn đó là « Cảnh-sát Hành-chánh » và « Cảnh - sát Tư-Pháp ».

Để định nghĩa 2 bộ môn này, chúng tôi xin mượn một đoạn trong đạo luật ngày 3 Brumaire năm thứ IV thời Cách-Mạng Pháp :

« La Police est instituée pour maintenir l'ordre public, la liberté, la propriété, la sûreté individuelle. Elle se divise en Police Administrative et Police Judiciaire.

« La Police Administrative a pour objet le maintien habituel de l'ordre public ; elle tend principalement à prévenir les délits.

« La Police Judiciaire recherche les délits que la Police Administrative n'a pu empêcher de commettre, en rassemblant les preuves et en livre les auteurs aux tribunaux chargés de les punir ».

Chúng tôi xin tạm dịch :

« Cảnh-sát được thiết lập để duy trì trật tự công cộng, tự-do, quyền tư-hữu, an-ninh cá nhân. Cảnh-sát được phân ra « Cảnh.sát Hành-chính » và « Cảnh.sát Tư-pháp ». Cảnh-sát Hành chính nhằm mục tiêu duy-trì thường xuyên trật tự công cộng. Cảnh sát Hành-

Chính chuyên chú phòng ngừa phạm pháp. Cảnh-Sát Tư-pháp truy tầm những phạm pháp mà Cảnh-sát Hành-chính không thể ngăn ngừa được, thu.thập tang chứng và giải giao những thủ phạm sang những Tòa-án có trách vụ trừng-phạt họ. »

Một người muốn có một khẩu súng săn để vừa giữ nhà vừa đi săn tiêu khiển thì luật lệ buộc người đó phải làm đơn xin cấp giấy phép trước khi mua. Việc điều tra thuộc phạm vi « Cảnh sát Hành-chính » và giấy phép do Bộ Nội-Vụ cấp (cũng ngành Hành-chính). Nếu người đó, vì lý do này hay lý do khác, có một khẩu súng mà không chịu khai nạp để xin phép mang giữ, nhưng oa trừ lén lút trong nhà, như vậy là phạm tội, và việc điều tra để truy tầm ra tội phạm thuộc thẩm quyền « Cảnh-sát Tư-pháp », và cơ quan truy tố là Biện-lý Cuộc (cũng ngành Tư-pháp).

Như vậy, sự phân quyền kẻ đã rõ ràng : « Hành-pháp » có thẩm quyền Cảnh - sát Hành-chính (phòng ngừa) và Tư-pháp có thẩm quyền Cảnh-sát Tư-pháp (trừng trị). Tuy nhiên, đây chỉ là nói về phần đại quát ở cấp trên, còn ở cấp thừa hành thì nhiệm vụ không có sự ngăn cách rõ rệt. Một Cảnh-sát-viên mặc sắc phục đương gác ở ngoài đường là làm việc « Cảnh-sát Hành - chính », nhưng khi thấy có kẻ lầy cấp của người khác thì không thể viện lẽ không phải phận sự mình mà làm ngơ nhưng vẫn phải bắt kẻ ăn cắp, như vậy lại là làm việc « Cảnh - sát Tư-pháp ».

Trong một nước văn minh, luật lệ hành-chính mỗi ngày một tề nhị phúc tạp tùy theo tình thế và tùy theo địa phương, bởi lẽ đó, trong bộ môn « Cảnh-sát Hành-chính » lại được chia ra làm nhiều bộ phận, mỗi bộ phận phụ trách một môn riêng biệt, như « Cảnh - sát Trật - tự Lưu - thông », « Cảnh - Sát Di - Trú Ngoại-Kiểu », « Cảnh - sát Phi-trường v. v... »

Về Cảnh-sát Tư-pháp, ai cũng hiểu bộ môn đó có 3 trách-vụ và cũng là 3 giai đoạn hành động :

- 1/ Truy-tầm phạm-pháp
- 2/ Sơu.sách tang chứng để thẩm cứu
- 3/ Truy-tố kẻ phạm pháp ra trước Tòa-án.

Trong 3 trách - vụ đó, phần thứ nhất thuộc phạm vi Cảnh.sát với tư-cách Phụ - tá Biện-lý, phần thứ hai thuộc thẩm quyền Dự-thẩm, và phần thứ ba thuộc thẩm quyền Biện-lý. Thực-tế đã cho

(xem tiếp trang 57)

TAM CỔ

THẢO LƯ

Bài của T. Đ. K.

BÁT cứ một chàng trai nào cấp sách đi học lại chẳng xây mộng công hầu. Tột điểm của mộng ấy là được đóng vai quân sư để chỉ đường vẽ lối cho vị quốc quân thực hiện những công nghiệp nghiêng trời lệch đất.

Chí lớn thì ai cũng có hoặc muốn có, nhưng thực hiện nổi chí ấy phải có tài lớn, đức lớn liệu ai cũng có được chăng ?

Khó lắm.

Nguy hại hơn nữa là ngộ nhận tài đức rồi đem ra thực hiện chí lớn, mộng không thành mà chiếc thân đã tan nát ngay ở bực thang đầu.

Làm quân sư khó như thế, vậy mà có một chàng trai vào khoảng năm 208 dương lịch, trạc tuổi trên 20 ngồi ôm gối dương dương tự đắc chỉ vào các bạn đồng song khen một cách rất bề trên rằng :

— Tài học của các anh cũng khá, có thể làm tới chức Thứ Sử, Quận Thứ.

Mấy người bạn, toàn những danh sĩ lỗi lạc đương thời, Mạnh Công Uy, Từ Nguyên Trực, Thạch Quảng Nguyên, Thôi Châu Bình, ngạc nhiên hỏi lại chàng trai bạn mình :

— Anh đã nhận định chí nguyện và tài sức của chúng tôi. Vậy xin cho biết chí nguyện của anh ?

Chàng trai chỉ cười mà không trả lời.

Song thường nhật bạn bạn cũng đã từng biết, chàng trai thường ví mình như Quản Trọng và Nhạc Nghị, những chính khách và danh tướng đại tài giúp vua làm nên nghiệp bá.

Hoài bão ấy kể cũng đã táo bạo và liều lĩnh.

Thế mà có một nhà thư giả đặt sĩ khí giới thiệu chàng trai đó với vị sứ quân nổi tiếng thời đó là Lưu Huyền Đức, còn nói :

— Khổng Minh, tên chàng trai đó, tự ví như thế, tôi e còn khiêm tốn phải ví với Khương Tử Nha giúp nhà Chu hưng vượng được tám trăm năm và Trương Lương kiến nghiệp bốn trăm năm cho nhà Hán...

Chà, một chàng thanh niên hơn hai chục tuổi đầu học hành đã lấy gì làm khở công kinh sử, hưởng hồ

lại được tiếng là chỉ học đại lược, cái gì cũng lướt qua, bề rộng thì có, bề sâu chắc không, đã ôm một mộng liều lĩnh, thế mà còn có người tán phục, người đó lại còn là một ân giả đặt thế thực thời nữa !

*

MỘT bên là vị sứ quân 47 tuổi, đã có thành tích 20 năm trời chiến đấu xông pha vào sinh ra tử, đã từng dẹp giặc « khăn vàng » lại từng giữ chức cai trị một châu, — Từ Châu Mục, — thanh danh thật hiển hách, kinh nghiệm thật già dặn và chí nguyện cũng lại cực kỳ to tát nữa : chí nguyện làm vua và thống nhất thiên hạ.

Hơn nữa, đương thời nhắc đến tên Lưu Sứ Quân Huyền Đức ai cũng tỏ ý khâm phục và ngưỡng mộ, vì chí khí, vì tài danh và nhất là vì đức độ, một đức độ của bậc chân mệnh thiên tử.

Còn một bên là chàng trai 27 tuổi làm nghề đọc sách cày ruộng. Thành tích : chưa có gì ; tài năng bất quá một vài người bạn thân khen phục.

Cuộc hội kiến của hai bên như thế thật là chênh lệch.

Một đẳng thì có đủ, có cả tuổi lẫn thế lẫn uy còn một đẳng thì thiếu hết, thiếu hết.

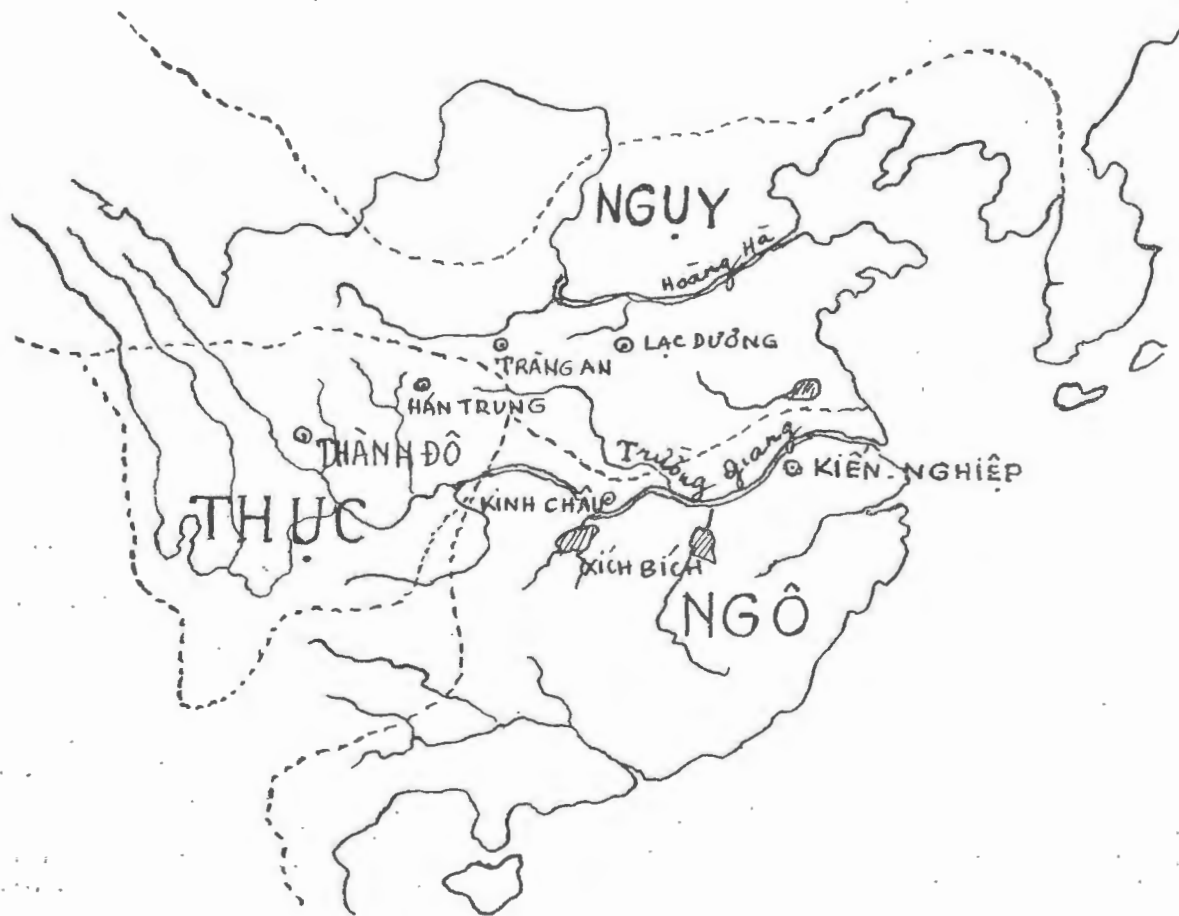
Liệu họ trò chuyện với nhau có được cùng chăng

Cuộc hội kiến chênh lệch như thế thật khó thực hiện. Thế mà kỳ lạ hơn cả là không khó ở phía « có đủ » mà lại khó ở phía « thiếu hết ».

Nghĩa là Lưu Huyền Đức phải cầu cạnh, phải kiên thành, cố công chí tinh đem lễ vật ra mắt tới *yết kiến* Khổng Minh Chư Cát Lượng tới ba lần ở thảo luận mới được hân hạnh gặp gỡ.

Tam Cổ Thảo Lư ! chẳng biết chàng trai họ Chư 27 tuổi đầu kia tài năng tới bực nào mà lại làm cao tới thế ?

Khổng Minh có hành động khó khăn ấy phải đâu là một hành động bột khởi. Chính mọi cách thức được dàn bày, được bố trí đều do chủ định và chủ



Bản đồ TRUNG - HOA thời Tam Quốc

định ấy sở dĩ có vì đã cân nhắc ước lượng thế của người, thế của mình rất thấu đáo.

Trước nhất Khổng Minh rất biết tài học đức độ của mình tới đâu, làm nổi những gì và muốn làm những gì. Muốn thành bậc đại trượng phu theo quan niệm của Nho giáo thì phải tự nhiên, phải hành động không thể đóng vai ăn sĩ hưởng trăng lên, hồng gió mát, còn mặc đời muốn ra sao thì ra.

Khổng Minh muốn làm việc đời, muốn cứu đời.

Nhưng muốn thực hiện chí nguyện ấy phải có cái thế, thế đóng vai lãnh tụ không đủ, ân đành giữ cái thế quân sư vậy.

Khổng Minh đã chọn, đã tìm, đã cân nhắc đã đổi theo hành động của các tay kiệt liệt đương thời và chỉ thấy có một người đáng tin phục, người ấy là Lưu Huyền Đức hiện đương ở đất Kinh châu. Vì vậy Khổng Minh phải xếp đặt để danh tiếng của mình phải lọt tới tai họ Lưu dẫn lộ cho vị Sĩ quân có chí lớn kia phải đích thân đến thảo luận để tìm hiền sỹ.

Còn tình trạng của Lưu Huyền Đức thì ra sao mà chỉ mới nghe danh Khổng Minh đã phải tìm đến ?

Trong cái thế lúc bấy giờ, Lưu sứ quân chỉ là một kẻ chiến bại. Hai mươi năm trời đuổi giông yên ngựa mà sự nghiệp chưa ra sao, mảnh đất lập cước chưa có, liệu còn nói gì đến mộng bá vương.

Lúc đầu dẹp giặc khăn vàng, sau theo mọi người trừ họa quyền thần Đồng Trác, sau lại dựa vào Công Tôn Toàn, đến khi cứu nguy Từ Châu được mọi người suy làm Từ Châu Mục để thay thế cho người cũ ốm chết, chẳng bao lâu lại bị Lã Bố đánh úp mất đất tựa nương, phải theo về ở nhờ Tào Tháo. Sau lại mượn thế Tôn Thất định diệt họ Tào, việc bại lộ phải chạy... Long đong mãi, hết dựa người nọ lại dựa người kia, tài có chí có, vậy cánh có mà loay hoay mãi không kiếm ra được mảnh đất cắm dùi chỉ vì đường đi chưa xác định được rõ rệt.

Muốn đi đúng đường phải có người mách nước.

Biết ai là người sáng để chỉ lối cho đi bây giờ ?

Với lòng khao khát tìm hiền sỹ ấy nên khi nghe được thức giả ẩn dật nhắc tới Khổng Minh là Lưu Huyền Đức quyết tâm hái phông.

Vi vậy mà sự chênh lệch không còn chênh lệch nữa trong cuộc hội kiến giữa hai người.

Già đáng tuổi bố mà vẫn sẵn sàng chờ đón lời cao luận của kẻ chỉ đáng tuổi con.

Khiến nghe đề sau rồi bài phục, đề tin theo, đề hèn bỉ thực hiện, đó đều là tác dụng mà Khổng Minh đã phải dàn cảnh trong vở « Tam Cố Thảo Lư ».

*

TÀI bố trí nhà thầy có rồi, dàn cảnh nhà thầy cũng khéo, nhưng điểm chính yếu là tài đức của nhà thầy thế nào xin vui lòng cho biết ?

« Đức » hoặc ở lâu mới tỏ tường, hoặc điều tra cũng có thể biết được; còn « tài » thì đây nhà quân sư vị lai chỉ một buổi cao đàm hùng biện cũng đủ cho vị tướng quân với 47 tuổi đầu, với 20 năm tranh đấu phải bừng tỉnh ngộ và trong thấy rõ mồm một con đường phải đi và đi thì thành công.

Chư Cát Lượng sai đồng tử lấy một bức địa đồ treo lên bình phong.

Trong họa bản đã vẽ tóm thâu tất cả lãnh thổ Trung Hoa khoảng trên dưới năm thứ 200.

Chư tiên sinh trang trọng hướng vào Lữ Sư-Quân thưa :

« — Tâm sự Sư quân chẳng phải chờ đến bây giờ do chính Sư quân phát biểu Lượng mới rõ : Thành tích cùng hành động của Sư quân hợp nghĩa hợp tình, đã vang dậy khắp thiên hạ khiến người người đều ngưỡng mộ, lẽ nào Lượng này lại ra ngoài thông lệ ấy được, bây giờ tuy mới hân hạnh được hội kiến song trong thâm tâm đã từng trừ liệu từ lâu rồi. Đại thể thiên hạ ngày nay, từ khi Đông Trác chuyên quyền hoành hành lẫn át cả thiên tử, hào kiệt đua nhau bột khởi, người thì dựa thế giang hà, kẻ thì ý vào châu quận, nhiều không kể xiết.

Tào Tháo so với Viên Thiệu, danh tiếng cũng kém mà tướng tá cũng ít thế mà Tháo thắng Thiệu, rõ là nhờ thắng cường. Như vậy chẳng những do thiên thời mà còn phải kể cả nhân mưu nữa.

Ngày nay Tháo đã có quân trăm vạn uy hiếp thiên tử để khiến chớ chur hầu cái thế đã ổn định, ta khó nhằm hướng đó tranh phong.

Tôn Quyền chiếm cứ Giang Đông đã trải ba đời lãnh thổ được che chở bằng những chướng ngại thiên nhiên, lòng dân lại quy phục, hưởng hổ lại biết tôn trọng kẻ sỹ tận dụng hiền năng, đôi hướng ấy ta cũng không thể tranh phong để tính chuyện thôn tính được, tuy nhiên ta có thể tìm cách giao kết làm đồng minh để vừa giữ mình, vừa có thể sau này bắt phạt.

Đất Kinh-châu này phía bắc có sông Hán Miện, đông liền Ngô-Hội, tây thông Ba Thục, đó là đất tiện cho việc dụng võ. Chúa Kinh-châu lại là kẻ dung tài ám nhược chắc chắn sẽ không giữ nổi đâu. Đất ấy chính là Trời dành cho Sư-Quân lập cơ để gây cơ sở đó Chẳng hay Sư quân có để tam đèn chằng ?

Về phía tây Kinh-Châu là đất Ba-Thục thuộc Ích Châu. Đất này thật là hiểm thuẫn, ruộng phì nhiêu rộng hàng nghìn dặm, đúng là kho trời. Lại thêm những bậc danh sỹ trí năng chỉ khao khát tìm được minh quân để phụng sự. Sư-quân vốn dòng dõi đế-thất, tín nghĩa vang dậy bốn biển, nhiều bậc anh hùng quy phục lại có lượng bao dung, khao khát hiền sỹ chắc chắn một khi động binh sẽ chiếm đoạt được Ích Châu.

Đến lúc đó, sở cứ Kinh, Ích hai châu, vịn vào thế hiểm trở, phía tây hòa với mọi giềng Nhung, phía nam vỗ về Man Việt, ở ngoài thì giao kết chặt chẽ với Tôn Quyền làm ngoại viện, Sư quân có thể củng cố thanh thế tu sửa kiến quốc, chờ khi thiên hạ có biến, chỉ sai một viên thượng tướng đem quân Kinh Châu tiên phát, Sư quân thì thân đốc xuất quân Ích Châu để trợ chiến, át dân chúng sẽ hoan hỷ, giở cơm bầu nước, để tiếp đón Sư quân. Như vậy Trung Nguyên sẽ bình định và bá nghiệp sẽ thành... »

Khổng Minh đã trình bày một sách lược minh định đại thể trong thiên hạ khiến cho vị Sư quân lỗi lạc phải bừng tỉnh ngộ và bài phục.

Giữa thời ấy, phương tiện thì thiếu sót, kỹ thuật lại ấu trĩ ngành thông tin làm sao có đủ khả năng cung cấp tin tức thực trạng cho mọi người được đầy đủ. Huống hồ đất đai lại rộng lớn, sự giao thông lại khó khăn, người tha thiết với thời cuộc chỉ có thể căn cứ ở truyền thuyết, ở những câu chuyện kể lại của khách lữ hành, rồi do đó đem khối óc sáng suốt ra mà suy luận.

Sự suy-luận đúng hay hay sai, phiên diện hay thống quát đều lệ thuộc ở sự sáng suốt cao hay thấp của người suy luận.

Thế mà chàng thư sinh bạch diện, ở nơi cô tịch thôn dã kia đã nhận định được thời cuộc rất chân xác và tinh trước được cái thế biến diễn tất nhiên phải đến, quả là có nhỡn lực phi thường.

Sau này cả một cuộc đời Lữ Huyền - Đức với sự trợ lực của Quân-sư Chư Cát-Lượng đã tuân tự thể hiện từng điểm nêu ra trong sách lược ngót 70 năm trời (213-280).

Chỉ một lời nói mà trong cái thế hỗn mang người ta đã nhận định được sự phân định rành rẽ và sự phân định ấy kéo dài trong một thời gian gần một thế kỷ, lời nói đó không phải là không đặc biệt.

T. Đ. K.



Thơ

m ấ t

m á t

CÒN đâu nữa những chiều thu diệu vợi
Dáng em về qua khung cửa nghiêng nghiêng
Tóc mười lăm nững nịu xuống vai hiền
Tà áo trắng như cuộc đời trinh nữ.

Ngày hai buổi đi về qua phố chợ
Anh nhìn em mà xao xuyến tâm tư
Đôi mắt buồn lắng đọng cả trời thơ
Làn môi thắm in nụ cười ngây dại.

Em lặng lẽ chưa bao giờ quay lại
Để nhìn anh tha thiết đứng bên song
Gió chiều thu dù man mác tê lòng
Mắt vẫn dõi hình em khi khuất phố.

Có một buổi chiều thu em bỏ ngõ
Khi vô tình bốn mắt lại giao nhau
Em thẹn thùng cúi mặt bước đi mau
Anh đọc được rất nhiều đôi mắt ấy.

Rồi ngày tháng buồn như dòng nước chảy
Anh lên đường theo tiếng gọi quê hương
Mang theo hồn trọn vẹn cả niềm thương
Và bóng dáng người nữ - sinh thơ dại.

Nhịp khúc khải - hoàn ca anh trở lại
Qua phố phường qua lối cũ đường xưa
Lá mùa thu từng chiếc rụng bơ vơ
Vì em đã : Xe hoa về xứ mộng.

(trích Thi-phẩm THƠ chưa xuất bản)

Vũng - Tàu mùa mến

★ KHÁI - LINH

NHỮNG KẼ

QUYỀN SINH

TRƯỚC

CON MẮT của LUẬT HÌNH



★ ĐÀM - TRUNG - MỘC

BÌNH thường, con người ai ai cũng ham sống. Lão Tiều phu của nhà ngụ ngôn Lã-phụng Tiên khổ hết chịu nổi, than thân đòi chết, nhưng thần chết vừa tới thì lại sợ run, lạy van thần để nguyên cho hai chữ Bình An. Ham sống quá lắm khi cam tâm quy lụy, mất cả phẩm cách cũng đành. Tuy nhiên bất thường vẫn có những người tình nguyện chết, tự tử, tự vạ, và con số xem ra cũng không ít. Thật là mâu thuẫn.

Chúng tôi không nhớ đã đọc ở tài liệu nào, từ hồi 1941, 1942 người ta thống kê ở một nước như nước Pháp, hàng năm có trên 10.000 vụ quyền sinh, phân tách tỉ mỉ ra từng hạng từng loại : 3.500 vụ do thất cổ, 1.000 vụ do hỏa khí, 200 vụ do độc dược, 2.500 vụ do trầm mình. Nguyên nhân đa số vì đói rách khốn

cùng, vì bệnh hoạn, vì điên khùng, vì chè rượu (700), và còn một số khác thì do buồn bực gia cảnh, do ghen tương, do thất tình hay tình phụ (500) Ở xứ ta, tự tử cũng xảy ra thường Một vài thời kỳ, tưởng như có cả một phong trào. Xưa phần nhiều vì Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa : Hoàng Diệu, Phan Thanh Giản, Hai Bà Trưng. Cô Thê nào đó, Triều Tự-Đức, giữa tối tân hôn, treo cổ chết chỉ vì lỡ bị kẻ gian manh lừa gạt, không giữ vẹn chữ trinh với chồng, (Bách khoa số 124 ngày 1.3.62, bài Mảnh lớt Điều Tra của Trần Thúc-Linh). Còn nay thì nhiều khi, chỉ một sự thất ý vu vơ, không đáng gì, bà con ta cũng dám rũ áo ra đi : thi không đậu, hay muốn là ca sĩ phu nhân, mà ba má không cho. Khiến thiên hạ phân vân, đàm tiếu.

Kỳ thực, vấn đề cũng chẳng mới mẻ gì. Các nhà đạo đức, nhà hiền triết từng suy nghĩ nhiều, và đến nay cuộc tranh luận cũng còn chưa ngã ngũ. Phe thì tán thành và bênh vực tự tử, phe thì công kích gắt gao. Sénèque tuyên bố : « người tử thân nô lệ sao người không nhìn cái cây kia, tự do chính đáng treo ở trên cành, chết là tự giải thoát khỏi các bất công ở trên đời ». (Tu te plains d'être esclave vois cet arbre, la liberté pend à ses branches, la mort est une ressource contre les injustices de la vie). Trái lại, Giáo Hội luôn luôn lên án lối quyền sinh. Từ thời Charlemagne cho tới quá thế kỷ thứ 17, người ta phạt kẻ tự tử : không được chôn cất không được cầu kinh, và tịch thu tài sản. Tới năm 1670, một đạo chỉ dụ phân biệt 2 trường hợp : Nếu kẻ

tự tử là kẻ tinh thần thác loạn, thì y sẽ được vô tội, ngược lại nếu y mình mẫn tỉnh táo thì thi thể sẽ bị phơi lên phen, mặt úp xuống đất, mà lòi đi riều, rồi liệng ra đồng rác. Còn vô phúc mà tự tử không chết, tương hành vị toại tự tử, thì cũng bị phạt y như kẻ tương hành vị toại sát nhân

Như bên trên vừa nói, số người tự tử khá đông, sự tự tử trở thành một cái nạn cho xã hội. Đứng trước tình trạng ấy nhiều học giả muốn nêu tự tử thành một tội phạm, trừng trị bằng Luật Hình. Trị tội như vậy có lẽ sẽ tạo một luồng dư luận chống lại tự tử, khiến nạn này thuyên giảm đồng thời sẽ gây một ấn tượng không đẹp trong đầu óc kẻ chán đời, làm cho đương nhân nhứt bót « nhuệ khí » mà lui bước không hủy thân nữa. Ví dụ có người đề nghị hễ ai tự tử thì sẽ ghi vào giấy khai tử chẳng hạn, làm cho kẻ đó phải mang một vết nhơ tinh thần đối với hậu thế. Nhiều người khác đề nghị quyết liệt hơn : thi thể kẻ tự tử không được mai táng, mà đem quàn tại nhà xác, để dùng vào việc giải phẫu thí nghiệm cho bệnh viện hay trường thuốc. Như vậy còn chưa đủ nhục, thì đăng luôn danh tính vào Công Báo, và ghi chú thêm câu : « Tự tử hèn nhát, trốn bốn phận làm người và làm công dân ».

Một vài nhà luật học lại có ý kiến truat quyền di chúc của kẻ tự tử nếu là tự tử mà chết thật. Nếu tự tử mà không chết (số còn nặng nợ như cô Kiều) thì sẽ bị coi như đã tương hành vị toại sát nhân, và bị phạt tù, phạt tiền chẳng hạn. Kẻ cũng tội nghiệp!

Tuy nhiên, ở Việt Nam Luật không có điều khoản nào dự liệu trừng phạt kẻ tự tử. Các bộ luật hiện hành làm ra từ trước, thường dựa theo hình luật Pháp quốc mà Hình Luật này (Code Pénal 1810) thì có khuynh hướng cá nhân chủ nghĩa, muốn thừa nhận cho mỗi người được quyền

tự quyết. Luật này còn có ý muốn tách khỏi các quan niệm thuộc tôn giáo, cho nên càng không muốn in theo đường lối của giáo hội xưa nay. Trong lúc ấy, nhà Cách Mạng Pháp, hình như lại chịu ảnh hưởng của những luồng tư tưởng mới, như của nhà triết học kiêm Luật Học Ý-Đại Lợi Beccaria (thế kỷ 18) chẳng hạn. Trong cuốn tội phạm và hình phạt khảo luận (Traité des Délits et des Peines) của Ông, Beccaria chủ trương: trừng phạt kẻ quyền sinh không những đã vô ích mà còn bất công. Vô ích vì là phạt một thân ma, vô tri vô giác không còn biết gì là đau đớn khổ nhục (hai tay buông xuôi là hết!). Một hình phạt dù nặng đến đâu, mà không đem thi hành được thì cũng không mong gì có cơ thi uy với công chúng được. Còn bất công là vì tự trung chỉ có gia đình thân nhân kẻ tự tử là chịu tủi chịu nhục, vô hình chung làm liên lụy oan đến những người vô tội. Đó là một điều trái hẳn với nguyên tắc cá nhân hóa hình phạt (ai làm nấy chịu), mà chính sách trừng phạt tân tiến ngày nay đâu đâu cũng đang áp dụng. Lập luận như thế, nhà lập pháp 1810 đã gạt bỏ không đề cập đến hạng người muốn chết. Và một khi luật không có điều khoản nào dự liệu, thì tội không thể nào có được, theo như nguyên tắc vô luật bất hình (Nullum crimen Sine lege). Mặc dầu ai cũng biết là hiện thời hầu hết các nhà đạo đức học đều công kích kịch liệt cái lối chán đời tự tử, là một thái độ bạc nhược và vị kỷ, một tự do quá trớn rất nguy hại cho gia đình và cho xã hội. Nhưng âu cũng là một dịp để phân biệt: luân lý hay đạo đức là một chuyện, còn luật thực tại lại là chuyện khác, luật thực tại thường phát nguyên nơi luân lý đạo đức nhưng không bắt buộc phải đi in từng bước của luân lý đạo đức vậy.

Tóm lại, trong tình trạng luật pháp hiện tại, tự tử không phải là một

điều phạm pháp, trái lại nó tự do như việc ăn, việc ngủ. Phiền là chỉ phiền nhà chức trách nhất là Cảnh Sát Công An lắm khi ngoài giờ, ngày nghỉ hay là đêm hôm, cũng phải lo đi vớt xác, đi liên lạc với Vệ sinh, với Bác Sĩ, để xin quàn xin khám, rồi lo đi khai tử, và đi điều tra. Khổ là chỉ khổ quyền thuộc thân nhân, vừa buồn vừa tủi, khóc cũng dở mà cười cũng dở. Chưa biết chừng, có khi bị đòi lên đòi xuống, bị thẩm vấn, điều tra. Bởi vì kẻ tự tử thì không bị tội, nhưng người sĩ vả ngược đãi người khác làm cho người ta uất ức quá đâm ra tự tử, có thể bị khép tội Bức - tử là tội luật có dự liệu. Điều 317 Hoàng Việt Hình Luật (ở Trung) :

Người nào lạm dụng thế lực hay là bức hiếp tàn ngược mà làm cho người ta tự tử, sẽ bị phạt giam tù 1 năm đến 5 năm hay phạt bạc từ 120\$ đến 600\$. Khi nào người phạm tội là con cháu người tự tử, sẽ bị khổ sai từ 6 năm đến 15 năm. Nếu người phạm tội là một công chức sẽ bị câu cầm từ 6 năm đến 8 năm. Các phạm nhân lại bị xử phải chịu tiền mai táng » (Các khoản bạc, bảy giờ tăng 20 lần).

Cũng vì cái tội bức tử này, mà còn nhớ hồi trước ở các vùng quê nhà nào vô phúc có người thất cổ hay chết đuối, nếu xem ra có máu mặt đôi chút, thì còn khổ với mấy ông nha lại. « Quan xa nha gần », quan thì chưa biết có nhân tâm không, nhưng Cụ Thừa, Cụ Lục (lắm khi cả Cụ Nho nữa), như quạ đói vớ được thây ma, đua nhau xui nguyên giục bị, hạch hỏi vắn vèo, xoay côm gà cá gỏi, hoặc... năm ba các bạc tiền xe! Cộng vào các khoản chè lá giấy bút ấy, nào ma chay lễ nghĩa với các nóc xóm làng phút chốc mà xạt nghiệp như chơi.



TRỞ lại vấn đề pháp lý: Tự tử vốn dĩ luật hiện hành không dự liệu không trừng phạt, thì đi đến kết quả: bao nhiêu những hành động phụ giúp vào cho người ta tự tử, bao nhiêu hành động luật kêu là Tù phạm cũng đều vô tội hết. Tỷ như: khuyên nhủ người ta tự tử, cung cấp phương tiện (súng, dao, thuốc phiện, dấm thanh, thuốc ngủ, pháo xiết nhân ngôn...). Tại sao vậy? Tại vì muốn có tù phạm khả trừng, thì trước hết phải có một sự chính phạm khả trừng đã. Ở đây cái hành động chính (hành động tự quyền sinh) vốn không là tội-phạm, không khả trừng, thì những hành động «tù phạm» phụ đáp vành ngoài, sẽ không thành vấn đề gì. Đây là một kết quả tất nhiên, không có cách gì mà làm khác đi được.

Đĩ nhiên, trường hợp tù phạm tự tử đây không thể làm lộn với trường-hợp bức tử bên trên: Kẻ bức tử là kẻ tàn nhẫn, độc ác, hành hạ người ta làm người ta ức lòng mà tự sát. Còn kẻ phụ giúp đang bàn, là kẻ có lòng tốt, mà giúp đỡ người trong việc sở cầu, việc tự giải thoát, để trút sạch nợ trần ai.

Để chế ngự nạn tự tử, một vài nhà luật học muốn tấn công mấy người phụ giúp ấy, và đề-nghị đặt ra một tội mới, tội «tham gia tự tử» (délit de participation au suicide d'autrui). Nếu có một tội như tội này, thì kẻ giàu cảm tình, hay kẻ vì tham lợi, mà yểm trợ cho người khác tự tử sẽ phải chùn tay. Mỗi cá nhân chúng ta vốn không có quyền gì vào sinh mạng của người khác, hà có ta lại được phép hùn vào cho người ta phải chết. Luật ngoại quốc như luật Anh-cát-lợi luật Ý-đại-lợi (code fasciste) trừng phạt không riêng gì những hành động giúp đỡ vật chất, mà phạt cả kẻ xúi giục, hơn nữa kẻ coi sóc sơ khoáng, khiến người ta tự tử được. Như cha mẹ không trông nom cẩn thận, để đứa

con tự tử, thì có thể bị phạt về tội tham gia tự tử. Dù sao, đó là việc ở nước người, còn ở Việt-Nam ta, xin nhắc lại, cứ luật lệ hiện tại, kẻ «tù phạm tự tử» không phải là một kẻ «khả trừng».

*



ĐẾN đây, thiết tưởng chúng ta còn phải bàn thêm một chút, để tránh mọi sự lầm lộn. Bởi vì có những trường-hợp thoát nghe thật giống hết trường hợp tù phạm tự tử vừa kể, mà kỳ thực thì lại khác xa. Một binh sĩ bị trọng thương trên bãi chiến trường kêu nhờ bạn đồng đội kết liễu dùm cuộc đời, để khỏi phải ngấp ngoai hồi lâu. Một kẻ mắc bệnh nan y kêu nài vị Y-sĩ chích dùm cho một phát độc dược, để được sớm về nơi cực lạc. Cô cậu yêu nhau mà chẳng lấy được nhau, thì rủ nhau cô bán cậu hay cậu bán cô, định cùng nhau tạc một chữ đồng (ở bên kia thế giới) chẳng dè một người lại sống sót. Người bạn chiến đấu, ông thầy thuốc, cô cậu tình nhân nào chưa chết được đây, phải chăng là những tay «tù phạm tự tử»?

Thưa không! Trong tấn kịch tự tử, người chết đã tự làm cho mình chết, tự lực nhảy xuống sông, lao đầu vào xe, deo mình tự lầu cao xuống đất, tự tay thắt cổ, bắn súng, châm lửa thiêu mình... kẻ tù phạm nói bên trên, chỉ là kẻ «chạy cò» chung

quanh, hoặc khóa dùm cái cửa, nạp dùm viên đạn, hoặc cho mượn con dao khẩu súng... ăn cần chiều ý người đang sắp vĩnh-biệt mình. Ở đây, người chết, tuy lòng muốn chết, nhưng tự mình thì tuyệt nhiên không làm một hành động sát nhân nào, mà mọi việc đều trông nhờ ở bàn tay người kẻ cặn, tức người bạn hành quân, hay ông thầy thuốc, hay người yêu của mình. Những người này đã đóng vai trò chủ động, làm cái hành vi sát nhân; họ chính là thủ-phạm, chứ không còn tù phạm, trong vụ án mạng nêu ra. Có điều là họ giết người, nhưng không phải do sáng kiến riêng, mà là do nạn nhân đã van xin cầu cạnh. Vì vậy mà những trường-hợp này, luật kêu là «sát nhân do sự yêu cầu» (Homicide sur demande).

Hình-Luật thực tại chỉ đưa ra những điều khoản hay những lời lẽ khá đại quát, để dự liệu và trừng trị tội sát-nhân, chứ không minh-thị đề cập tới hoàn cảnh éo le, là giết giúp người ta, đang nói nơi đây. Theo các tác giả Chauveau và Hélic, thì kẻ sát nhân đáng coi là vô tội. Tại sao? Bởi vì ta đã thừa nhận cho mỗi người quyền tự liệu bản thân, thì từ đó, dù con người tự mình mà hủy thân mình, hay là nhờ cậy bàn tay «tế độ» của người khác để «thanh toán» đời mình cũng vậy, điều cốt yếu là cái ý chí muốn chết của người chết, chứ cái phương thức bên ngoài đâu có «ăn nhằm». Luật không phạt phương thức thứ nhất (tự tử), hà có ta lại cấm đoán phương thức thứ hai (nhờ người khác giết mình). Anh bạn đồng đội, ông thầy thuốc hay cô y-tá, anh chị tình nhân sống sót, chẳng qua chỉ đóng một vai tay sai, chứ trong thâm tâm họ, họ không có cái ác ý sát nhân (animus necandis) mà luân lý cũng như luật pháp muốn trừ diệt!

Tuy nhiên, đại đa số gần như hầu hết các nhà Luật học và các Tòa Án, đều đồng thanh chủ trương coi sự sát nhân do yêu cầu như một sự sát nhân đơn thuần, không hơn không kém. Về phương diện thể chất, tác nhân đã có hành động hạ sát, về phương-diện tinh thần, tác-nhân đã có ý định giết thật, vì một mặt biết cái hành động mình là sẽ làm chết người, mà một mặt vẫn chí tâm làm. Nói như bên trên (tác nhân không có ác tâm) là lầm lộn cái ý định với cái duyên do phạm pháp. Cần để cầu thành tội phạm là cái ý định, chứ cái duyên do thì luật vẫn bắt chấp. Luật gia có tiếng là Ô. Garçon (từng biên chú bộ Luật Hình Pháp Quốc) đưa ra một thí dụ, và lập luận như sau : Trong một cuộc tự tử song đôi, nếu người nào cầm súng nấy, và chia vào mình mà tự bắn, thì đó đúng là tự tử, kẻ sống sót sẽ không có tội gì hết. Nhưng ngược lại, nếu người nọ cầm súng bắn người kia, thì kẻ nào « xấu số » mà còn sót lại chưa chết, thì kẻ đó can tội cố sát ; thậm chí cả hai đều cùng sống nhăn, thì ấy là một vụ toan cố sát song đôi, và cả hai đều là những trọng phạm. Chính vì vậy, mà cô Lương Trưng trong vụ đuối Lồ - ở gần đây đã bị tình nghi và truy tố như chúng ta đều nghe.

Ấy luật lý cứ rắc rối tẻ nhị như vậy, nhiều khi chỉ vì một vài tiểu-dị mà sai một ly đi một dặm, vấn đề hóa ra lật ngược, lúc vô can, lúc thành trọng tội, bà con ta ai quá chán đời mà định bụng quyên sinh, thì cũng nên coi qua bài này, chẳng gì cũng biết sơ sơ khi nào được chắc dạ, khỏi mượn Luật sư và khi nào có thể làm liên lụy đến những ân - nhân đã tận tụy với mình.

Đ. T. M.



TRỜI THU CẢM TÁC

Mây thu phủ kín hàng cây
 Gió thu hiu hắt nhẹ bay lá vàng
 Thuyền ai vô sóng nhịp nhàng
 Nước xanh thăm thăm soi hàng dừa non
 Cảnh xưa vì có linh hồn
 Thâu chẳng được những nỗi buồn tâm tư
 Nỗi buồn gửi đến quê xưa
 Liễu xanh hồi có buông tơ trước nhà
 Đào hồng xuân có nở hoa
 Vườn lê bao độ sương pha dãi dẫu
 Thu nay như gọi mạch sầu
 Thu xưa ai nhớ con tàu lênh đênh
 Trãi bao nhiêu nỗi điều linh
 Tìm nơi đất sông yên lành tự do
 Tình quê bao nỗi hẹn hò
 Người đi kẻ ở bao giờ gặp nhau
 Con sông ai xẻ nhịp cầu
 Non xanh ngơ ngẩn mặt sầu chia phôi
 Nhị-hà sóng vỗ đầy vơi
 Nhớ quê nhớ cảnh ngậm ngùi lòng thu
 Sương thu lạnh ngắt song hồ
 Đêm thu pha ánh trăng mờ soi
 Phòng thu thao thức canh dài
 Mờ trang lịch sử nhớ người ngàn xưa
 Nhớ người cung kiếm anh thư
 Thù nhà nợ nước phất cờ chinh yên
 Mê-linh danh mãi lưu truyền
 Khói hương kia vẫn thơm nghìn muôn thu
 Gươm thiêng ai đẹp loài như
 Bạch-đăng-Giang vẫn chưa mờ bóng gương
 Tây-Sơn phất ngọn cờ vàng
 Đông-Đa một trận dẹp tan quân thù
 Hồn linh hương khói xa đưa
 Danh thơm kia vẫn chưa mờ thê nhân
 Bể dâu bao độ chuyển vần
 Tầm gương anh dũng bao lần treo cao
 Sông sâu ngăn lượng sóng đào
 Bắc Nam nổi lại nhịp cầu như xưa
 Cỏ hoa kia vẫn đợi chờ
 Chờ xem hương sắc mà tô tranh đời

HỒNG-THIÊN

CẢNH-SÁT CHIẾN-ĐẤU VỚI CÔNG TÁC CHIẾN-TRANH TÂM-LÝ

của PH. Q. LONG

TRONG một số báo trước, chúng tôi đã có dịp giới thiệu với độc giả một bình chủng mới, « LỰC LƯỢNG CẢNH-SÁT CHIẾN-ĐẤU VỚI TIỂU ĐOÀN CHỦ-LỰC 611 », để độc giả có một ý niệm khái quát về tổ chức cũng như sự cố gắng của ngành Cảnh Sát Quốc Gia trong giai đoạn hiện tại.

Lần này chúng tôi xin phép được trở lại CẢNH-SÁT CHIẾN-ĐẤU với công tác CHIẾN-TRANH TÂM-LÝ.

Như ta đã biết trong cuộc xâm nhập và phá hoại miền Nam, bọn Cộng phi không đơn thuần dùng quân sự để tấn công chúng ta, không chỉ lấy vũ khí để bóc lột giết hại lương dân mà chúng còn dùng đủ mọi hình thức để đạt được mục tiêu xâm lăng.

Chúng đề cao chủ nghĩa Cộng Sản để mê hoặc lòng gạt nhân dân để lôi cuốn quần chúng, phỉnh gạt, dụ dỗ đồng bào theo chúng.

Đặc điểm của cuộc chiến tranh mà chúng ta đang phải đương đầu là một cuộc chiến tranh không giới tuyến, do bọn côn đồ Cộng phi gây nên, lấy lý tưởng đối đầu với lý tưởng, cho nên cuộc chiến tranh ngày nay còn được gọi là cuộc chiến tranh chính trị.

Mục tiêu chính của CẢNH-SÁT CHIẾN-ĐẤU là bảo đảm an ninh và phụng sự Quốc Gia Dân Tộc, nên ngoài lãnh vực võ trang vật chất bằng vũ khí tối tân, trau dồi binh nghệ, điều luyện thám báo, người chiến sĩ Cảnh-Sát Chiến-đấu còn võ trang dưới hình thức chánh trị.

Bởi vậy, song song với sự nỗ lực về quân sự và chuyên môn, Tiểu Đoàn Chủ lực Cảnh Sát Chiến-Đấu 611 cũng đã được phát triển mạnh về công tác CHIẾN

TRANH TÂM LÝ và được thể hiện dưới mọi hình thức, áp dụng mọi kỹ thuật từ thô sơ đơn giản đến tinh vi khoa học.

Tính chất của Cảnh Sát Chiến Đấu là « dân-tộc », « dân-chủ » và « hiện đại hóa. »

Dân-tộc : vì Cảnh sát Chiến đấu là một bộ phận của nhân dân, chiến đấu để bảo vệ quyền lợi của Quốc gia, tiêu diệt Cộng phi để bảo tồn những giá trị Cổ truyền của dân tộc.

Dân-chủ : vì Cảnh Sát Chiến Đấu lãnh trọng trách bảo vệ nền dân chủ của chính thể, do nhân dân thành lập nên. Mọi hoạt động phá hoại hay ngược lại quyền lợi của nhân dân đều bị CẢNH-SÁT CHIẾN-ĐẤU tiêu diệt.

Hiện-đại-hóa để theo kịp đà phát triển khoa học hiện nay hầu có thể làm tròn nhiệm vụ chống mọi hình thức xâm lăng, tiêu diệt mọi kẻ thù của dân tộc để bảo đảm sinh mạng và tài sản của nhân dân.

Cho nên trong phạm vi Chiến-tranh Tâm-lý của Cảnh sát Chiến đấu, ngoài trọng trách thường xuyên là giáo hóa đội viên để kiện toàn tổ chức và chuẩn bị tinh thần hàng ngũ, mọi kiến thức còn được trau dồi nhất là chánh trị để nâng cao trình độ hiểu biết và bồi dưỡng cho đội viên có một lý luận sắc bén trên tiêu chuẩn Quốc gia và chống Cộng hầu thực thực hiện công tác Dân vận và Dịch vận có hiệu lực.

Với tánh cách đặc biệt như vậy, các chiến sĩ Cảnh sát Chiến đấu không phải chỉ làm nhiệm vụ thám báo, tăng cường bảo vệ an ninh và hành quân Cảnh sát tiêu diệt địch mà còn phải thị hành những công tác có tính cách chánh trị như vận động quần chúng, giúp đỡ dân trong công việc hàng ngày, giác ngộ địch quân và thuyết

(xem tiếp trang 57)

MỘT đêm tối trong tháng năm, năm Kỷ-Hợi, một đêm mưa dầm ướt át khiến cho đường xá trơn trượt, xe hơi đang chạy thẳng lại khó ngừng cho có hiệu quả, bót Cảnh-Sát Quận G... thuộc tỉnh X... được người đến báo tin có một người đàn ông nằm sóng sượt hấp hối trên đường từ Quận-ly ra Châu-thành, bên cạnh có một chiếc xe đạp bị hư nát.

Nạn nhân liền được chở đi bệnh-viện cứu cấp nhưng chẳng bao lâu đã trút linh hồn, không kịp trở lại điều

ngoài chiếc xe đạp đã bị hư của người bạc phước, còn nhiều mảnh kiếng bể rơi xuống đất gần lề đường thuộc loại kiếng đèn xe hơi dính dầu sơn; đây là sơn màu vàng mà ta thường thấy ở phân nửa trên kiếng đèn pha xe hơi; theo luật lệ lưu thông bắt buộc phải có, để không làm chói mắt người lái xe ban đêm đi ngược chiều.

Với các mảnh kiếng bể lượm được, điều-tra viên đem ráp lại và nhận thấy đây có thể là một loại kiếng mặt lồi, có những đường sóng theo

Nhân-viên Truy-tầm của Ty Cảnh-Sát cho mời từng chủ nhân một đem các xe tình-nghi phạm pháp trong vụ này đến trình và để ý tới một chiếc « xe lô » có đèn bên phải về phía trước bị bể chưa sửa chữa lại, và trên kiếng che gió phía trước có dấu nứt rạn, trong đó còn tìm thấy vài sợi tóc nhỏ sót lại; các tang vật nhỏ này đã được thu lượm về để xét.

Xe này đã nghỉ chạy từ vài ngày trước khi bị triệu về bót Cảnh sát; chủ nhân viện lẽ rằng xe cũ có máy trục trục cần sửa chữa, còn thùng xe thì phải sơn phết lại để dự-bị cuộc kiểm-soát định kỳ của Sở Công-Chánh.

Trong khi bị thẩm-vấn, tài-xế xe « lô » bị tình nghi chối dài và viện nhiều lý lẽ xe của anh ta không chạy trên đường ấy vào buổi đêm trời mưa lớn có người bị xe đụng; còn chủ nhân thì quả quyết không đem xe ra chạy ngày nói trên mà cũng không cho ai mượn chiếc xe này để dùng việc riêng, như mọi người đều biết trong vùng ông trú ngụ.

Trong lúc xem xét những sợi tóc còn dính trên kiếng xe hơi phía trước, điều tra viên thấy một sợi tóc có những đặc điểm trùng với tóc người bị nạn : chiều dài, màu tóc, chất dính vô tóc, hình thức óng tủy v v...

Tòa-Án lập tờ triệu dụng Sở Giáo-Nghiệm để quan sát các dấu vết và nghiên cứu tang vật, mục đích để chứng minh hợp pháp xem xe TRACTION số XXX có phải là xe gây ra tai nạn lưu-thông làm chết người.

*

THÌ hành tờ triệu dụng của Biện-Lý Cuộc, Sở Giáo-nghiệm phái nhân-viên mở cuộc quan sát tỉ-mỉ xe « lô » hiệu CITROEN kiểu FAMILIALE TRACTION AVANT, và

ĐIỀU TRA MỘT VỤ

TAI NẠN XE HƠI ĐỤNG NGƯỜI, BỎ CHẠY

★ Nguyễn-Công-Chánh

gì cho Ty Cảnh-sát khai thác về tai nạn lưu-thông khiến y bị thiệt mạng.

Khi giải phẫu tử thi, Bác-sĩ Giám-định-Viên do Tòa-Án triệu-dụng lập chứng-y pháp-thư nêu rõ kẻ bắt hạnh chết vì vỡ sọ; ngoài ra còn được thấy trên thân thể nhiều vết thương bầm tím và vết thương nặng hơn hết là bấp thịt đùi bên trái bị xé tét ra.

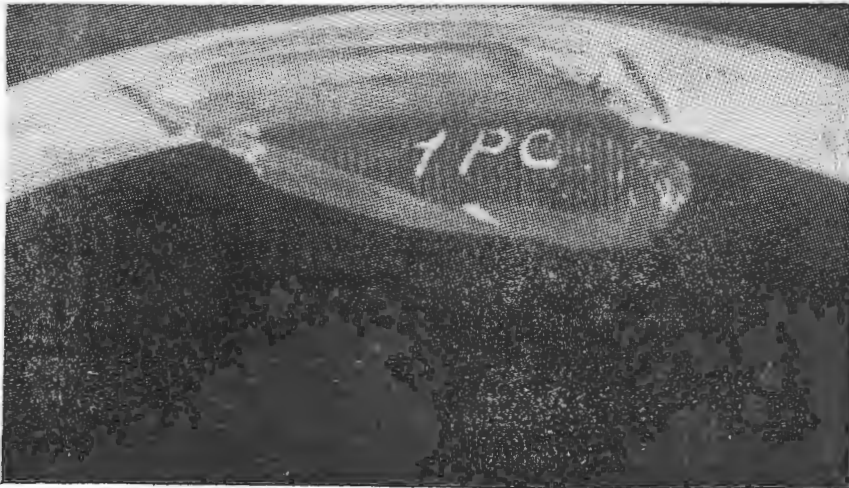
Ông Trưởng-Ty Cảnh-Sát phụ trách cuộc điều-tra, liền thân hành đến nơi xảy ra tai nạn để quan sát. Viên-chức này đã tìm ra được tại chỗ,

chiều dọc, hình thức riêng biệt. Sau khi nhờ các thợ chuyên môn xe hơi xem xét, điều-tra-viên được biết các mảnh kiếng tuy không còn thấy nhãn hiệu, nhưng đoán ra là kiếng đèn pha xe hơi hiệu « CIBIE » hay « MAR-CHAL » và loại xe được gắn 2 hiệu đèn này thường là các xe CITROEN.

Trên đường xảy ra tai nạn người ta được biết có rất nhiều xe « lô » hiệu « CITROEN » chở hành khách trên những đoạn đường ngắn, ngày lẫn đêm. Cuộc sưu tầm rất ráo riết.



Hình 1.— Hình chụp một phần đèn pha xe hơi có mũi tên chỉ vị trí tìm thấy mảnh kiềng bể đã lượm được, để dùng vào cuộc so đọ sơ khởi



Hình 2.— Hình chụp mảnh kiềng còn dính lại trên vành đèn pha ; hình này được rửa lộn ngược lại đối với hình trước để nhận xét cho dễ.
(Mảnh kiềng tang vật được ghi dấu 1 PC)

nhận thấy đèn pha phía trước bên phải bị móp méo một phần đáng kể. Trong vành xi-kên của chụp đèn pha, có một miếng « canh » (cale) bằng cao su hình tròn, dùng để kèm chặt kiềng đèn trong khuôn. Trên lớp cao su mỏng này, bề ngang cỡ 5 ly, còn

dính lại nhiều mảnh nhỏ của kiềng vỡ. Trong số những mảnh kiềng vỡ này (đếm được cả thấy 10 mảnh), còn sót lại một mảnh tương đối lớn ; vị trí nó trên miếng lót bằng cao su được thấy trong hình sau đây, theo chỗ có vết mũi tên (hình số 1) và chỗ

ghi dấu bằng 2 chữ 1PC (hình số 2).

Trong việc nghiên cứu tang vật bằng kính hiển vi, chuyên-viên được thấy trên một mảnh kiềng bể lượm được, có nhiều dấu vết nhỏ thuộc chất cao su đen, loại cao su của tấm « canh » (cale) kiềng đèn pha. Các dấu vết cao-su này có hình nổi, lồi lên trên mặt mảnh kiềng, bìa hình rất gồ ghề, trông rất dễ thấy. (xem hình số 3)

Đến phiên nghiên cứu dấu vết trên miếng lót kiềng đèn bằng cao su thì thấy có những lỗ lõm vô, phù hợp với hình của các miếng cao su còn dính lại trên kiềng đèn bể.

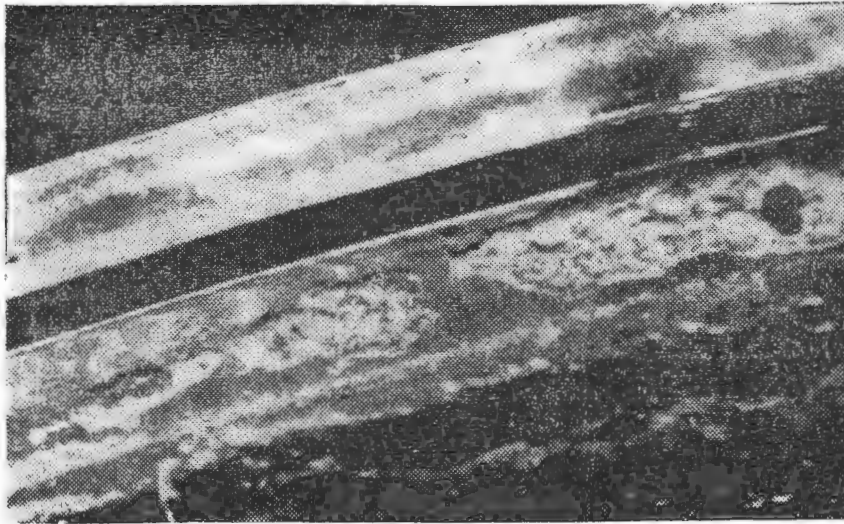
Hình số 4 được rửa lộn ngược để dễ thấy sự tương đồng giữa hình các miếng cao su nhỏ dính trên miếng kiềng bể và hình các lỗ lõm còn được thấy trên tấm « canh » cao su.

Sau hết, khi phối hợp các mảnh kiềng do điều-tra-viên lượm tại chỗ xảy ra tai nạn, với mảnh kiềng còn dính lại trong vành đèn pha xe tình nghi phạm pháp, chuyên viên Giảo-nghiệm đã tìm thấy thêm một miếng kiềng thứ nhì (ghi là 2PC trên hình số 5) mà ở một cạnh bể vẫn còn bị dính những phần nhỏ của chất cao su, thuộc về thành phần tấm canh (cale) bằng cao su của kiềng đèn.

Việc so đọ kỹ lưỡng cho thấy trên khoanh cao su của đèn pha cũng có những dấu lõm hình thức giống với các miếng cao su dính trên phần mảnh kiềng 2PC.

Tiếp tục cuộc điều tra để sưu tầm bằng cứ cụ thể, chuyên-viên tìm thấy trong đèn pha có kiềng bể vẫn còn lại bóng đèn mà chủ xe chưa có thì giờ hoặc chưa để ý đến việc tháo ra thay thế ; bóng đèn không bể nhưng giây tim đèn bị đứt rớt xuống.

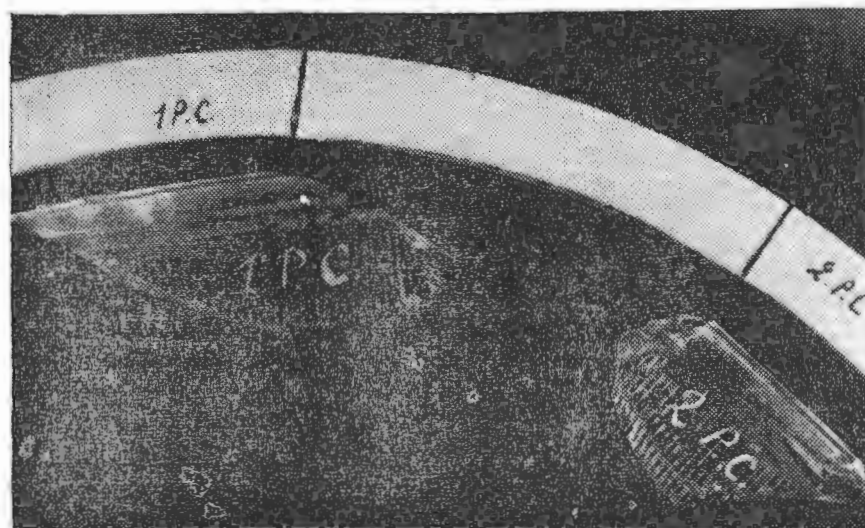
Chúng ta được biết trong mỗi bóng đèn điện loại thường đều có một giây tim cuốn tròn hoặc theo hình ruột gà, hoặc theo hình chữ M, chữ V.



Hình 3



Hình 4



Hình 5

v.v... Giày tim ấy thường làm bằng chất «tungstène» và khi vận đèn thì tim cháy sáng lên.

Bình thường giày tim đèn vẫn dính vào 2 điện-cực trong bóng đèn, mặc dầu xe chạy trên đường gồ ghề.

Tuy nhiên, khi xe đụng mạnh vào một vật, hoặc bị một vật phía ngoài đụng vô, thì sự đụng chạm mạnh có thể gây ra một sức động, có thể làm bể bóng đèn, hoặc giày tim bên trong bị cong vẹo đi hay đứt rớt xuống.

Trong lúc Giao-nghiệm xe tình-nghi phạm pháp nói trên, việc xem xét bóng đèn đã cho thấy giày tim bị đứt rớt xuống.

Sự kiện trên cũng chứng minh thêm rằng xe tình nghi phạm pháp đã va chạm vào một vật gì trong khi đang chạy. Sức va chạm tính ra theo tốc lực xe (ví dụ 50/cs giờ) và sức nặng của xe (ví dụ 1 tấn), thêm vào đó sức nặng vật bị đụng, (ví dụ một người trung bình cân 50 Kilos), xét ra cũng là những yếu tố đáng kể dễ gây tổn hại vật chất làm bể kiềng đèn, hư giày tim của bóng đèn pha và có thể gây tử thương cho nạn nhân.

*

TRƯỚC những bằng chứng không chối cãi được, tài xế xe CITRO-EN FAMILIALE nói trên đã thú nhận tội lỗi.

N. C. C.

Hình 3.— Hình chụp và rọi lớn dầu vết cao su dính nổi trên 1 mảnh kiềng bể của đèn pha xe hơi.

Hình 4.— Hình chụp thành phần các lỗ lõm để lại, do chất cao su bị rút tách rời ra khỏi tầm lót kiềng đèn bằng cao su.

Hình 5 — Hai mảnh kiềng bể tìm thấy đều có đặc điểm giống nhau chứng tỏ do từ 1 đèn pha bị tách rời ra trong khi xe va chạm vào một vật..

TRÊ, CỐC

(Tiếp theo và hết)

NGUYỄN-VĂN-ÍCH

- * Một cuộc khám nghiệm « trông gà hóa cuốc »
- * CỐC bị TRÊ kiện phản tọa « cáo gian ».
- * Quân sư « Nhái Bén » trở tài, minh oan cho CỐC để chuyển bại thành thắng.

TIẾP theo cuộc đối chất giữa Trần-văn-Cốc và Nguyễn-văn-Trê tại Phủ đường Hà-Giang, Quan Tri-phủ Đàm chưa thể phán quyết được vụ kiện vì còn nghi ngờ thiếu yếu tố buộc tội, nên đã phải ủy cho thầy Lục-sự cùng Nha Lại tức tốc đến khám-nghiệm tại trường sở là « Ao Trê » để quan sát và thu thập thêm tài liệu.

Trước thầy sao tó một đoàn kéo nhau về thôn Bạch-Cốc, bắt Tổng lý hướng dẫn đến Ao Trê. Đến nơi, các thầy đứng trên bờ quan sát. Thấy một đàn nòng nọc đang vẫy vùng bơi lội trước hang của Trê, nhìn kỹ thấy chúng đều đầu đẹp, đuôi dài, giống cá Trê như đúc, các thầy Nha lại đều đồng thanh kết luận rằng :

... Chi nữa hồ nghi ?

Đầu, đuôi, hình tượng giống Trê quá rồi !

Thế là các thầy lập ngay biên bản, ghi rõ những sự mất thấy tai

nghe, rồi lập tức trở về Phủ đường phúc-trình lên Quan Phủ :

— Trê kia quả có tình oan,
Hiện có Tổng, Xã ký đơn về trình.

Đồng thời, Quân sư của Trê là Lý Ngạnh đệ trình tiếp theo một lá đơn kiện phản tọa lại nguyên cáo là Trần-văn-Cốc về tội cáo gian, bằng cứ là Nha Lại đã khám xét kỹ càng, đều công nhận đàn nòng nọc này đích là con đẻ của Trê, vì chúng đều có đuôi, biết bơi dưới nước, không có chân, chả có điểm nào khả dĩ chứng minh được rằng đó là con của Cốc.

Sau khi đọc bản phúc-trình của Nha-Lại và xem đơn kiện phản tọa của Trê, Quan Phủ cả giận, đập án quát tháo vang cả Phủ đường, sai lối Trần-văn-Cốc ra tra tấn, hỏi tại sao dám ngạo mạn đường quan mà đi cáo gian :

— Nay tờ Nha khám trình đây Trê kia là đứa tình ngay có gì ?

Cốc lay van mà thưa rằng :
— Lại Nha đã giấu cho Trê làm điều,
Chẳng qua hồi lộ đã nhiều,
Cho nên mới nói mè nheo những lời !

Bọn Nha Lại nghe Cốc tố cáo như vậy tức quá, liền trình quan Phủ cho phép tạm giam Cốc lại để xét sau. Thế là Cốc đang ở địa vị nguyên đơn bỗng trở thành bị cáo và bị nằm xà-lim thay cho anh cá Trê :

Thầy cò trứ danh :
Nhái Bén xuất hiện

Đang ở thế thắng bỗng lâm vào cảnh bại, vợ chồng Cốc cay đắng, nỗi oan khó giải !

— Cốc ngồi ngắn thờ, dài than,
Những là tức ruột căm gan cho đời !

Biết chăng họa có ông trời,
Nghiên răng có thấu ? Xin soi xét cùng !

Trần trực bên cạnh tường nhà giam, vợ chồng Cốc bàn tính đầu đêm, sau quyết định : phải mau mau đi tìm một vị quân sư đa mưu túc trí, một ông thầy Cò thật trứ danh mới đủ mảnh lối để chọi nhau với bọn cá Trê và Lý Ngạnh được.

Vợ Cốc là người đảm đang, khôn ngoan quyền biến lắm nên an ủi chồng rằng :

— Đua nhau cái trí mà thôi,
Chẳng mừng khi được, chẳng
ngùi khi thua
Thiếp xin đem trái, ngày lo,
Quyết tâm trả được oán thù mới thôi !

Cốc đang lúc quần trí, nghe vợ bàn hợp lý liền tán thành.

Thế là hôm sau vợ Cốc khăn gói đem theo tiền bạc lên đường... tìm thầy Cò để gỡ một thế cờ bí.

Thím Cốc quả là người tài đảm, kiên nhẫn, suốt mấy ngày đêm lặn

lội khắp vùng từ khu Chảo-Chuộc đến Ênh-Uông, các chi chòm chúng tộc đều tìm đến, song vẫn chưa thấy kể tài ba.

Một buổi sáng trời mưa tầm tã, thím Cóc đang bị bồm lặn lội bỗng gặp bác Ếch đang ì-ọp ca hát dưới bụi cỏ; nhắc thấy thím Cóc, Ếch vội nhảy ra chào hỏi:

— Rằng : đâu mà đến đây ta ?
 Cớ sao thân thể coi mà kém xuân !
 Lỡ làng có việc chi chăng ?
 Bà con nói thật xin đừng giấu nhau.

Thím Cóc nghe người « đồng bào » hỏi thế bỗng mũi lòng, xụt xùi kể lể sự tình và nhờ Ếch chỉ hộ một vị quân sư để vấn kế gỡ oan cho chồng.

Ếch nhắm mắt suy nghĩ rồi trả lời :

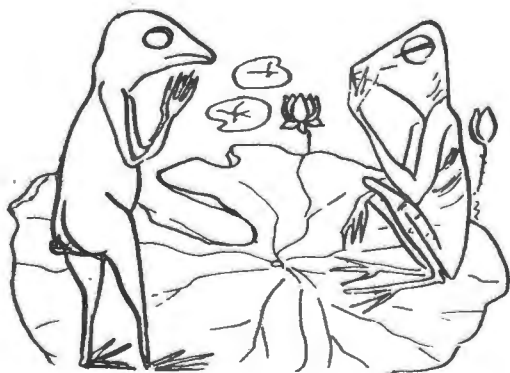
— Ở đây đồng trống nước trong :
 Cảnh tôi tiếng cá, nhà không
 có gì !

Nghe lời chị nói năn nỉ,
 Động lòng muốn giúp, tiếc gì
 công lành.

Rành nghề thấy kiện trứ danh,
 Có chàng Nhái Bén thực anh
 bợm già.

Đơn từ, mưu mẹo vào ra,
 Một tay tráo trở coi đã ngon
 không.

Muốn cho các việc mau xong,
 Phải tìm ngay đến hỏi cùng sự
 duyên.



Theo lời Ếch chỉ bảo, thím Cóc vội vã đi ngay, tìm khắp ao, hồ, bờ, bụi, không thấy Nhái Bén đâu cả. Mãi một buổi trưa nọ, đi qua bờ ao sen trước đình, bỗng thấy Thầy cô Nhái Bén đang nằm nghỉ mát trên một cái lá sen non xanh biếc, giữa cảnh nước trong gió mát. Bén đang ư ư ngâm thơ ! Thím Cóc mừng quá vội tới bờ cỏ chấp tay vái dài, cung kính chào Bén. Bén ngược mắt nhìn, khe gật đầu đáp lễ, mắt háp háy, hất hàm hỏi bằng giọng điệu « đàn anh » .

— « Ta chào thím Cóc đến chơi,
 Việc gì mà phải tìm mời đến ta ?
 Dặm ngàn nước thăm non xa,
 Cớ sao mà khéo lán la biệt
 đường ? »

— Cóc rằng : muốn đội ơn
 chàng,
 Vì tình nên phải đa mang với
 tình.

Nói ra làm sự bất bình,
 Nhịn đi chẳng được tức mình
 lắm thôi.

Trê kia lấy thịt dè người,
 Đơn từ diên đảo mảy hỏi khó
 thay !

Quan tham, Lại cũng chẳng ngay,
 Vậy nên Cóc bị đọa đày bấy lâu.
 Nghĩ tình càng thâm càng sâu,
 Biết cùng ai rõ nông sâu mà bàn.
 Vậy nên chẳng quản đường
 trường,

May nhờ bác Ếch mới tường
 Tôn Nhân.

Thôi thì lẽ đại, đường khôn,
 Dám xin chỉ giáo tôi
 con được nhờ.

Luật sư Nhái Bén quả là bậc thông kim bác cổ, luật pháp, mưu lược hơn người. Nghe thím Cóc kể lể con cã con kê, Bén vẫn thân nhiên rung đùi, tay xoa cằm, mắt nhìn bụi sen lá xanh bông trắng, miệng túm cười ruồi, coi là câu chuyện

trẻ con ! Một lúc sau mới thông thả, giọng giặc mà truyền rằng .

—... « Ngán chuyện đàn bà,
 Làm gì việc ấy, khéo mà là quanh.
 Tuy cùng một kiếp phù sinh,
 Giông nào giông ấy tranh giành
 làm chi ?

Trê kia là đũa ngu si,
 Chẳng qua tham đại, nghĩ gì
 nông sâu.

Thôi đừng kiện cáo chi nhau,
 Con còn dưới nước để hầu
 làm chi ?

Để cho Trê nó bù chì,
 Đứt đuôi chúng nó tìm về là hơn.

Thực là « danh bất hư truyền », Nhái Bén tiên sinh quả là tay sừng sỏ, lý sự và từng trải việc đời, nói thật chí lý, rất đúng luật... thiên nhiên. Ừ mà phải, vợ chồng cái anh Cóc này thật là vớ vẩn, xuẩn động. Trời sinh ra có loài có giống riêng biệt, Cóc thì vẫn là Cóc, Trê vẫn cứ là Trê, cha nào con nấy, nhằm làm sao được. Cái tên Trê kia gian tham nhưng ngu lảm, biết quái gì ! để yên cho nó nuôi nấng bù chì, độ mấy hôm nữa, đàn Nòng Nọc kia nó rụng cái đuôi đi, mọc ra đủ 2 tay 2 chân, biến thể thành những chú Cóc con chính cống, thế là chúng nhảy lên bờ tìm về với bố Cóc, mẹ Cóc nó, tên Trê tham lam kia chỉ còn nước há miệng kêu trời chứ làm cái thá gì được ? Vậy, kiện cáo nhau làm chi cho nó mệt, hơn nữa tình ngay lý gian, lúc này đàn con còn ở dưới nước bằng có đâu mà mình oan ? Tốt hơn hết là bình tĩnh chờ ít hôm nữa, con nó bò về lúc ấy sẽ thảo một lá đơn, dẫn cả đàn con lên Quan Phủ để tặc trình rồi lãnh chàng Cóc về, có phải hay hơn không ?

Sau khi nghe Bén tiên sinh dạy bảo, tình lý rõ ràng, thím Cóc mới vỡ lẽ mừng thầm. Nhân tiện, Bén quân sư thảo cho vợ Cóc lá đơn

« tục khố » lời lẽ khá đanh thép như sau :

— « Nguyên danh Trần-văn-Cóc, khắt vì thôi cứu sự : vị Trê gian khiêu, nên Cóc thân oan, sự đã tỏ tường, vậy nên tục-khố Trê sanh có giống, ai dám tranh càn. Trê quả lòng tham, tìm đường ăn chấp, mấy phen thám bắt, tin tức vắng không ; nay đã khỏi vòng, trở về đất cũ, trần tình cụ thử.

Đổng đồ những tặc, Cóc tôi yêu về, nên phải đành im. Vị thử phục quỳ, ơn trên soi xét. Giải bày các tiết, nhờ lượng cao xa, gia cảnh vui hòa, khỏi đường oan khốc. Vạn vạn tạ.

Trần-văn-Cóc khâu bầm

Sau khi nhận đơn và nghe lời quân sư Bén chỉ giáo, thím Cóc ra về hớn hờ, tìm đến trại giam báo tin cho chàng Cóc biết, dặn cứ yên trí, rồi thím Cóc về nhà nằm nghỉ chờ kết quả sắp đến.

Đúng như lời vàng ngọc của Bén tiên sinh, chỉ mấy ngày sau, no ngày đủ tháng, đàn Nòng Nọc đều rụng đuôi, mọc đủ tay chân và lủ lượt từ ao Trê kéo nhau về nhà Cóc một đàn đông lúc nhúc. Vợ Cóc vui mừng quá, lập tức cầm đơn và dắt cả đàn con đi theo lên Phủ Hà-Giang minh oan cho thằng bố Cóc. Quan Tri Phủ Đầm xem đơn « tục khố », nhìn đàn Cóc con lủ nhủ trước đình, ngài mới nhận ra là mình đã làm lỗi khá nặng, thăm quở mấy thằng Nha Lại cũng quá lờ mờ, trông gà hóa cuốc. Ngài lại nổi giận, ra lệnh bắt ngay tên Trê đánh cho một trận. Trước bằng chứng hiển nhiên, Trê hết chối cãi.

Quan Phủ nổi trận lôi đình, truyền đòi bọn Nha Lại phụ trách cuộc khám nghiệm hôm trước ra, xài xể một hồi rồi giao cho ngài Bang Biện xét lại vụ này.

Sau khi cứu xét, các ngài đều nhận là bẻ cái lằm và đổ lỗi cho tạo hóa

đảo điên, sinh sinh hóa hóa như trò quỷ thuật khiến cho các ngài người trần mắt thịt khó mà nhận định.

Quan Phủ liền phán quyết chung thắm :

— « Cứ trong lý luật mà coi,
Lưu tam thiên lý tội người đã
đành.

Bao nhiêu lẽ vật sấm sanh
Truyền Trê phải chịu cho thanh
mọi bề.

Cóc kia, thôi chớ nản nì,
Được con là trọng, kêu chi thêm
càng.

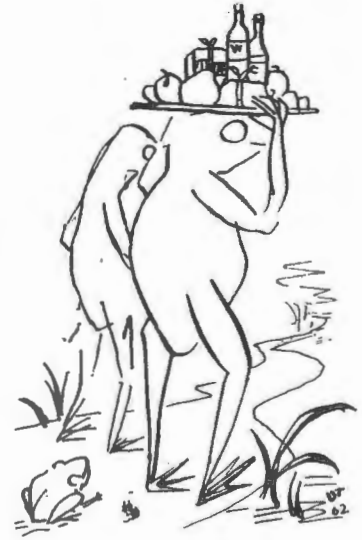
Trê kia, quả có gian tham
Đã đem đày chôn xa đường thì
thôi. »

Vợ chồng Cóc thắng kiện, dâng một mâm lễ lên tạ ơn quan phụ mẫu. Có lẽ Quan Tri Phủ lúc này cũng ngỡ ngàng quá nên từ chối không nhận lễ, truyền trả lại vợ chồng Cóc.

Mẹ Cóc dắt đàn con, bỏ Cóc tay bưng mâm lễ vật, kéo nhau ra cổng Phủ đường. Bọn Nha Lại trông thấy bỏ, vội xô ra kể lễ ơn nghĩa, kể thì đòi món tiền « lễ » trà nước, kể thì xin bao chè, chai rượu :

— Bước ra khỏi chôn công đường,
Thông Chiên giết lễ, Đẻ Tôm
cướp tiền !

Thật là vui vẻ và loạn xạ ngầu,



bộc lộ hết tác phong Nha Lại cổ hủ và những nhiều.

— Được kiện Cóc trở ra về,
Họ hàng nào nức, để huê
mừng vui,
Trà sen rượu cúc thanh thoi,
Cóc ngồi chịu chuyện, Bén ngồi
ngâm thơ !

Cái cảnh vợ chồng con cái đoàn tụ thật là đầm ấm ; lúc này, BÉN tiên sinh thực đáng được tôn trọng như một triết gia chân chính vậy.

Thưa các bạn, vụ án Trê, Cóc trên đây phải chăng là phản ảnh của một nếp sống phiền toái khi xưa ở sau lũy tre xanh chất phát.

NGUYỄN-VĂN-ÍCH

Con ngựa không cương là con ngựa vô dụng. Hơi nước là sức mạnh nhưng để bay tỏa lên thì không bỏ ích vào đâu. Một thác nước được điều khiển mới kéo được guồng máy. Cũng thế, người đời phải có mục đích biết định hướng và tự chủ mới bỏ ích.

H. Fosdick



HITLER

TRONG một sáng lịch sử của ngày 1 tháng 9 năm 1939, một người tầm vóc thấp, y phục đứng đắn, không có vẻ gì là một nhân vật quan trọng, đang đi bách bộ trên con đường Withelmstrasse ở Bá-Linh thủ đô nước Đức. Lúc ấy, thế chiến thứ II đã bắt đầu vài giờ rồi. Quân đội Đức đã vượt biên giới Ba-Lan. Cảnh sát Bá-Linh đã chặn đứng sự giao thông trên con đường Withelmstrasse. Chính quyền Hitler không muốn chứng kiến những cuộc biểu tình tỏ lòng ái-quốc hay có tánh cách khác trước các dinh thự của chính phủ.

ủa

PHẢN BỘI

Lời tòa soạn.— Trong *BẠN-DÂN* số 5 phát hành ngày 15-7-1960, trong bài « *Gián-điệp Đức* » bạn *Ngoại*. *Tuyên* đã viết tóm tắt về cuộc đời và những hoạt động của *Đô-đốc Canaris*, một điệp viên ghê gớm nhất của chế độ Đức Quốc-Xã, trong *Đệ-nhị thế chiến*.

Sau bài đó, có nhiều bạn đọc gửi thư về Tòa soạn tỏ ý muốn biết rõ hơn về *Canaris* và các tổ-chức gián-điệp. Để thỏa mãn phần nào quý độc giả *BẠN-DÂN*, bạn *N. T. H.* sẽ lần lượt trích dịch quyển « *Gián điệp và phản bội trong thế chiến II* » của *Kurt Singer*.

Trong quyển sách này, tác giả trình bày những hoạt động gián-điệp trong thế-chiến vừa qua, từ các nước miền Bắc-Cực đến Phi-Châu, từ *Phân.Lan* đến *Hq.Uy Di*, từ *Nhật Bản* sang *Gia-Nã-Đại*. Theo lời tác giả, chín mươi lăm phần trăm những nhân-vật và sự việc trình bày trong quyển sách này đã được các tài liệu hoàn toàn thật chứng minh, chỉ vài tên được thay đổi hay bỏ qua để bảo vệ bí mật của nhiều người của *Đông-Minh* hiện đang còn hoạt động.



Tác giả : **KURT SINGER**

Người thấp bé này ung dung đi qua một cách dễ dàng các hàng rào canh gác dinh của *Quốc Trưởng Hitler*, một kiến trúc vĩ đại phản tôn giáo như đài *Babel* trong thánh kinh. Người này tiến vào trong tòa nhà, trước mặt *Sĩ-quan* hầu cận của *Hitler*, một *Sĩ-quan* cao cấp với phù hiệu dinh trên quân phục màu xanh sậm. *Sĩ quan* này nghiêm chỉnh giơ tay chào : « *Hitler* muôn năm, thưa *Đô-Đốc*. »

Người thấp bé được kính trọng này, trong bộ y phục dân sự, là một quân nhân. Ông vừa được thăng cấp thủy sư *đô-đốc* và hiện đang vào yết kiến để cảm

tạ Hitler. Ông thuộc các ngã trong dinh thự ghê gớm của nhà độc tài, biết rõ các phòng, các cầu thang cùng các hành lang như nhà ông. Các cột trụ lỏng lẻo màu bạc, vàng không làm ông chú ý, và ông cũng rất thân nhiên trước các phòng lát toàn cẩm thạch hay các hành lang trưng bày nhiều họa phẩm vĩ đại ca tụng chiến tranh. Mọi vật nơi đây đối với ông quá thân thuộc.

Người được viên Sĩ-quan hầu cận Hitler gọi là Đô-Đốc là vị tân Sĩ-quan chỉ huy tổ chức gián điệp và mật vụ Đức trong trận đệ nhị thế chiến.

trong

THẺ CHIẾN II

N. T. H. trích dịch

Đô Đốc Walter Wilhelm Canaris là một nhân vật bí mật của tổ chức này. Tương lai có thể cho ông là một điệp-viên ghê gớm nhất của thời đại và đến nay không ai còn nghi ngờ tài tổ chức gián điệp quốc tế có một không hai của ông.

Hơn mọi đảng viên Quốc-xã cao cấp nào khác, ông là một nhân vật hoạt động trong bóng tối. Cũng có lẽ là vì nhiệm vụ và cũng có lẽ là vì ý thích riêng của ông không muốn phô trương hay quảng cáo tên tuổi, mà cá nhân ông chỉ là một con số. Ông ít có dịp được báo chí chụp ảnh và luôn luôn phủ nhận các

chiến công thâu đoạt được. Người ta không bao giờ nhận thấy ông trong các cuộc hội họp lớn của Đảng Quốc Xã trong Tòa nhà thể thao ở Bá-Linh. Ông không bao giờ nói trước máy vi âm. Ông cũng không bao giờ được ai nói đến tên tuổi trên báo chí mặc dù ai cũng biết rằng ông là một trong số các nhân vật có thể lực ghê gớm nhất của nước Đức dưới chế độ Hitler.

Tuy nhiên, chỗ ở của ông lại không thể được che giấu dễ dàng cũng như tên tuổi và thành tích của ông. Ông ngụ tại số 14 đường Bendlerstrasse ở trung tâm thành phố Bá-Linh, trụ sở của Bộ Chiến Tranh. Trong số hàng ngàn người tới lui trụ sở này, chỉ có một số rất nhỏ có dịp nhìn thấy tận mặt ông. Những người không được nhìn thấy ông một cách rõ ràng đều hình dung ông là một người mảnh khảnh, có nước da vàng như người thường hay làm việc đêm, lương quyền cao làm cho ông giống người Tư-lạp-phu (Slave) hơn là Nhật-nhĩ-mãn (Teuton), gốc người Đức. Tên Canaris là một tên Hy-lạp và tổ tiên của ông trước kia gốc người Hy-lạp di cư sang nước Đức.

Thủy sư đô đốc Canaris không có dáng oai vệ Ông đi thường hai vai hơi nhô lên, đầu cuối xuống Vài sợi tóc vàng sắp bạc. Gần đến 60 tuổi mà ông chỉ hơi mập thêm.

Ngoài ra, người ta không được biết bề ngoài và dáng điệu của ông ra sao nếu ông vận quân phục, vì lúc nào ông cũng mặc thường phục. Nhà riêng của ông trong thời kỳ chiến tranh được giữ hết sức bí mật. Một vài cộng sự viên của ông biết rằng ông ngụ tại một vùng ngoại ô Zehlendorf và nhà của ông có một vườn hoa bao quanh mà ông rất thích ngắm hay săn sóc ngoài những giờ bận rộn vì công vụ. Nhưng chiến tranh đến đã làm cho ông không còn chút thì giờ lo nghĩ đến vườn hoa của ông nữa Vợ ông và con gái ông sẽ thay ông trong việc này. Cuối cùng chỉ còn mình vợ ông vì con gái ông được gửi sang Thụy-sĩ sau khi Đồng-Minh đổ bộ lên đất Pháp hồi năm 1944. Sự lo xa cho con gái ông rất dễ hiểu, cô Canaris trong lúc ấy mới 19 tuổi, được ông cho theo học dưới một tên khác tại một trường bên cạnh hồ Giơ-neo.

Tên ông không có ghi trên một biển đồng nào tại tất cả các cửa phòng làm việc của tòa nhà số 14 đường Bendlerstrasse. Rất ít người có thể biết được văn phòng làm việc của ông ta. Trong tháng 3 năm 1935, Canaris cho đặt một ngõ vào đặc biệt để riêng ông sử dụng và ông chỉ dùng khi đến cũng như đi một cầu thang hoàn toàn riêng biệt.

Một chiếc xe hơi Mercedes của Bộ Tham Mưu Quân Đội Đức được đặt dưới quyền sử dụng của ông để di chuyển từ nhà đến sở.

Trải qua nhiều năm trời, nhúng tay vào các án mạng hoàn toàn là công việc hàng ngày của ông, và vì vậy mà dần dần về điện bộ, tướng mạo của ông trở thành một tên sát nhân hay một viên thám tử



VON PAPAN

nhà nghề. Vài người được gần ông đã nhận xét nơi ông một sự cẩn thận gần giống bệnh hoạn. Một nhân viên của tờ chức tinh báo Anh có dịp tiếp xúc với Canaris cho biết cảm tưởng sau đây: « Canaris không bao giờ tự thấy được yên ổn. Ông tỏ ra rất sợ xây lưng lại với mọi người, luôn luôn ông sắp đặt để được đối diện với họ và sau lưng ông phải có bức tường để che chở cho ông ».

Tình trạng của ông vừa có nhiều quyền lực đối với người chung quanh, vừa lo sợ cho tánh mạng mình, làm cho ông trở thành một người đặc biệt. Tình trạng này còn làm cho ông có ý chí và tinh thần tàn nhẫn, có thể duy trì mãi các cuộc sát nhân khoa học của chế độ độc tài Quốc Xã. Canaris có những tính tình đặc biệt của một người tàn nhẫn không biết đến tình cảm, nếu không, chắc có lẽ Hitler đã không chọn ông để giữ chức vụ quan trọng của tên trùm gián điệp và mật vụ nước Đức.



CANARIS bắt đầu nghề gián điệp vào năm 1914. Lúc ấy mới 25 tuổi ông đã là một sĩ-quan hải-quân có nhiều triển vọng với chức hạm trưởng chiến hạm Dresden. Thế giới chiến tranh thứ nhất mở màn trong lúc ông đang ở giữa đại dương. Không hy vọng tới được một hải cảng Đức, ông cho chiến hạm của mình cập bến tại nước Chí Lợi, một nước trung lập mà nơi đây ông và toàn thể thủy thủ bị giam giữ.

Một sĩ quan mật vụ Đức trá hình với tư cách nhân viên Ban thanh tra Hồng thập tự Quốc tế tiếp xúc được với ông trong trại giam, và lập tức ông

chuẩn bị kế hoạch mạo hiểm vượt ngục để có thể tiếp tục phục vụ nước ông. Sau khi thoát thân, Canaris liền được đưa vào cơ quan mật vụ của Đế quốc Đức, và được đưa sang ngay Hoa-Kỳ để tổ chức gián điệp và phá hoại chống nước này.

Cuộc vượt ngục của ông không gặp khó khăn nào đáng kể, và vào khoảng năm 1916, người ta nhận thấy một người dáng thấp, lưng quyền cao đặt chân đến thành phố Nữu-Uớc. Tên ông lúc ấy là Otto Seliger, người Do-Thái nước Ba-Lan. Các cơ quan mật vụ Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại có rất nhiều tài liệu về tên Otto Seliger đã được giao phó nhiều nhiệm vụ phá hoại vô cùng nguy hiểm dưới quyền điều khiển của cơ quan gián điệp đế quốc Đức lúc ấy do Franz Von Papen và Franz Von Rintelin chỉ huy.

Ngoài ra trong các hồ sơ Hoa-Kỳ còn có tên Moysse Meyerbeer, dưới tên này, Canaris là nhà soạn nhạc và tự giới thiệu mình là cháu của nhạc sĩ đại tài có tên ấy. Cũng với tên giả này mà Canaris ra lệnh đặt bom phá hoại cơ sở của Hội « Car and Foundry » Gia-Nã-Đại.

Vài tuần trước khi Hoa-Kỳ tham dự thế chiến thứ I, Canaris nhận được lệnh phải hành động gấp. Ông rời Hoa Kỳ và sang Tây Ban Nha để hoạt động tổ chức gián điệp hải quân. Chính tại Tây Ban Nha ông gặp một người đàn bà đã đóng một giai tuồng bi thảm trong đời gián điệp của ông. Người đàn bà này đã hiến đời mình cho các tham vọng sự nghiệp của Walter Withelm Canaris. Với riêng sắc đẹp của mình, người đàn bà này cũng đã nổi danh và được tiếc thương mãi nếu ai hân hạnh được gần nàng. Nàng tên gọi là Marguerite Gertrude Zelle, tóc đen, có một sắc đẹp kiều diễm Đông Phương. Lối khiêu vũ của nàng rất hấp dẫn và huyền ảo. Sinh tại Java, nàng gốc người Hòa Lan và trong các vũ trường có tên riêng là Mata-Hari, một tên Á-Rập có nghĩa là: « Mắt buổi sáng ».

Canaris đã gặp nàng trong tửu quán «Trocadero» tại Madrid thủ đô Tây-ban-nha. Nàng đang trình diễn vũ điệu đặc biệt của các thổ dân Java, Canaris mời nàng ngồi vào bàn mình và từ đó hai người quen biết và thân nhau. Canaris không đẹp trai, nhưng những cử chỉ long trọng đặc biệt của người Phô và tinh khí can trường của ông, tham vọng uy quyền làm cho ông có thể thu phục được đàn bà. Sự thân mật giữa Canaris và Mata-Hari bắt đầu bằng một cuộc trao đổi ái tình không đưa đến kết quả nào. Canaris thường lui tới hàng ngày quán « Trocadero », nhưng dần dần hai người càng khấn khít.

Sự khấn khít giữa Canaris và Mata-Hari không được lâu dài. Canaris có nhiều triển vọng dùng Mata-Hari vào các tổ chức gián điệp. Cấp trên của ông là Eberhard Von Stohrer, Đại sứ Đức ở Madrid đang cần gấp một nữ gián điệp để gửi sang hoạt

(xem tiếp trang 47)

NGUYỄN-ĐẠI

VÀI NÉT VỀ

LỊCH - SỬ

DIỆT CỘNG của MÃ-LAI

HIỆN nay, ở khắp vùng Đông Nam Á đang bị xáo trộn vì âm mưu xâm lược phá hoại của Cộng Sản, có một quốc gia đang được sống yên vui thanh bình dưới một bầu trời tự do dân chủ sáng lạn sau 13 năm chiến đấu lao khổ chồng lại bề lù đờ.

Đó là nước bạn Mã Lai của chúng ta, một quốc gia có một đảo đất dài chừng 500 dặm mà thủ đô Kuala Lumpur tráng lệ đã từng được một số đồng các bạn trong ngành CACS chúng ta viếng thăm trong những kỳ đi du học.

Mười mấy năm trước đây, khi Nga Sô và Trung Cộng bắt đầu dòm ngó xuống miền Đông Nam Á để mưu toan thực hiện mộng xâm lược, thì họ đã nhắm ngay vào Mã Lai, một quốc gia ở trung tâm chiến lược của vùng này. Vì nếu thắng được ở Mã Lai thì ở phía Bắc từ Mã Lai đến Thái Lan, Việt Nam, cao Miên, và Lào, và về phía Đông từ Indonesia đến Phi Luật Tân v.v... và xa hơn nữa là Úc Châu, cả một Đông Nam Á Châu có thể rơi vào tay họ một cách rất dễ dàng. Mã Lai là một nước rất giàu về tài nguyên thiên nhiên, sản xuất cao su và thiếc vào hàng đầu thế giới. Đối với Cộng Sản, Mã Lai từ khi hã còn là thuộc địa của Anh, đã có nhiều lợi điểm để cho chúng chinh phục. Từ khi đó, bọn chúng đã có tới 10 trung đoàn quân du kích hoạt động ở trong rừng rậm. Trong suốt 10 năm, chúng đã xây dựng được một hệ thống cơ sở và kho chứa mìn tận trong rừng sâu núi thẳm chiếm hãn tới 3 phần 4 diện tích toàn quốc. Ở các đô thị thì các tổ chức Cộng sản tràn ngập, kiểm soát các nghiệp đoàn công nhân thợ thuyền, các báo chí có ảnh hưởng lớn, các trường học và các tổ chức

doanh thương. Riêng trong năm 1947, đã hơn 300 vụ đình công do Cộng Sản xúi dục hay tổ chức ở các đô thị.

Vào mùa xuân năm 1948, theo chỉ thị của Nga Sô, hơn 8000 đơn vị du kích Cộng sản Mã Lai, có võ trang đầy đủ, bắt đầu phát động cuộc chiến tranh. Theo đúng giáo điều của Lê-Nin, chúng đã tin rằng có thể nhờ các hành động khủng bố mà một nhóm nhỏ có tổ chức có thể khắc phục được cả một quốc gia. Thường dân Mã Lai bị phục kích và tàn sát. Người thì bị chúng chặt đầu, moi ruột, người thì bị chúng treo lên cành cây rồi xả súng bắn. Đàn bà thì bị hãm hiếp, con nít thì bị bắt cóc. Trong mấy năm đầu sau khi chúng phát động chiến cuộc, có tới 10 phần trăm các chủ đồn điền cao su bị sát hại. Các đồn điền bị đốt cháy. Hàng ngàn người Trung Hoa làm ruộng và buôn bán bị chúng uy hiếp, khủng bố và ám sát. Tuy nhiên chúng vẫn tự khoác cho mình cái danh nghĩa là chiến đấu chống thực dân, và tự mệnh danh là Quân Đội Giải Phóng Mã Lai. Thử hỏi có khác gì bọn Mặt trận công đỏ giải phóng ở Việt Nam Tự Do ?

Đứng trước các hành động khủng bố dã man ấy, chánh phủ hợp pháp Mã Lai đã làm gì ? Cũng như ở Việt Nam, chánh phủ Mã Lai đã ban bố tình trạng khẩn trương vào tháng 9 năm 1948. Vào cuối năm 1949, dân chúng Mã Lai lo sợ mỗi khi phải đi ra phố, ngay cả ban ngày cũng thế. Có thời kỳ, bọn lãnh đạo Cộng Sản cả thắng đã đặt tổng hành dinh cách thủ đô Kuala Lumpur có 6 dặm. Các nhân viên chánh phủ đi ra khỏi bản doanh cách độ 15 phút xe chạy là bị ám sát rồi. Trong một năm, có 81 chuyên lữ bị lật đổ vì du kích tấn công hoặc

đặt mìn. Các phương tiện giao thông hầu như bị tắc nghẽn. Nền kinh tế trong nước bị ngưng động tới một tình trạng đáng báo nguy.

Đến năm 1950, Trung Tướng Harold Briggs sang nhậm chức Tổng Tư Lệnh, liền triệu tập toàn thể các nhà lãnh đạo Mã Lai để bàn kế đôi phó và một kế hoạch táo bạo được thành lập: dùng du kích chiến để tấn công thay vì thụ động chống lại chúng.

Kế hoạch khá táo bạo nhưng được các nhà lãnh đạo Mã Lai sốt sắng chấp thuận. Tuy nhiên muốn thi hành kế hoạch, người ta cần phải làm sao để tìm ra chỗ ẩn trốn của chúng. Cái khó là dân chúng ở miền quê sát với Cộng Sản và e sợ chúng đã không bao giờ dám tố cáo chúng với Cảnh Sát hay chánh quyền vì sợ chúng trả thù.

Đứng trước tình trạng ấy, nhà cầm quyền Mã Lai đã phải nhờ đến các chuyên gia danh tiếng của Liên Hiệp Anh để phát triển một hệ thống tình báo chống Cộng hiệu nghiệm nhất, lấy các tầng lớp nhân dân làm hậu thuẫn. Người ta có thể mệnh danh hệ thống này là lưới tình báo nhân dân, dùng tất cả mọi người để đưa tin, lấy tin và truyền tin. Các làng ấp đều được trang bị máy truyền tin vô tuyến điện hay điện thoại. Khi có một cuộc tấn công của du kích Cộng Sản ở một nơi nào xảy ra thì lập tức tin báo được loan đi, và chỉ trong chốc lát, có khi chỉ một vài phút sau là lực lượng tiếp viện được gửi đến nơi lập tức. Nếu là một cuộc ám sát, thì các điều tra viên được gửi ngay đến nơi để điều tra và lập hồ sơ cận kề. Quân đội thì truy kích bọn khủng bố vào tận rừng sâu. Máy bay trực thăng bay là là chỉ cao bằng ngọn cây để dò tìm. Nhiều khi cuộc truy kích kéo dài cả tháng mới tìm thấy một toán du kích nhỏ để tiêu diệt chúng.

Một sĩ quan quân đội Mã Lai đã nói: «Chúng tôi không thể thành công như thế được nếu không có những tin tức đích xác do một lưới tình báo gần như tuyệt diệu cung cấp». Một sĩ quan tình báo lại nói: « Một khi chúng tôi đã có dân chúng làm hậu thuẫn, thì Cộng sản không thể hoạt động tự do được. Cứ mỗi lần có một người lạ mặt đến nơi nào là chúng tôi được báo cáo cáo ngay lập tức. Những thanh niên thiện chí xung phong giúp chúng tôi kiểm soát các đường xe lửa, các chuyến xe lửa xe buýt, khách sạn, hàng quán v.v...». Đến 1952 thì số Tình Báo Mã Lai đã có hồ sơ tên tuổi của hầu hết mấy ngàn tên khủng bố khắp trong nước.

Chánh phủ cũng thiết lập một chương trình truyền tin và tâm lý chiến để tranh thủ nhân tâm vì dân chúng ở thôn quê vẫn thường cho rằng Cộng Sản là vô địch. Các xe truyền thanh và chiếu bóng đi tới tận các làng mạc xa xôi để hoạt động và loan báo các tin tức của chánh phủ cũng như các hành động khủng bố của bọn cộng sản cho dân chúng rõ tình hình. Một người phu ở một đồn điền xa xôi ngay trong một vùng bị Cộng sản uy hiếp nặng nhất đã nói: «Nghe các xe truyền thanh loan báo tin tức, tôi mới biết chúng không phải là bọn chỉ hoạt động riêng ở địa phương này thôi, và nếu chúng tôi không diệt chúng thì chúng tôi sẽ bị diệt.»

Các toán truyền tin còn hướng dẫn dân chúng về cách thức để tự bảo vệ lấy tài sản của họ và cho họ khỏi bị cộng sản lường gạt.

Một người dân ở Kuala Lipis đã nói: «Bọn Cộng sản đã tuyên truyền với chúng tôi rằng những máy bay bay trên rừng già kia là của chúng. Chúng tôi nghĩ rằng nếu chúng có một lực lượng như thế thì chúng tất thắng được. Nhưng khi xe chánh phủ đến loan tin tức và nói rõ sự thật và cho chúng tôi biết các kế hoạch hoạt động của chánh phủ ngày hôm sau thì hôm sau khi chúng tôi thấy máy bay bay đến đúng theo chương trình của chánh phủ nói hôm trước, chúng tôi biết ngay là bọn chúng đã nói dối.»

Được tin nhiệm và sự ủng hộ của dân chúng rồi thì mọi việc đều trở nên dễ dàng. Chánh phủ cần gọi một số 26.000 người để tham gia các công tác dịch-vụ chiến tranh, lập tức có nửa triệu người tình nguyện đăng tên.

Các làng xã được tổ chức thành làng chiến đấu để dân chúng tự vệ. Những chướng ngại vật, những hàng rào giây kèm gai được dựng lên bọc kín xung quanh làng, chỉ chừa một chỗ nhỏ ra vào, có dân chúng cất phiến nhau canh gác suốt ngày đêm. Những làng mạc xưa kia hầu như là bị bỏ rơi vào vòng thao túng của cộng sản, nay được chánh phủ giúp đỡ mọi phương tiện để tự vệ chống lại các hành động khủng bố, ám sát, tâu thuê của bọn du kích Cộng sản. Họ lại càng hăng hái hơn trong sự cộng tác với chánh phủ về mọi mặt.

Nha Tâm-Lý Chiến rất ngạc nhiên và vui mừng thấy trong một thời gian ngắn, con số những du kích quân, trước kia bị bọn Cộng Sản lừa gạt bắt đi theo chúng nay trở về qui thuận rất đông. Họ lại còn kêu gọi các bạn hữu của họ

còn bị giữ trong hàng ngũ Cộng sản trở về bằng phương pháp sau đây : lời nói của họ được thu thanh, rồi máy bay bay là là trên các đám rừng núi có du kích trú ẩn và phát thanh lại. Máy bay còn thả cả những hình chụp những người đã qui thuận đang xum họp vui vẻ với gia đình họ xuống khu có Cộng-Sản đóng nữa.

Nhưng mặc dầu những kết quả của các hoạt động tâm-lý chiến, chính các hoạt động quân sự đã đem lại những thắng lợi quyết định.

Ngay sau khi ban hành tình trạng khẩn trương, quân đội Mã-Lai được quân đội Liên Hiệp Anh đền tăng cường, gồm toàn những quân sĩ thiện chiến của Nepal, của Úc, của Tân Tây Lan, và của Anh v.v...

Một chương trình « qui dân lập ấp » được tiến hành. Hàng trăm ngàn người sống rải rác từ các vùng hẻo lánh mà quân đội không thể tới tuần tiễu thường xuyên được, và những người này có thể là nguồn tiếp tế cho Cộng Sản, được cường bách rời đi đến những nơi được quân đội kiểm soát. Hàng trăm làng xã mới được lập nên, hàng nửa triệu người đủ các sắc dân được qui tụ lại sống với nhau thành những cộng đồng tự vệ. Lúc mới đầu, còn có những người phản đối, nhưng sau ai nấy đều vui vẻ cộng tác, sung sướng với một đời sống mới có an ninh hơn.

Bọn Cộng Sản mất hẳn một nguồn tiếp tế quan trọng. Để chặn tuyệt đường tiếp của chúng, một phương pháp chặt chẽ để kiểm soát và phân phối thực phẩm được ban hành. Ở những vùng hành quân, không nhà nào được chứa thực phẩm ở trong nhà. Hàng ngày, các xe vận tải có vỏ trang đem thực phẩm đến phân phối cho các làng xã, đúng theo nhu cầu mỗi ngày của dân chúng. Việc nấu nướng được làm chung ở một chỗ rồi phân phát cho từng nhà. Các toán quân bảo an kiểm soát các chuyến xe lửa, các xe hơi, các đồ hành lý của các hành khách để chắc chắn là không một chút thực phẩm nào lọt ra ngoài cho Cộng Sản cả.

Nạn đói bắt đầu xuất hiện trong vùng Cộng Sản. Chúng vội vã thi hành chương trình sản xuất để tự túc, khẩn hoang trồng trọt. Những máy bay chính phủ vẫn bay đi thám thính, và mỗi khi tìm ra được một nơi nào chúng khẩn hoang trồng trọt, chánh phủ liền bơm thuốc độc xuống cho chết hết hoa màu đó.

Năm 1955, sau 7 năm chiến đấu trong tình trạng tuyệt vọng, lãnh tụ Cộng Sản là Chin Peng liền xin giảng hòa. Y nói mục phiêu tranh đấu của Cộng Sản Mã-Lai là giành độc lập cho quốc gia trong tay người Anh, và nếu Cộng Sản được công nhận là một chánh đảng hợp pháp, y sẽ xin hạ khí giới ! Lãnh tụ quốc gia là Tunku Abdul Rahman nhận thấy y muốn chuyển sự thất bại về quân sự của y sang một thắng lợi chánh trị, nên đòi y phải đấu hàng vô điều kiện. Y từ chối : chiến cuộc tàn ác lại diễn ra thêm 5 năm nữa !

Năm 1956, thủ tướng Abdul Rahman sang Anh thương thuyết độc lập. Năm 1957, Mã Lai trở nên một quốc gia có chủ quyền.

Trong những năm sau đó, Mã Lai tự mình lãnh đạo cuộc chiến đấu. Thủ tướng Mã Lai nói : « Trong thời gian đó, Mã Lai vừa chiến đấu vừa xây dựng, đường xá được mở mang thêm, cầu cống được xây cất thêm, điện nước phát triển, sở trường học, nhà thương tăng lên nhiều hơn. Chúng tôi không chông Cộng riêng bằng vũ khí. Chúng tôi đi thẳng vào tâm hồn dân chúng, tỏ cho họ thấy rằng trong một nền dân chủ, cái gì của chánh phủ là của dân chúng. Chúng tôi đem lại cho dân chúng nhiều hơn là Cộng Sản có thể làm được cho họ ».

Thế là sau 10 năm phá hoại và khủng bố, Cộng Sản đã thất bại. Trong hai năm chiến tranh sau cùng, lực lượng chúng bị tan rã nhanh chóng. Đến năm 1960, Chánh Phủ Mã Lai tuyên bố chấm dứt tình trạng khẩn trương : nạn Cộng Sản đã bị tiêu diệt.

Từ đó cho đến nay chánh phủ được rảnh tay kiến thiết quốc gia : tất cả mọi ngành sản xuất kỹ nghệ, canh nông, cao su, gạo, thiếc v.v... đều tăng lên vượt bậc. Mã Lai ngày nay đã trở nên một quốc gia dân chủ, phú cường bậc nhất ở Đông Nam Á.

Nước Việt Nam chúng ta ngày nay cũng đang trải qua một tình trạng y hệt như của nước bạn. Có chiến đấu gian khổ mới có một vinh quang sáng lạn. Một tương lai huy hoàng đang chờ đợi chúng ta.

N. Đ.

(Theo William J. Lederer)

Gaszyna

LÒ ĐÀO TẠO GIÁN-ĐIỆP

Bài của HOÀNG-LONG

- * Phương pháp đào tạo điệp-viên hoạt động tại Anh-Quốc.
- * Các sinh-viên điệp-báo được huấn luyện ra sao để cài trang thành một phong lưu công-tử thành Luân-Đôn.
- * Melinda Mc Lean, vợ của nhà ngoại-giao Anh và cũng là gián-điệp của Nga, đào tẩu sang Liên-Sô hồi 1951, hiện nay là giám-khảo Anh-ngữ tại Gaszyna.

L. T. S. Sở dĩ Nga-Sô thất bại trong kế hoạch kinh tế và nông nghiệp vì giai cấp lãnh đạo Nga đã tập trung tất cả tài nguyên, nhân lực vào kỹ nghệ chiến tranh: những nhà máy đúc thép, những hỏa tiễn nguyên tử, đó là những nguyên nhân phá sản của nền kinh tế Sô-Viêt để đảng cấp thông trị Cộng sản tại điện Cẩm Linh có thể lên mặt với các chư hầu. Và... còn những trường đào luyện gián điệp với tổ chức đại quy mô, với những kinh phí khổng lồ đã làm nghiêng lệch ngân sách Nga Sô và dồn dân Nga đến đời sống cùng cực hiện nay.

Trên trường tranh đấu, « biết người biết mình » là một nguyên tắc không thể bỏ qua. Thiên tài liệu này được ra mắt bạn đọc cũng với mục đích ấy.



NGAY sau khi lọt vào vòng đại trường sở, sinh viên điệp báo chỉ được phép nói tiếng Anh. Họ đã biến thành một con người khác. Nơi đây thời gian 10 năm họ sẽ được đào luyện để quên hẳn nguồn gốc Nga Sô của họ. Họ sẽ trở thành người Mỹ, người Anh, người Úc hoặc Tân-Tây-Lan và phải đồng hóa với quốc tịch mới của họ để không thể nào tiết lộ gốc tích khi bị bắt, dù bị tra tấn, tẩy não hay bị chích thuốc nói thật. Trên thực tế, phương pháp này có vẻ có kết quả, như trường hợp tên gián điệp Lansdale bị sở Tình-Báo Anh bắt, hẳn luôn luôn

chứng minh hẳn là Gordon Lansdale, dù rằng ban chuyên môn tại Scotland Yard biết rõ hẳn là công dân Sô-viêt.

Trong 10 năm, người cán bộ điệp báo chìm đắm trong một bầu không khí khác lạ tại Nga Sô, trước hết là những cảnh trí được sắp đặt ngay trên lãnh thổ Nga. Vừa rời khỏi Mạc-Tur-Khoa có mấy giờ đồng hồ, họ kinh ngạc khi tự thấy lạc sang một địa giới khác hẳn: Các nhà cửa, rạp chớp bóng, tiệm ăn, phòng trà, khách sạn, tất cả đều theo đường lối kiến trúc của một đô thị bên Anh. Khách bộ hành mặc quần áo như dân Anh, xe cộ mang số hiệu bên Anh, các nhãn hiệu quảng cáo bằng tiếng Anh, và mọi người cùng nói một thứ tiếng duy nhất: tiếng Anh.

Những năm đầu tiên tại Gaszyna, các sinh viên hoàn toàn được huấn luyện ngôn ngữ Anh. Các giáo sư giảng dạy là những giáo sư người Anh theo Cộng sản, đã trở thành công dân Sô-Viêt sau khi cắt đứt mọi liên lạc với xứ sở của họ; và tại Gaszyna không phải chỉ có các giáo sư kể trên là những phần tử duy nhất có nguồn gốc ngoại quốc. Để cho bầu không khí có vẻ Anh-Quốc hơn nữa, nhà cầm quyền Sô-Viêt đã phái tới đây những nữ chiêu đãi viên, những người bán hàng, tài xế xe buýt, các thợ thuyền từ những miền xa xôi thuộc Liên-Hiệp-Anh, tất cả những người này là phần tử cộng sản đã ly khai với tổ quốc của họ, nhập quốc tịch Nga Sô. Các giáo sư cũng như tất cả mọi người tại Trung Tâm Gaszyna được lệnh uốn nắn những cán bộ sinh viên nói cho đúng tiếng Anh nếu họ nói sai giọng hoặc sai văn phạm. Để cho những nhân viên tập sự này có thể thuần thục làm

ĐIỆP NGA - SÔ

quen với Anh-ngữ, giới lãnh đạo còn cung cấp cho họ nhiều đĩa hát và phim ảnh bằng tiếng Anh, nhập cảng từ các nước Tây phương. Không cần họ phải áp dụng ngôn ngữ Anh một cách hoàn toàn văn chương, nhưng phải thực hành tiếng Anh trôi chảy, thông dụng thường ngày.

TUYỆT ĐỐI CẤM NÓI TIẾNG NGA. — Những kết quả thâu lượm được bằng phương pháp kể trên có vẻ khả quan, một bài đăng trên công-báo của Bộ Nội-Vụ Nga ký tên F.K. đã nhận định rằng : « Rất thích thú khi nhận thấy sự tiến bộ trong việc học tiếng ngoại quốc nếu ta quyết định học hỏi cần mẫn. Khi tôi mới nhập trường, cũng như các bạn đồng học, tôi hoàn toàn không biết tiếng Anh. Việc cấm sử dụng tiếng Nga, ngay phút nhập trường đã khiến sinh viên cán bộ không những phải bắt buộc tập nói tiếng Anh và còn suy luận theo chiều hướng ngôn ngữ ngoại quốc nữa.

Khởi điểm, thực vô cùng khó vì chúng tôi rất vất vả khi tiếp xúc với nhau, nhưng sau đó chúng tôi đã có thể nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh về những vấn đề thông thường rồi thảo luận về những vấn đề cao hơn.

Trước ngày mãn khóa, cán bộ điệp báo phải qua một kỳ thi khảo sát Anh ngữ rất gắt. Trong số các giám khảo tại Gaszyna có cả vợ một nhà ngoại giao Anh theo cộng-sản, hôn đào sang Nga Sô hồi 1951, đó là Donald Mc Lean, vụ này đã khiến dư luận hồi đó xôn xao.

Hiện nay Donald Mc Lean là chủ bút tạp chí «Những vấn đề quốc tế» còn vợ là Melinda làm chuyên viên Anh ngữ cho một tờ nhật báo tại Mạc-Tur-Khoa.

Sau đây là tổ chức trong biệt khu học xá của các cán bộ được huấn luyện để hoạt động tại Anh quốc:

Học xá thiết lập về phía đông-bắc trên một khu vực rộng 150 cây số. Đề thực thể hoá khu vực này thành khung cảnh Anh Quốc với mục đích cho người cán bộ tương lai nhận định rõ những điều kiện thực tế tại một nơi mà họ sẽ hoạt động sau này, giới lãnh đạo Nga Sô đã cho xây cất 1 thị trấn và 1 khu nông nghiệp tại Gaszyna hoàn toàn theo đường lối kiến trúc Anh quốc. Thị trấn này có một đại lộ như Luân Đôn có

đủ cả nhà cửa, quán hàng, ngân hàng, buro điện. Các cán bộ vào một cửa hàng tại đây sẽ thấy các tạp phẩm về trang phục, thuốc hút, tạp chí, thực phẩm bày biện như ở một cửa hàng bên Anh và nếu cán bộ sơ ý trả tiền bằng tiền Nga, chủ hiệu sẽ rất lịch sự yêu cầu khách tới ngân hàng đổi sang Anh-kim.

Trường hợp này khó có thể xảy ra vì mỗi cán bộ Sinh viên được lãnh 25 Anh-kim mỗi tuần để tiêu dùng và trả tiền ăn, ở. Các giá hàng tại đây hoàn toàn theo giá biểu tại bên Anh và sở dĩ được áp dụng đúng vì căn cứ theo tài liệu thường xuyên của sứ quán Nga tại Luân-Đôn gửi về.

Các sinh viên làm quen mau chóng với nếp sống mới. Những điều lạ lùng đối với họ lúc đầu, dần dần trở thành thói quen. Và họ không còn tỏ ra ngỡ ngàng trước những xe buýt kiểu Luân Đôn sơn màu đỏ có 2 tầng, những thùng bỏ thư hình tròn đặt tại lề đường, họ không còn nhăn mặt khi hút thuốc Virginie hoặc khi uống rượu Gin hoặc rượu bia. Đề thay đổi không khí, thỉnh thoảng họ lên xe ca của hãng Green Line về thăm vùng quê. Đây cũng là một làng nhỏ rập theo kiểu Anh, có những quán nước với những vũ điệu bình dân hết như bên Anh.

Các gián điệp tập sự thuần thục với nếp sống mà họ sẽ phải sống thực sự sau này. Trong thời gian 5 năm, họ có một trình độ hiểu biết đầy đủ về Anh ngữ, họ được huấn luyện hoàn bị về mọi phương diện như một sinh viên Anh tại chính quốc : sử học, văn chương, âm nhạc, thường thức tổng quát và cả môn khiêu vũ theo kiểu Anh.

BẢO TÀNG VIỆN GRÉVIN : Tại Gaszyna còn có những phòng triển lãm đặc biệt thuộc bảo tàng viện Grévin. Nơi đây trên những khuôn người bằng gỗ, hoặc thạch cao có triển lãm đầy đủ những bộ quân phục của Anh-Quốc về các ngành hải, lục, không quân, cả những bộ quân phục của vệ binh Hoàng gia và của các đơn vị đặc biệt. Các sinh viên được chỉ dẫn đề từ đẳng xa, có thể nhận xét và phân biệt các loại phù hiệu, cấp hiệu và huân chương trong quân đội Anh. Trên tầng lầu viện bảo tàng là nơi triển lãm các loại y phục của cảnh sát Anh Quốc, Cảnh Sát đô thành Luân-Đôn và tất cả trang phục những vương hầu, công tước, của nước Anh cổ kính. Tầng thứ ba là y phục của bộ đội Chữa Lửa, nhân viên buro điện, kiểm soát viên vận tải và chuyên chở. Như vậy các gián điệp Nga Sô không thể nhầm lẫn giữa người kiểm soát vé xe buýt với một đại tướng, giữa một nhân viên đưa thư buro điện và một vị đô đốc.

Tại những phòng triển lãm khác, có bày những toa xe lửa, những toa xe có giường nằm, những toa khách sạn, các mô hình công thự nổi tiếng tại Anh Quốc được dựng lên tại đây: Trung Tâm Piccadilly, điện Westminster, Trụ sở Quốc Hội, Ngân hàng, đường xe điện ngầm.

Các nhân vật lãnh đạo Nga Sô thừa hiểu rằng dân tộc Anh rất ham chuộng thể thao, bởi vậy tại Gaszyna phần lớn học trình cũng dành cho đủ loại

thể thao: túc cầu, lam cầu, quần vợt. Ngay khi còn ở trường Marx-Engels và Lénine, các sinh viên điệp báo đã chơi thạo đủ loại thể thao kể trên. Tuy nhiên có môn khúc-côn-cầu là một môn thể thao khó hơn cả của người Anh, mà các sinh viên Nga khó có thể chơi thành thạo. Các phần tử này đã phải thốt rằng họ đã xem phim ảnh, nghiên cứu trong sách vở về cách chơi khúc côn cầu nhưng môn này còn khó hơn một bài toán đại số học búa nhất !

Khi chương trình đào luyện đã hoàn tất, người cán bộ điệp báo được chỉ dẫn để đóng một vai trò đáng được trọng vọng tại Anh quốc, thí dụ một nhân vật trong ngành giao thương. Họ có thể thủ vai này một cách hết sức dễ dàng vì tại Gaszyna họ đã được học rất kỹ về khoa học thương mại, cả những môn tốc ký và đánh máy, về hai môn này họ được sử dụng những máy tối tân nhất của ngoại quốc, những

danh từ chuyên môn trong những mẫu công văn giấy tờ tại các công ty bên Anh. Họ phải thấu triệt về công việc ngân hàng, xuất nhập cảng, các thủ tục quan thuế, các vấn đề tiền tệ, pháp luật, giao thông.

Bởi vậy, tên cán bộ gián điệp Nga khi ra khỏi lò đào luyện Gaszyna đã trở thành một phong lưu công tử thành Luân Đôn mà khó có thể bị tình nghi tại bất kỳ nơi nào. Trong mười năm đào luyện, chúng đã học đầy đủ lẽ lối sinh hoạt tại Anh Quốc, và bắt chước được tinh tình ưa hải hươc, hay chiêm biển và phớt lạnh của dân Anh và chúng đã mặc nhiên đứng vào hàng ngũ công dân của Nữ Hoàng khả kính.

HOÀNG - LONG

(Viết theo tài liệu tuần san
Nouveau Candide)

SẢN - PHẨM NHỰA HÓA - HỌC

VIETNAM INDUSTRIAL CORPORATION

VIỆT - NAM CÔNG - NGHIỆP CÔNG - TY

Xưởng :

57, đường Lê-Quốc-Hưng

Khánh-Hội — Saigon

Đ. T. 611 Sg.

Văn phòng :

117, đại-lộ Lê-Lợi

Saigon

Đ. T. 20.652

CHUYÊN SẢN - XUẤT :

POLYETHYLENF BAG

—

Bao kiến dẻo (Túi Nylon)

FLEXIBLE PIPE

—

Ống dẫn nước loại đen

VINYLON

—

Giấy cước Nylon Monofilament

VINAFILM

—

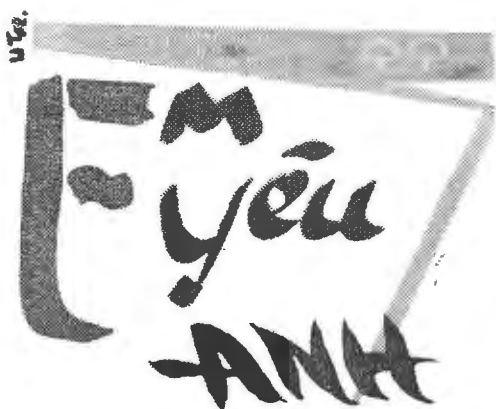
Vải áo mưa P. V. C.

POLYFILM

—

Vải kiến dẻo Polyethylene

Những sản-phẩm này, đã được sự tín nhiệm của khách hàng trong nước.



c ú a

A
N
H
Đ
À
N
G

Tóm tắt kỳ trước.— Trong một chuyến ra Vũng Tàu đổi gió, nhà thám tử tư Phi-Thử và người bạn cộng sự Văn-Sơn gặp lại những người quen cũ, trong giới nghệ-sĩ và ăn chơi của Sài Thành hoa lệ : vợ chồng Hà Phương Bích Thủy và cặp Minh-Lê Hoa.

Qua vài ngày sống tại đây, Phi-Thử đã thấy rõ họ không phải là những cặp vợ chồng chung thủy với nhau mà bên trong còn có nhiều bí ẩn, ghen tương và hận thù nhau. Cặp mắt của nhà thám tử luôn luôn soi mói để tìm sự thật.

HOM sau.

Vào buổi tối, tại phòng riêng, Phi Thử rít xong hơi cuối cùng điều Capstan, vút tàn qua song cửa, chàng lác đầu nói với Văn Sơn :

— Thăng Minh xem vậy mà cũng nóng dừ. Hối chiếu nếu không có tôi với anh can nó, chắc nó cho Hà Phương đi nằm nhà thương quá :

Văn Sơn rùng vai nói.

— Đi năm nhà thương còn đỡ đả. Nhờ Lê Hoa là cái mỏ vàng của nó đang đào mà lại xen vô phá đám, bảo sao nó không ghen tức. Có ngày nó dám cho Hà Phương bề mạt cuộc đời làm chứ chẳng không,

Phi Thử cười :

— Gì mà dừ vậy cha nội.

Văn Sơn trợn mắt bênh vực lý lẽ mình :

— Vậy chứ hối chiếu anh không nghe thăng Minh nó nói đây sao ? Nó bảo ai muốn cướp Lê Hoa của nó, muốn

Lê Hoa bỏ rơi nó như đã bỏ rơi bao thằng khác trước kia, thì ráng mà bước qua sác nó đã rồi sẽ tính.

Nghe Văn Sơn nói, Phi Thử im lặng trầm ngâm suy nghĩ. Bỗng chàng thông thả nói :

— Tôi đoán biết thế nào rồi đây cũng có chuyện không hay xảy ra, nên hối này gặp Bích Thủy, tôi có khuyên cô ta nên đưa Hà Phương về Saigon càng sớm càng tốt, nhưng con bé lại không chịu. Nó bảo Hà Phương còn muốn ở lại thêm vài hôm nữa để viết cho xong quyển truyện rồi mới về.

Văn Sơn hỏi :

— Anh nói là sẽ có chuyện không hay xảy ra hội chiếu rồi kia mà, không lẽ Hà Phương lại còn dám lên chỗ vợ người ta đi chơi lẩn nữa à ? Thế thì ề mặt quá.

Phi Thử lác đầu, với một vẻ bí mật chàng nói :

— Chuyện ghen tương gây gổ theo kiểu hối chiếu chỉ mới là giai đoạn thứ

hai thôi. Còn giai đoạn chót của chương trình nữa.

Văn Sơn thắc mắc hỏi :

— Anh muốn nói gì, thật tôi không hiểu gì cả ?

Phi Thử nhìn thẳng vào mặt Văn Sơn dần từng từng tiếng :

— Tôi muốn nói... **MỘT ÁN MẠNG**

— Một án mạng ?

— Phải, một án mạng. Một án mạng sẽ xảy ra ngoài sự hiểu biết và phỏng đoán của mọi người.

✱

(P) ỨNG như lời Phi Thử đã nói, vụ án mạng ấy đã xảy ra, và nó đã xảy ra ngoài mức hiểu biết của mọi người.

Nạn nhân đã bị giết bằng một chất thuốc độc có công hiệu làm cho tim ngưng đập ngay 5 phút sau khi uống vào.

Thủ phạm đã bị bắt ngay khi án mạng vừa xảy ra, với tang chứng là gói thuốc độc còn thừa lại giấu trong túi áo.

Thủ phạm là... Hà Phương, chàng văn sĩ chồng Bích Thủy.

Và nạn nhân, nàng Lê Hoa, vợ của Minh.

Sau đây là những gì đã xảy ra trước và sau khi Lê Hoa chết :

Đêm ấy, đêm thứ bảy, tức là cách vài hôm, sau ngày xảy ra chuyện ghen tương giữa Minh và Hà Phương, Phi Thử, Văn Sơn và Hà Phương, ba người gặp nhau ngoài vườn hoa khách sạn.

Ba người chọn một chiếc bàn con đặt dưới một tàn cây dương liễu để ngồi.

Đêm nay, quanh ngôi vườn của khách sạn, vì trời nóng nên rất đông khách ra ngồi hóng mát. Mấy người bói bàn thật bận rộn công việc, hết chạy bên này lại sang bên kia.

Hà Phương vừa cởi chiếc áo veste mắng trên thành ghế, vừa định gọi bồi lầy thức uống nhưng chưa tìm thấy, thì ngay lúc ấy, Minh từ trong bước ra. Phi Thử trông thấy trước nhất, liền lên tiếng gọi Minh đến. Mấy hôm rày, từ sau khi vụ xích mích giữa Minh và Hà phương xảy ra và đã được Phi Thử, Văn Sơn đứng giữa giảng hòa đôi bên, thì không có gì đáng tiếc xảy ra thêm nữa giữa hai người ấy. Tuy vậy, vồn tánh

đa nghi, Phi Thử vẫn lo sợ có sự không hay bất ngờ đưa đèn nữa, nên chàng luôn luôn tìm cách để hai bên được gần nhau, và thân mật lại với nhau như trước. Vì lẽ ấy, nên khi vừa chợt thấy Minh, chàng đã lên tiếng gọi.

Minh đèn. Chàng vui vẻ bắt tay mọi người.

Trong lúc bắt tay nhau, chính Hà Phương là người đầu tiên mở lời thân mật chào hỏi Minh, và chàng đã nhã nhặn ngỏ lời xin lỗi về việc đáng tiếc đã xảy ra. Sau đó, lại chính Hà Phương nhanh nhẹn đứng dậy đi tìm bói để lấy thức uống sau khi đã hỏi mọi người dùng gì. Phi Thử dùng cassis-soda, Văn Sơn và Hà Phương, la-ve, còn Minh, nước cam.

Sau khi Hà Phương và người bói bàn mang thức uống ra, Hà Phương lại vui vẻ tự tay mình rót nước cam vào ly cho Minh. Bên người ngồi quay quần bên nhau, vừa uống vừa trò chuyện. Hết chuyện thời tiết đèn chuyện thời sự. Câu chuyện thật thân mật, vui vẻ.

Thế rồi độ nửa giờ sau, họ thầy Bích Thủy và Lệ Hoa từ dưới biển vừa cập tay nhau đi lên. Mọi người gọi lại cùng ngồi. Bích Thủy đòi cam vắt, còn Lệ Hoa thì coca-cola.

Minh tay cầm ly nước cam đang uống dở nửa chừng quay qua quay lại nhìn nhắc tìm bói bàn nhưng không gặp người nào lảng vảng gần đó cả. Nghe vợ đòi uống coca-cola, chàng mới

bảo Lệ Hoa uống đỡ ly nước cam của chàng trong khi chờ chàng đi gọi bói lấy.

Lệ Hoa đang lúc khát, nàng nâng ly nước cam của chồng lên uống một hơi. Trong khi đó, chồng nàng đi vào trong gọi bói. Bỗng nhiên Lệ Hoa ngã nhào người ra phía sau thành ghế, đưa hai tay dè lên ngực, mặt nàng nhợt nhạt, tái đi. Mọi người hoảng hốt. Giữa lúc ấy Minh ra tới. Minh hỏi hoảng lay gọi vợ. Lệ Hoa thì thảo cho biết trong người nàng cảm thấy khó chịu lắm. Văn Sơn tức tốc chạy vào trong quay điện thoại gọi bác sĩ. Trong lúc ấy, ngoài này, bỗng Minh quay sang nhìn Hà Phương với cặp mắt ngờ vực. Chàng cầm ly nước cam Lệ Hoa vừa uống lên, lắc qua lắc lại xem. Dưới đáy ly, một chất bột còn đọng lại. Minh nhẩy tới xô cổ áo Hà Phương, thét lên :

— Anh bỏ gì vào ly nước cam của tôi, hả ? Anh thuốc tôi phải không ? Tại sao vợ tôi thế này ?

Ngay lúc đó bác sĩ đến.

Mọi người loay quay bên Lệ Hoa đang bất tỉnh.

Năm phút sau, nàng chết.

Cảnh sát được báo tin đến nơi, khám quần áo Hà Phương theo lời tố cáo và yêu cầu của Minh, họ bắt được một gói bột nhỏ cất trong túi áo veste của chàng đang máng trên ghế ngồi.

Thế là Hà Phương bị mời về cảnh sát cuộc, mặc dù chàng kêu oan, không biết gì về gói thuốc độc ấy trong túi áo chàng.

*

SÁNG hôm sau.

Tại phòng, Phi Thử và Văn Sơn đang thay áo quần để sửa soạn đèn Cảnh sát cuộc với tánh cách nhân chứng hiện diện trong khi án mạng xảy ra hồi đêm qua.

Văn Sơn đứng trước tủ kính vừa sửa lại chiếc cà-vạt vừa nói với Phi Thử đang ngồi phỉ phà điều capstan ở sa-lông :

— Có lẽ bây giờ ngồi trong khám chắc thằng cha văn sĩ Hà Phương đau khổ lắm, vô tình nó đã giết người yêu của nó...

Nói đến đây, Văn Sơn dừng lại nhìn Phi Thử. Phi Thử đang nhìn trần nhà, vừa rung đùi, vừa mỉm cười một cách khó hiểu. Văn Sơn có vẻ khó chịu hỏi :

— Sao anh cười ?

Phi Thử vẫn nụ cười trên môi, nhìn Văn Sơn đáp :

— Tôi cười vì tôi thấy anh không biết gì về vụ án mạng này hết.

Văn Sơn ngạc nhiên vừa định mở miệng hỏi thì Phi Thử đã đưa tay ngăn lại hỏi chàng :

— Theo sự việc đã xảy ra, chắc anh cũng đồng ý với Cảnh sát là Hà Phương định giết Minh nên đã lén bỏ thuốc độc vào ly của Minh, khi Hà Phương rót nước cam hộ hắn. Và sau đó, vì Minh nhường ly mình cho vợ uống nên Lệ Hoa uống nhầm phải thuốc độc trong ấy mà chết ?

— Thì đúng như vậy chứ sao. Và lại Cảnh sát còn bắt gặp trong túi Hà Phương gói thuốc độc còn dư lại. Như thế thủ phạm là hẳn chứ còn ai vô đó nữa.

Phi Thử vẫn với nụ cười khó hiểu hỏi Văn Sơn :

— Như thế tóm lại, theo anh thì Hà Phương định giết Minh, và vô tình Lệ Hoa phải chết thế ?

— Lẽ dĩ nhiên

Phi Thử rùng vai :

— Thế nên anh mới làm to như mọi người. Và đến bây giờ anh vẫn chưa hiểu gì hết, vẫn cho là vô tình mà Lệ Hoa phải chết.

Văn Sơn thất xong chiếc cà-vạt, quay lại hỏi gần Phi Thử :

— Thế còn anh, anh cho việc Lệ Hoa chết là... là cái quái gì ?

— Là một âm mưu có sắp đặt trước.

— Nghĩa là Hà Phương có sắp đặt trước để giết Lệ Hoa ?

Phi Thử lắc đầu :

— Không, không phải Hà Phương.

— Vậy chứ còn ai vô đó ?

Phi Thử trả lời cụt ngắn :

— Thằng Minh !

Văn Sơn kinh ngạc :

— Thằng Minh ? Chồng Lệ Hoa ?

Phi Thử gật đầu. Văn Sơn nhào tới kể bên hỏi thật nhanh :



— Anh bảo sao, thằng Minh, chồng Lê Hoa, nó giết nàng ?

Phi Thử lại gật đầu. Văn Sơn kinh ngạc lại kêu lên :

— Trời, sao lại có việc kỳ lạ thế ?

Phi Thử đưa tay dè lên vai Văn Sơn, dí chàng ngồi xuống cạnh chiếc ghế đặt gần bên đó.

— Anh bình tĩnh nghe tôi nói đầu đuôi đã.

Rồi chàng thông thả hỏi Văn Sơn :

— Chắc anh thừa biết Lê Hoa đang có một gia tài kèch sù sau bao năm đóng phim, và số di thằng Minh chịu cưới Lê Hoa chỉ vì gia tài ấy ?

— Phải, đúng như thế.

— Và một điều nữa, thằng Minh và con Bích Thủy trước khi lập gia đình, tụi nó không xa lạ gì nhau ở các vũ trường.

— Đúng.

Rít một hơi thuốc, Phi Thử tiếp :

— Căn cứ vào điểm chúng đã biết nhau đó, đến lúc tình cờ sau những ngày gặp nhau ở bãi biển, tôi để ý thấy một vài việc là lạ xảy ra dưới mắt tôi và sau đó, tôi quả quyết là chúng nó đã yêu nhau từ trước.

Phi Thử vừa nói đến đây, Văn Sơn chặn lại hỏi :

— Anh căn cứ vào cái gì mà dám quả quyết tụi nó đã yêu nhau từ trước nếu chỉ vịn vào sự thân mật giữa đôi bên thôi, tôi e không đúng.

Phi Thử gật đầu :

— Anh nói phải.

Rồi chàng hỏi tiếp Văn Sơn :

— Chắc anh còn nhớ vụ căn phòng số 13 mà mình định hỏi mượn lúc mới xuống đây ?

Văn Sơn ngỡ ngàng chưa hiểu Phi Thử định nói gì thì Phi Thử đã nói tiếp :

— Căn phòng số 13 ấy, theo anh đã có lần nói với tôi là anh nghi chàng văn sĩ Hà Phương dặn thuê trước để cho Lê Hoa xuống ở, vì theo anh, họ đã có hẹn nhau xuống đây ?

— Đúng.

— Nhưng ngược lại thì khác. Căn phòng ấy không phải do Hà Phương đã dặn thuê trước, mà chính là Bích Thủy đã dặn trước cho thằng Minh vì tụi nó có hẹn nhau xuống đây.



Văn Sơn ngạc nhiên hỏi :

— Sao anh biết

Phi Thử đáp :

— Tôi đã hỏi khéo thằng cha quản lý, nó cho biết thế.

Văn Sơn phát tay một cái tỏ ý không tán thành :

— Ô ! Đành rằng đầu chính Bích Thủy có dặn trước đi nữa, nhưng biết đầu vợ chồng thằng Minh nhờ nó. Có gì là quan hệ.

Phi Thử lắc đầu nói :

— Nếu không quan hệ gì, sao Bích Thủy lại giấu không cho chồng nó biết, bằng cứ là khi mới gặp mình, Hà Phương, chồng Bích Thủy, báo mình thuê phòng 13 ấy vì hẳn còn thầy trò.

Văn Sơn gật gù :

— Ờ nhỉ, phải đấy.

Phi Thử tiếp :

— Việc ấy, thật ra đời với tôi cũng chưa có gì là chắc chắn cho lắm. Còn cái đặc biệt này nữa.

Phi Thử vừa nói, vừa móc túi đưa cho Văn Sơn xem bức điện tín màu xanh.

— Anh xem cái này đi rồi tôi nói tiếp anh nghe.

Văn Sơn cầm bức điện tín thấy bên ngoài ghi tên người nhận là : ông Trần Văn Minh.

Mở ra, bên trong có hàng chữ như sau :

« Xường ngay. Dặn phòng rồi. Số 13 ».

Em yêu anh
Bích-Thủy

Thầy Văn Sơn xem xong, Phi Thử nói :

— Tôi thấy vợ chồng thằng Minh xuống ở căn phòng số 13 một cách lạ lùng như vậy, và thầy giữa Minh và Bích Thủy có những hành động khó hiểu nên tôi đã sanh nghi. Tôi đã tò mò tìm hiểu việc dặn trước căn phòng số 13 như tôi đã nói với anh khi này. Sau đó, tôi đã lén vào phòng thằng Minh trong khi cả hai chúng nó đi vắng, tôi đã tìm thấy bức điện tín này trong túi áo trong của chiếc veste nó. Thế bây giờ anh có câu với tôi là chúng nó đã yêu nhau và đã có hẹn trước với nhau xuống đây không ?

Văn Sơn gật đầu không nói gì. Phi Thử tiếp :

— Đền khi nghe anh thuật chuyện Bích Thủy báo với anh là nó buồn, nó lo sợ chồng nó bị Lê Hoa cám dỗ v.v... rồi sau đó, lại thấy nó khóc với mình ngoài bãi, tôi càng sanh nghi hơn, tôi e nó và thằng Minh đang âm mưu gì đây. Sau đó lại thấy thằng Minh ghen tương gây lộn và hăm he Hà Phương, tôi càng lo hơn nữa. Tôi tính chắc sẽ có điều không hay xảy ra nên mới khuyên Bích Thủy đưa Hà Phương về Saigon đi. Chắc anh còn nhớ điều này chứ ?

Văn Sơn gật đầu, Phi Thử tiếp với một giọng thờ dài :

— Thế rồi tôi không ngờ hôm nay chúng lại cả gan dám âm mưu giết Lê Hoa và đổ tội cho Hà Phương ở tù để chúng nó được rảnh tay yêu nhau và chiếm đoạt gia tài của Lê Hoa một cách hợp pháp.

Văn Sơn tỏ vẻ không đồng ý với Phi Thử về điểm này nên chàng nói :

— Đành rằng chúng nó yêu nhau, nhưng còn điều anh nói chúng âm mưu để giết Lê Hoa và đổ tội cho Hà Phương thì tôi e anh nói sai, vì chính Cảnh sát

(xem tiếp trang 46)

NHỮNG cơn gió lạnh đầu mùa lá lướt ngàn cây, những ánh nắng vàng trải lụa xuống vỉa hè đô-thị, những hoàng-hôn bóng-bệnh sương khói... Mùa Thu đã về trên sông núi miền Nam, dịu dàng bên lên như cô gái xuân tơ thả hồn chợp mộng ban đầu.

Mùa nắng hạ miền xích-đạo đã đi qua một chu-kỳ cùng với những cánh huyêt Phụng cuối mùa lá-tả rơi trên nền cỏ xanh. Thu đã về, Thu của đất trời điểm lệ với những đợt gió heo may buồn hiu hắt như những tiếng thờ dài não nùng của người chinh-phụ, với nắng hanh vàng bay múa trên chiếc nón bài thơ của người kiều nữ.

Nều mùa Xuân là mùa hy-vọng bừng nở trên muôn cánh Mai vàng, mùa Hạ là mùa của hoa-niên trào nhựa sống, và mùa Đông là mùa hạnh-ngộ bên bếp lửa reo vui thì mùa Thu là mùa của mộng-đào, yêu đương vì sương thu giăng mắc như những sợi tơ đàn trong bản hòa-âm tình-tự của những linh-hồn đồng điệu, khéo mắt lưu-ly của giai nhân càng thêm trong biếc, sâu thẳm hơn cả hồ thu liễu rủ.

Thu còn là mùa của hò-hẹn, nhớ-thương. Những chiều Thu, hoàng-hôn về chậm, cô gái dài trang ngồi ngắm cánh chim trời qua song cửa, nhớ tới người đi ngoài vạn dặm quan san ; những đêm Thu trăng sáng vườn chè, lời ước thệ của đôi lứa yêu nhau cũng đẹp như tuổi Trăng mười sáu. Mùa Thu còn là mùa của những chuyện thần thoại đẹp như Thơ với Đường-Minh. Hoàng mơ tở nữ cung Hằng, dùng giải lụa bạch nối không gian tìm lời về nẻo đào-nguyên nguyệt-điện ; với chú Cuội ngồi gốc cây đa, thiên thu trông vờn dương-thê...

Nhưng ý-nghĩa đặc biệt thuần túy của Mùa Thu dành cho những tiên đồng, ngọc nữ : bầy trẻ thơ riu rít sơn ca đón Thu về trông đêm hội Hoa-đăng. Đêm thiên đường là đêm của các Em, tung bồng ánh lửa, bập bùng tiếng trống, rộn rã lời ca, huy-hoàng nhịp vũ.

Nhìn bày chim non khả ái của miền Nam đang reo ca đi vào mùa Hội lớn của tuổi thơ mà trạnh lòng xót thương cho thế hệ nhi-đồng phương Bắc : Những mầm xanh bắt hạnh đang bị thui chột trong ngục tù tội-lỗi. Lứa tuổi hoa-niên không biết tiếng chim ca ngay trong buổi bình-minh cuộc đời, bị cưỡng bức xa lìa mái ấm gia đình, bị xô đẩy vào một tập thể phi-nhân. Bọn phù thủy ma quái đã uốn-nắn rèn luyện các em như một đoàn âm binh, các em bị chúng tước đoạt linh hồn ngay thuở ấu thơ để không còn là những đứa trẻ biết rung-động trước ân-tình rào-rạt của hai dang sinh thành, mà sẽ trở thành những con người máy không tim, không óc dưới lệnh sai khiến của ác-quy, ma vương, vì ngay ở học đường, thiếu nhi miền Bắc đã bị nhồi sọ tà-thuyết vô-thần, giai-cấp đấu-tranh. Khúc nhạc tuổi xanh của bày chim nhỏ đã bị phùng bá đạo thay thế bằng những tiếng hò hét man rợ, kích-thích căm thù. Lớp tuổi thơ hoa gấm đã bị đầu độc tư tưởng ngay thời trẻng nước và hình hài vô tội của các Em bị đẩy ãi, cưỡng bách lab-động tại các nông trường, công trường tập thể.

Thiếu-nhi miền Bắc chỉ là những nụ hoa chưa kịp nở, bầy chim chưa được thấy rừng xanh, trẻ thơ chưa được ngắm ánh trăng rằm, đã bị vùi dập phũ phàng bởi những bàn tay vô đạo, bị đìm sâu trong lò bát quái yêu ma để trở thành những phế nhân không còn biết tình thương, đạo sống...

Trong khi đó... miền Nam đang lộng lẫy vào Thu, từng đoàn Em thơ riu rít chim khuyển nắm tay nhau kết hội liên hoan, vì mùa Thu là mùa của các Em : những tiên-đồng, ngọc-nữ, hơn hờ reo ca, tung bồng nhịp vũ trong đêm hoa đăng rực rỡ ánh trăng rằm.

Tùy bút

MÙA

ĐÀ

VÀO

THU

HG-KIỂM-THU

NGỌC

« AN-DƯƠNG HÀNH-BẢO »

của

VIỆT-NAM

S AU thời gian công-tác tại Thủ-đô Mã-lai, chúng tôi trở về Tân-Gia-Ba để đợi máy bay về nước. Chiều hôm ấy, tôi thả bộ quan-sát hải-cảng nổi tiếng này. Tôi đang lang thang thì chợt nghe tiếng gọi : Thấy à ! Tôi quay lại. Một thanh-niên Trung-Hoa từ trong một quán hàng bán kiềng chạy ra.

A Linh ! Linh là học trò cũ của tôi, gia-đình Linh đời với tôi lại có một ân tình vì tôi đã cứu gia-đình anh qua khỏi một tai bay vạ gió của thời loạn. Năm 1954, hiệp định Genève ký kết chia đôi nước Việt Nam, gia đình Linh ở Hà Nội di-cư về Hồng-Kong, ít lâu sau sang Tân-Gia-Ba làm ăn.

Linh mời tôi lên lầu, vừa đi vừa nói truyện, câu truyện của những người thân lâu ngày không gặp nhau. Lên gác, tôi gặp ông bà Hoàng Cẩm-Lý, thân sinh ra Linh ; ông bà đón tiếp tôi rất nồng hậu. Trong câu truyện trao đổi, ông cụ hỏi tôi sang Tân-Gia-Bà có việc gì. Tôi trả lời là tôi đi quan-sát phương pháp chống Cộng của Mã-lai và tôi mới ở Kuala-Lumpur về. Ông cụ cho biết ông cụ có một người cháu gái mới tròn khỉ lục - địa Trung-Hoa. Câu truyện tới đây, cô cháu gái ông cụ ra chào tôi. Vì muốn hiểu biết thêm về tình hình lục-địa Trung - Hoa từ sau ngày Mao-Sên-Sáng chiếm đóng, tôi ngó ý muốn hỏi truyện với cô cháu gái. Ông cụ ưng-thuận và Linh đã giới thiệu tôi với cô cháu gái ấy. Cô tên là Cẩm Sen. Sau khi được ông cụ cho biết tôi là thầy dạy cũ của Linh và là ân-nhân của gia-đình, cô Cẩm-Sen nhìn tôi tỏ cảm tình. Cô Cẩm-Sen là một sinh viên, người cao lớn, tuổi ngoài đôi mươi, có thể nói được là một cô gái xinh. Cô gọi cha của Linh

bằng bác ; gia-đình cô gồm có : bố mẹ, ba anh trai hai chị gái đều đã bị giết chết hết trong dịp Trung Cộng phát động chiến dịch đầu-tổ tại Quảng-châu. Cô may mắn trốn thoát được. Cô đã kể cho tôi nghe những thảm trạng mà Cộng-sản đã bắt hơn 650 triệu dân Trung-Hoa phải chịu đựng. Đại để cũng như bọn Việt-Cộng đang bóc lột, đàn áp hơn mười triệu đồng bào ta. Tuy nhiên, vì cô biết tôi là người Việt nên cô có cho tôi hay về một báu vật của Vua An-Dương-Vương nước ta. Báu vật đó là : Thẻ Ngọc An-Dương Hành-Bảo.

Cô nói :

Nhà cô ở ngoại ô thành Quảng-Châu, cha cô là người chơi đồ cổ nổi tiếng. Trong những đồ cổ vô giá của gia-đình cô có một thẻ ngọc của nước Việt-Nam. Thẻ ngọc chừng bằng bàn tay, phía trên có một lỗ tròn nhỏ, phía trước có một lỗ to hơn. Mặt phải có 124 chữ, bốn góc khắc bốn chữ An-Dương Hành-Bảo. Chặt ngọc cứng rắn, sắc ngọc khi xanh trong, khi đỏ hồng tùy theo thời tiết.

Tôi hỏi : « Cô có thẻ cho biết vì những lý do nào, gia-đình cô cho rằng ngọc An-Dương Hành-Bảo là quốc bảo Việt Nam và hiện nay cô có thẻ cho tôi coi thẻ ngọc quý đó được không ? ».

Cô Cẩm-Sen cười và hình như cho tôi là nóng nảy. Thực ra nghe nói về một báu vật của nước mình ai mà không muốn xem và muốn chiêm lại cho bằng được.

Cô nói chính ông cụ thân sinh đã giảng cho biết rằng : thời xưa, các vị vua chúa khi đi xa thường đeo ngọc quý để trừ tà ma, và có những thứ ngọc kỳ được sương đọng, gió máy, sấm sét hoặc lửa cháy, vì vậy ngọc quý được coi là vật hộ

thân. Một lý do nữa là ngọc An-Dương Hành-Bảo đã đào được ở khu mộ của Triệu-Đà. Triệu-Đà khi sống đã cướp đoạt được nhiều báu vật của vua An-Dương. Khi chết, y sợ những tráng sĩ Việt sẽ quật mồ cướp lại những báu vật ấy nên y đã làm rất nhiều mộ giả và trong ngôi mộ chính của y, y đã chôn theo những báu vật ấy. Tục lệ đem các đồ vật quý báu như vàng, ngọc chôn theo với người chết có từ đời thượng cổ ở bên Tàu.

Nếu tôi không lầm thì ở Việt-Nam ta cũng có lệ này vì vậy trong thời Pháp thuộc, thực dân muốn đào mã các vua ta để cướp vàng bạc đã bị một vị Thượng Thư cương quyết phản đối nên mới có câu :

Phê vua không Khả

Đào mã không Bài.

Cô Cẩm-Sen nheo mắt nhìn như dò hỏi xem cái mức ham biết của tôi đã lên đến cao độ chưa rồi cô mới trả lời tiếp : « Còn về thẻ ngọc thì nghĩ làm sao tôi có thể mang đi được, tôi nghĩ có một cách để thấy có thể lấy lại được thẻ ngọc quốc bảo của nước thấy là thấy cùng với chúng tôi làm sao giết hết được bọn Mao-trạch-Đông, tôi sẽ là người hướng dẫn thấy về nơi chúng tôi chôn giấu thẻ ngọc quý ấy và khi đó, tôi xin trao trả lại quý quốc vật kỷ-niệm này. Tôi đã trả lời những ý - kiến của thấy, bây giờ xin thấy vui lòng cho tôi biết sơ lược về vua An-Dương nước thấy ».

Tôi trả lời và kết thúc câu chuyện : Theo sách Thuy-Kinh-Chú của Quách-Phác thì con Vua Thục đã chiến thắng được các Lạc-hầu, Lạc-tướng xưng làm An-Dương-Vương. Triệu-Đà đem quân đánh An-Dương-Vương ; cuộc chiến bất phân thắng bại. Triệu-Đà phải rút quân về đóng ở huyện Vũ-Ninh và cho con trai là Thủy sang cầu hôn với công chúa An-Dương-Vương là My-Châu. Nàng My-Châu vì nhẹ dạ, nghe lời chống dụ dỗ đã tiết lộ cho chống biết những quân cơ bí mật quốc gia. Thủy sau khi đã biết những bí mật quân sự liền trốn về báo tin cho cha. Triệu-Đà liền đem quân xâm lăng lãnh thổ An-Dương-Vương ; lần này An-Dương-Vương bị thua. Phải chăng thẻ ngọc An-Dương Hành-Bảo là một trong những chiến lợi phẩm mà Triệu-Đà đã cướp được tại nước tôi. Có một điều mà tôi muốn nói với cả cô Cẩm-Sen lẫn Linh là theo Sử Việt-Nam, vào khoảng An-Dương-Vương thứ 48

bạo chúa Tấn-Thủy-Hoàng đã sai Ngâm-Ngao và Triệu-Đà xua quân xuống chinh-phục nước tôi. Tấn-Thủy-Hoàng thi hành chính sách hà-khắc đốt sách chôn sống người v.v... nên ngàn đời về sau người ta vẫn còn nguyên rủa y. Lần này bọn Mao-Trạch-Đông cũng thi hành chính sách tàn bạo còn ghê gớm hơn Tấn-Thủy-Hoàng xưa. Việc thẻ ngọc quốc bảo nước tôi tuy quý nhưng việc cứu 650 triệu người Trung-Hoa và hơn mười triệu đồng bào tôi khỏi ách Cộng-sản là việc của chúng ta phải coi là tối quan-trọng và khẩn cấp trong lúc này. Nếu Tấn-Thủy-Hoàng xưa đã dựa trên bạo tàn để thắng nhất thời thì chúng ta cũng đủ yêu tố để tin tưởng chắc chắn rằng Cộng-sản ngày nay cũng chỉ sẽ tồn tại được trong một thời gian ngắn và chúng sẽ không tránh khỏi số phận như Tấn bạo chúa,

QUỐC - BẢO

COMPAGNIE

GÉNÉRALE DE COMMERCE

(L. RONDON & Co L.T.D.)

9, Đường Trịnh - Minh - Thè

Tél. 21.081 — 20.400

BIẾT NGƯỜI BIẾT MÌNH...

« TRI BÌ TRI KỶ, BÁCH CHIÊN
BÁCH THĂNG » (TÔN VÔ TỬ)

(xem Bọn Dân từ số 28)

★ TRIỆU - ĐƯỜNG

C. NGÓN TAY VÀ TÍNH NGƯỜI

NHÌN thoáng qua bàn tay của mỗi người, chúng ta để ý thấy hình dáng ngón tay mỗi người mỗi khác : ngón tay kẻ thì dài, kẻ thì ngắn, người thì mập, người thì ốm. Ngón tay có khi suôn đuột, khi thì gút mắt.

Khoa xem bàn tay để biết tánh người (chirognominie) cho ta biết hình dáng ngón tay liên quan đến tánh người, hay nói một cách khác, xem hình dáng ngón tay của người nào ta có thể biết đại khái tánh của người đó.

1.— NGÓN TAY DÀI :

Ngón tay được kẻ như dài khi nào ngón giữa dài hơn lòng bàn tay.

Những người có ngón tay dài là những người ít hoạt động. Tánh ưa phân tách, ưa tìm những chi tiết vật vụn. Trước một vấn đề nào họ cũng mất thì giờ để mổ xẻ, xem xét dưới mọi khía cạnh, có khi vì quá chú trọng đến tiểu tiết mà quên đại sự.

Những người có ngón tay dài thường kiêu căng, dễ giận dễ hờn, ưa cãi nghịch lý, phê bình, lắm khi chỉ trích những chuyện không đáng như cách ăn vận, tướng đi, cách ngồi, v.v... của người khác.

Theo đúng nguyên tắc, lúc nào và bất cứ ở đâu cũng muốn những người chung quanh tôn trọng lễ nghi, giữ tôn ti trật tự.

Trong những dịp gặp gỡ những người có ngón tay dài, chúng ta phải ăn mặc cho trang trọng, giữ gìn

từ lời nói đến cử chỉ, vì những người ấy không chịu sự lời thôi, xoàng xĩnh.

Trong gia đình những người có ngón tay dài, giữa vợ chồng thường xảy ra những chuyện xích mích gây gỗ, đời sống thiếu sự êm ấm nhứt là khi những ngón tay dài lại có móng ngắn và ngón tay có gút mắt.

Những người có ngón tay dài mà đầu nhọn là những người dối trá, ưa làm bộ tịch.

2.— NGÓN TAY NGẮN :

Ngón tay được kẻ là ngắn khi ngón giữa ngắn hơn bề dài lòng bàn tay.

Những người có ngón tay ngắn tánh hoạt động hơn người có ngón tay dài, nhận xét cũng mau lẹ hơn và thường là nhận xét đúng.

Người có ngón tay ngắn không quan tâm đến tiểu tiết, chỉ nhìn xem khái quát, không có tánh « vạch lá tìm sâu ».

Tánh dễ dãi, không hay rắc rối, thế nào cũng được, miễn xong chuyện là được. Vấn tất trong lời nói, như trong khi hành văn, tuy không thiếu tài hoạt bác khi bàn đến một vấn đề nghiêm trọng hay hữu ích.

Không cãi cọ với ai, không chỉ trích ai (ngoại trừ khi họ có móng tay thật ngắn).

Khi giao thiệp với người có ngón tay ngắn, chúng ta không cần chải chuốt trong lời ăn vận, không nên dông dài trong câu chuyện vì kẻ dối thoại với chúng ta

không để ý đến bề ngoài của chúng ta và cũng không có thì giờ nghe chúng ta kể « vòng do Tam-quốc ».

3.— NGÓN TAY KHÔNG DÀI, KHÔNG NGẮN :

Ngón tay được coi là không dài không ngắn khi nào ngón giữa dài bằng lòng bàn tay.

Những người có ngón tay không dài không ngắn là những người được quân bình trong tâm tánh.

Ngón tay vừa phải là biểu hiệu của một đức tánh đáng quý của người ngay thẳng và công bình.

Vừa biết phân tách và biết tổng hợp, người có ngón tay không dài không ngắn đáng được chúng ta tính nhiệm trên mọi phương diện.

4.— NGÓN TAY LỚN, MẬP :

Những người có ngón tay to lớn ưa những chuyện vĩ đại nhưng có những sở thích rất tầm thường, hạ cấp.

Nếu thấy ngón tay mập, no tròn, nhứt là ở ngón thứ ba (chân ngón tay) thì chúng ta có thể đoán là gặp người thích về vật chất, muốn sống với đủ tiện nghi, ăn sung mặc sướng. Tánh lười biếng, dễ sa ngã lộn lạc.

5.— NGÓN TAY THON NHỎ, ỒM :

Những người có ngón tay thon nhỏ là những người thông minh, có nhiều trí khôn, nhưng giấu diếm không cho ai biết về mình và không mấy thành thật trong sự giao thiệp.

Những người có ngón tay ồm, nhứt là ở ngón thứ ba là những người biết tiết chế dục vọng, thanh đạm, không màng sự sung sướng, những tiện nghi vật chất. Nếu quá ồm và khô khan từ đầu đến chân ngón, thì đó là người đứng đắn, hay tìm tòi, nhưng quá tiện tặn, hà tiện.

6.— NGÓN TAY TRON TRU, SUON ĐUỘT :

Ngón tay tron tru, suôn đuột là ngón tay của những người nghệ sĩ, của những người có nhận xét mau lẹ, dễ thông cảm.

Đó cũng là ngón tay của những văn sĩ, sống nặng về tình cảm hơn lý trí.

Những người có ngón tay tron tru lại có linh cảm giúp cho họ đoán đúng nhiều việc bất ngờ.

Những người này không thích toán số, chỉ ưa những công việc nhẹ nhàng, không đòi những sự suy tính đông dài mệt trí.

7.— NGÓN TAY CÓ GÚT MẮT :

Những người có ngón tay có gút mắt suy nghĩ, quyết định chậm chạp và khó khăn hơn những người có ngón tay suôn đuột.

Cũng nên lưu ý là ngón tay tron tru có thể trở nên có gút mắt nếu trên đường đời có sự thay đổi về sự nghiệp, về việc làm, v.v... làm đổi hướng nghị lực của chúng ta.

Và con người càng lớn tuổi, các mắt tay càng lớn và rõ ràng vì con người càng già càng trở nên có mực thước, không quá tin như khi còn niên thiếu và cũng ăn nói và hành động hợp lý hơn.

Ngón tay có thể có 2 mắt : mắt thứ nhứt giữa lòng có móng tay và lòng giữa, mắt thứ hai giữa lòng giữa và lòng giáp lòng bàn tay.

a. Ngón tay có mắt thứ nhứt :

Những người có ngón tay có mắt thứ nhứt là những người đa nghi, không tin điều gì trước khi xét đoán, thí nghiệm, tìm cho được những bằng cứ chứng minh rõ ràng. Nhưng mâu thuẫn một điều là những người này lại tin những sự huyền bí và lắm khi lại tin dị đoan nữa !

Những người này thích tự do, hay chống đối và có những ý nghĩ, tư tưởng rất tiên bộ.

Họ có nhiều khiếu về môn cơ khí hay về những khoa-học thực nghiệm.

b. Ngón tay có mắt thứ hai :

Những người có ngón tay có mắt thứ hai là những người có óc sắp đặt, có trật tự, rất thực tế trong tư tưởng, trong hành động như trong quan niệm ở đời.

Những nhà lý tài giỏi, những thương gia có tài, những người cần tính toán nhiều là những người có ngón tay có mắt thứ hai.

Nhưng nếu ngón tay có mắt thứ hai lại mập lớn ở lòng giáp lòng bàn tay, thì đó là biểu hiệu tánh ích kỷ, tánh của những người chỉ nghĩ đến mình, lo riêng cho mình.

c. Ngón tay có cả 2 mắt :

Ngón tay có 2 mắt thì không đẹp nhưng người nào có ngón tay như vậy là người có nhiều đức tánh

đáng kể : biết suy xét, thực tế, có trật tự, ưa phân tách, thích toán số.

Trước khi làm điều gì, hay có quyết định nào, người này suy tính rất kỹ và rất lâu, không bao giờ hấp tấp, luôn luôn kiểm soát tư tưởng, tình cảm và hành động của mình.

Nếu 2 mắt quá lớn và ngón tay quá khô khan, thì con người trở nên ích kỷ, ham sai khiến, độc đoán.

D. MÓNG TAY VÀ TÍNH NGƯỜI

Cũng như các phần khác trong bàn tay, móng tay, cũng cho chúng ta biết về tính người.

1.— MÓNG TAY DÀI :

Móng tay dài có thể dài và hẹp, dài và rộng, hay tròn dài.

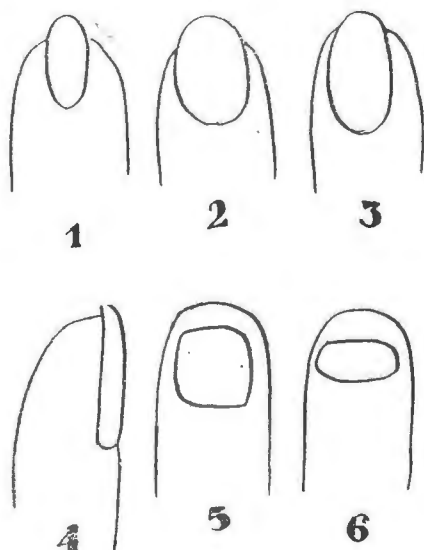
a. Móng tay dài và hẹp (hình 1) :

Móng tay dài và hẹp cho ta biết tính người nhút nhát, nhẹ dạ và dễ tin người vì quá thành thật. Những người thích chuyện huyền bí đều có móng tay dài và hẹp.

b. Móng tay dài và rộng (hình 2) :

Những người có móng tay dài và rộng có tính thực tế hơn. Những người này cũng có lý tưởng cao vậy, nhưng họ nhìn rõ sự thật, hiểu biết thực trạng để hòa mình với hoàn cảnh hầu đạt tới mục đích.

Móng tay dài và rộng cho ta biết người có khỏe mạnh, có sức chịu đựng.



c. Móng tay tròn dài (hình 3) :

Về hình thức, móng tay tròn dài đẹp hơn, có vẻ thẩm mỹ hơn.

Nhưng nó còn cho ta biết người có móng tay như thế tánh dịu hiền, bình tĩnh, dễ thương, biết thương người và thường nuôi lý tưởng cao đẹp.

d. Móng tay dài quá lè (hình 4) :

Con người có móng tay dài quá lè tánh yếu mềm, chậm chạp, không thích hoạt động nhiều.

2.— MÓNG TAY NGẮN :

Nói một cách tổng quát, những người có móng tay ngắn sống động hơn những người có móng tay dài.

a. Móng tay ngắn và vuông (hình 5) :

Người có móng tay ngắn và vuông đầy đủ sức khỏe, say sưa yêu đời, ham học hỏi, tìm tòi để hiểu biết, biết nhận xét và phê bình đúng. Thêm vào đó, còn được tánh tích cực, ngay thẳng, trung thành trong tình bạn, bền chặt trong tình yêu.

Thích trật tự, ưa sắp đặt, người có móng tay ngắn và vuông sẽ là người công-chức hay tư-chức có nhiều đức tánh đáng quý.

b. Móng tay quá ngắn (hình 6) :

Với những người có móng tay quá ngắn, những tánh tốt kể trên đi xa quá mức, trở thành những tánh xấu. Móng tay quá ngắn cho ta biết tính người tọc mạch, vạch lá tìm sâu, xoi mói khó chịu, chỉ trích với ác ý. Ngoài ra, tánh độc tài, ưa phân đối và cãi vã.

c. Móng tay rộng nhiều hơn dài (hình 7) :

Chúng ta phải đề phòng khi gặp những người có móng tay rộng nhiều hơn dài. Họ bản tính dễ hờn dễ giận, hẹp lượng, gắt gao và lắm khi rất hung bạo, kỳ khôi. Người có móng tay như thế có thể mắc bệnh đau tim rất nặng.

3.— MÓNG TAY HÌNH TAM GIÁC :

Móng tay hình chữ V (hình 8) cho ta biết tính người quạ quọ, nóng nảy.

Nếu bạn không dẫn tánh mình được thì chớ nên giao du với những người có móng tay hình tam giác : gặp họ thường khó tránh được sự gây gổ, cãi lầy nảy lửa.

Những người như thế lại có tánh vụt chạt, dễ giận dễ hờn.

Những nghệ sĩ có móng tay ấy là những thiên tài, có óc thẩm mỹ sâu sắc đưa họ đến những thành công, kỳ diệu, những tác phẩm tuyệt vời.

Song chó thẳng thắng phê bình họ : họ không bao giờ nhìn nhận nhược điểm của họ đâu.

Ít khi nào họ có lý tưởng gì cao siêu lắm.

Nếu móng tay bạn hình chữ V và có nhiều sọc thẳng (hình 9) thì hãy tìm thầy thuốc chữa hay ngừa bệnh thần kinh đi.

4.— MÓNG TAY HÌNH THANG :

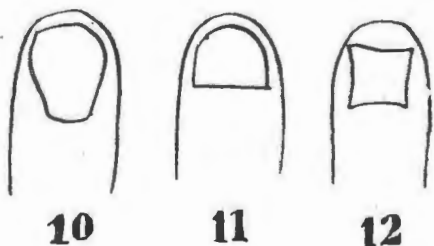
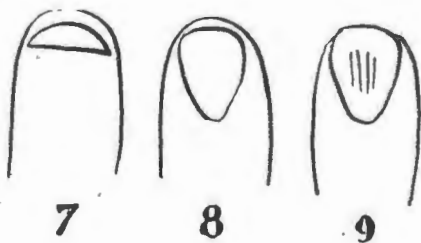
Người có móng tay hình thang cũng có những tánh tương tự như người có móng tay hình tam giác song nhẹ hơn.

Những người có móng tay hình thang giấu tánh nóng nảy, dễ cảm của họ dưới một bề ngoài trầm tĩnh và kiên nhẫn.

Khó mà đoán tâm tánh, ý muốn của những người có móng tay như thế.

Nếu phía ngoài rộng (hình 10) móng tay hình thang cho ta biết con người có móng tay ấy hằng hái chó không phải nóng nảy, dễ cảm xúc chó không quạu quọ, có đủ bảo đảm về mặt luân lý, đạo đức.

Nếu phía trong (móng tay) rộng (hình 11), móng tay ấy cho biết con người có nhiều óc tưởng tượng, thích sống trong mộng, quên cả đời sống thực tế. Vì



thế, những người có móng tay như thế không thực hiện được điều gì thiết thực cả.

5.— MÓNG TAY NẦM SÂU VÀO THỊT

(hình 12 và 13) :

Những người có móng tay nằm sâu vào thịt tánh quạu quọ vô chừng, ưa buồn vợ vắn, nhìn đời với mắt bi-quan.

Nếu đồng thời đồng kim tinh (dưới ngón tay cái) cao và lớn, những người có móng tay như thế tánh ưa thú nhục dục.

Đầu cho họ có nhiều nghị lực (trường hợp có lóng thứ nhứt ngón cái dài), cũng phải đề phòng những người có lúc họ không tự kiềm chế được nữa, để mất thăng bằng.

6.— MÓNG BẰNG, MÓNG CONG :

Thường thường móng tay hơi cong quăn xuống nếu ta ngó ngang ngón tay (hình 14) và cong vòng cung nếu ta ngó ngay đầu ngón tay (hình 15).

Nhưng người có móng cong nhiều, người có móng cong ít.

Người có móng tay bằng quá lẽ (hình 16) là những người thụ động trên phương diện hoạt động như trên phương diện tinh thần. Họ ưa nghe theo lời của người khác dẫn dụ. Tánh lại nhút nhát rụt rè, không dám nhận lãnh một trách nhiệm nào cả.

Có khi những người có móng tay bằng là những người tánh tình khó khăn, rắc rối, ưa ghen tị. Những ai sống gần gũi với họ hay có việc phải giao thiệp với họ, sẽ bức mình với tánh xấu ấy.

Nhưng tánh những người có móng tay cong quăn xuống (hình 17) cũng không tốt gì đó : họ không ưa giao thiệp, không cởi mở, kiêu căng, tham lam.

7.— MÓNG TAY CỨNG,

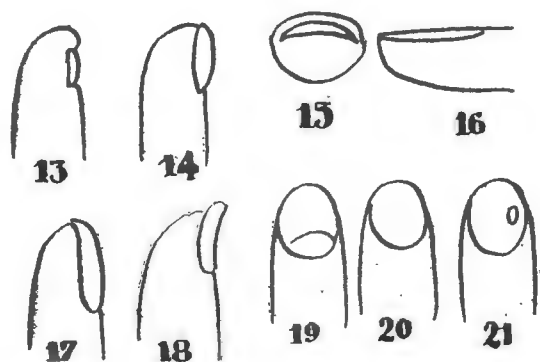
MÓNG TAY MỀM :

Móng tay mềm, nếu dài có thể uốn cong được (hình 18) thuộc những người thiếu nghị lực, thả trôi mặc cho tình cảm lôi cuốn.

Trái lại, những móng tay dòn, dễ gãy thuộc những người nóng nảy, hay hờn giận.

8.— MÀU MÓNG TAY :

Màu móng tay đẹp nhứt là màu hồng đều cả móng tay hồng sẫm hơn màu da. Những người có màu móng tay như thế là những người bền chặt và kiên quyết.



Móng tay màu trắng bệt cho ta biết người bị bệnh, yếu đuối và vì thế mà làm biếng, không thích hoạt động nhiều.

Móng tay màu hồng sậm quá hay đỏ cho ta biết tánh người quá khích và nóng nảy.

Móng tay màu tái nhợt chỉ ta rõ tánh người ganh hiềm ghét ngổ, đa nghi và ưa kiếm chuyện rắc rối. Những người có màu móng tay như thế rất nguy hiểm, ta nên đề phòng họ hãm hại lên lút ta.

9.— MÓNG NON :

Có người có móng tay non (hình 19), có người không có móng non (hình 20).

Không có móng non chỉ là triệu chứng bệnh hoạn mà thôi. Song do đó ta có thể suy luận về tánh tình của con người kém sức khỏe : buồn bực, cầu nhàu, bi quan v. v...

10.— ĐỐM TRẮNG TRÊN MÓNG TAY :

Có người cho rằng đốm trắng trên móng tay là một điềm hên (hình 21)

Nhưng nhà nghiên cứu tìm hiểu tánh người qua hình thức móng tay cho biết những đốm trắng như thế chỉ ta rõ tánh người dễ bị xúc cảm.

11.— MÓNG TAY VÀ NGƯỜI CÔNG-CHỨC :

Như đã nói trên « móng tay ngắn cho ta biết tánh người .. vạch lá tìm sâu, soi bói khó chịu, chỉ trích với ác ý,... tánh độc tài, ưa phản đối và cãi vã. »

Vì thế, nhà tâm lý học khuyên chúng ta nên lưu tâm sử dụng đúng chỗ những người công-chức có móng tay quá ngắn.

Giao cho họ những trách vụ giữ ngân quỹ, thu tiền, kiểm tra, thanh sát, họ sẽ làm tròn nhiệm vụ và sẽ là những công-chức gương mẫu.

Song xin chớ cho họ thường xuyên tiếp xúc với dân chúng : những người đến xin việc sẽ khổ tâm vì họ.

T. Đ.



Ý THU

MỘT mùa Thu đẹp say duyên mới
 Ngâu chët thời xa... xa vắng xa
 Ngân giang lãng bóng nàng tiên-nữ
 May lạnh ngập trời chinh-khí ca

Ý nhạc không rung sâu dương liễu
 Quên buồn ngầy ngật trúc Tiêu-lang
 Ở đây... thét gió ngàn linh-điều
 Nổi sóng giang-son điệu nhạc-vàng

*

HANH vàng đốt cháy mùa Thu cũ
 Em đắm trên cờ mây ý mơ
 Ai ngấm ròn rã vẫn thơ lữ ?
 Tiếng thét diệt thù hay tiếng Thu !

HOÀNG LONG

EM YÊU ANH

(Tiếp theo trang 37)

tìm thấy trong túi áo Hà Phương gói thuốc độc còn lại kia mà.

Phi Thử gạt đầu :

— Phải rồi, chính tại gói thuốc độc còn lại ấy nên Hà Phương mới bị bắt. Nhưng anh có biết tại sao gói thuốc độc ấy lại nằm trong túi Hà Phương không ?

Trong lúc Văn Sơn còn ngỡ ngàng thì Phi Thử đã nói tiếp :

— Chính con Bích Thủy bỏ gói thuốc độc ấy vào đó.

Ngạc nhiên, Văn Sơn hỏi :

— Sao anh biết ?

Phi Thử đáp :

— Khi thầy Lê Hoa ngã ra bất tỉnh tôi rất ngạc nhiên chưa hiểu rõ nguyên do vì sao, thì ngay lúc ấy, lúc mọi người đang lộn xộn vây quanh Lê Hoa tôi bỗng thấy thằng Minh trao cho Bích Thủy một gói gì và lấy mắt ra dầu Bích Thủy lẹ làng nhét vội vào túi áo của Hà Phương đang treo trên ghế. Đền chừng thầy thằng Minh chụp áo Hà Phương vặn hỏi, tôi mới hiểu ra cơ sự là chúng nó đã lanh trí lợi dụng cơ hội để giết Lê Hoa, rồi sau đó lại vu tội cho Hà Phương bằng cách nhét gói thuốc còn lại vào túi anh chàng này,

Văn Sơn hết sức ngạc nhiên khi nghe Phi Thử. Chàng chưa kịp nói gì thì Phi Thử lại tiếp hỏi chàng :

— Anh có nhớ lúc Lê Hoa đòi uống coca-cola không ?

Văn Sơn gạt đầu ;

— Nhớ, nhưng sao ?

Phi Thử đáp :

— Đây, chính lúc đó, nếu anh còn nhớ anh sẽ hiểu ra ngay. Lúc thằng Minh quay qua quay lại để tìm bối bàn gọi thức uống cho Bích Thủy và cho vợ hắn, chính là lúc nó đã lanh trí lợi dụng không ai chú ý đến, nó đã lẹ tay bỏ thuốc độc vào ly nước cam của nó đang cầm trên tay để rồi ngay sau đó, nó đưa cho vợ nó uống.

Văn Sơn chận lời Phi Thử và hỏi với vẻ tức tởm :

— Thề sao lúc đó anh không lật tẩy nó ra còn đợi gì nữa ? Anh đợi gì nữa ? Anh đợi Lê Hoa chết rồi anh mới nói cho tôi nghe, ích gì !

Phi Thử vừa lắc đầu mỉm cười, vừa nói :

— Anh nghe lầm rồi. Tôi có nói với anh tôi thấy nó bỏ thuốc độc vào ly nước cam nó bao giờ đâu. Chuyện đó tôi chỉ đoán ra được khi thầy nó cầm ly vợ nó vừa uống, lắc qua lắc lại xem, thầy có chắt bột còn đọng lại đáy ly đấy chứ. Lúc ấy thì mọi việc đã trở rồi. Nghĩ ra cũng tội nghiệp cho Lê Hoa thật !

Nói đến đây, Phi Thử thở dài. Chàng đứng dậy gạt thuốc vào lọ đựng tàn, rồi bảo Văn Sơn :

— Thôi, trưa rồi, mình xuống Cảnh Sát cuộc đi là vừa.

Văn Sơn hỏi :

— Thề bây giờ anh định xuống đó thuật lại những gì anh thấy cho cảnh sát họ biết để gỡ tội cho Hà Phương phải không ?

Phi Thử rùng vai :

— Lẽ dĩ nhiên phải thề !

Văn Sơn đứng lên, trao bức điện tín đang cầm trả lại cho Phi Thử, và mỉm cười :

— Thề lán này anh không giấu chuyện Bích Thủy về bức điện tín này và việc nàng lén nhét gói thuốc độc vào túi áo Hà Phương, để tha nàng như đã tha người đẹp Kiều Liên trong hai vụ trước à ? (1)

Phi Thử cầm bức điện tín Văn Sơn vừa trao lại. Chàng mở ra lầm nhảm đọc :

« Xuống ngay. Dặn phòng rồi. Sờ 13 ».

Em yêu anh

Rối chàng phớt tỉnh :

— Hừ, em yêu anh ! Yêu anh mà yêu kiểu sát nhân này tha sao được cha !

ANH - ĐĂNG

Kỳ sau : Sẽ đăng *PHÒNG 99... TÒ CAO*. Bạn đọc sẽ thấy thích thú với tài « điều tra » của nhà thám tử tư rất quen biết của chúng ta là... Phi Thử.

(1) Xin mời xem 2 truyện ngắn cùng một tác giả đã đăng trước đây : « Phi Thử xuất hiện » và « Đùng đùng với Phi Thử ».

HÀNG LÝ-HẢI

Thủ Thác Hàng Hải
Vận Tải Hàng Hóa

52, Đoàn - Nhữ - Hải — Saigon

Đ. T. 302 Saigon

GIÁN-ĐIỆP VÀ PHẢN BỘI

(tiếp theo)

trong THỂ CHIẾN II

động tại Pháp (Tên Eberhard Von Stohrer này cũng được đề cử giữ chức Đại sứ Đức ở Tây-ban-nha trong thế chiến thứ II).

Canaris chính thức là tùy viên quân sự của Đức tại Tây-ban-nha, nhưng nhiệm vụ chính của ông là tổ chức các căn cứ cho tàu ngầm Đức dọc theo duyên hải Tây-ban-nha và điều khiển các tổ chức gián điệp tại các hải cảng chống lại sự lưu thông của các loại tàu Đồng Minh hay đặt nhân viên của mình trong Triều đình Tây-ban-nha hầu chống lại ảnh hưởng của các nước Đồng Minh.

Ngoài ra, Canaris còn có nhiệm vụ đưa gián điệp Đức vào đất Pháp vượt qua dãy núi Pyrénées. Chính nơi đây bắt đầu cuộc đời gián điệp của Mata-Hari. Nàng đáp tàu Hòa Lan sang Pháp và được đưa vào trình diễn khiêu vũ tại vũ trường Moulin Rouge tại Ba-Lê và trở thành một nữ gián điệp quan trọng của tổ chức gián điệp Canaris. Với sắc đẹp và tài nghệ của mình, Mata-Hari đã chinh phục được thành phố Ba Lê và nhất là các vị sĩ quan cao cấp của Hải và Lục quân Pháp.

Lúc đầu Mata-Hari tỏ ý chống lại mệnh lệnh của Canaris. Canaris đã đến Pháp thăm nàng, hứa hẹn mọi thứ, ca tụng nàng và thề sẽ lo thực hiện lời hứa cưới nàng. Mata-Hari trở thành hoa khôi khiêu vũ ở Âu Châu, đồng thời các dự tính của Canaris cũng trở thành sự thật. Mata-Hari làm sôi nổi thành phố Ba Lê. Nhiều kẻ ăn chơi trác táng bậc nhất cũng van xin tình yêu của nàng. Tiền bạc ra vào như nước và Mata-Hari lại thích tiền. Nàng mua được một biệt thự nhỏ gần vườn Boulogne và nơi đây mỗi chiều chủ nhật nàng mở rộng cửa tiếp khách. Trong số khách sang trọng giao du với nàng lẽ dĩ nhiên có các nhân vật của Bộ Tham mưu Pháp.

Trong lúc ấy tại Tây-ban-nha, Canaris hầu như quên nàng, ít thư từ cho nàng vì nhiệm vụ của ông không cho phép ông có thì giờ nghĩ đến tình cảm vụn vặt. Và lại đối với ông, Mata-Hari không phải là người Đức, ông không thể cưới nàng làm vợ được, nàng chỉ là nữ gián điệp số hiệu H.21 không hơn không kém. Với tư cách này, Mata-Hari đã thu phục được nhiều kết quả. Nàng bắt được tin tức về các cuộc điều động binh sĩ, các kế hoạch tấn công đang được nghiên cứu, các họa đồ phòng thủ. Nàng sang Hòa Lan nhiều lần và nơi đây, nàng trao các tin tức cùng tài liệu đánh cắp được tại Pháp cho các Sĩ quan Đức.

Năm 1917, gián điệp H.21 sang thành phố Cologne ở Đức qua ngã Hòa Lan. Người ta đã tổ chức một cuộc gặp gỡ giữa nàng và một Sĩ quan cao cấp Bộ Tổng Tham Mưu Đức tại nhà hát lớn. Nàng đã thông báo cho vị Sĩ quan này nhiều cuộc điều động quan trọng binh sĩ từ Anh quốc sang nước Pháp và cho biết nhiều chi tiết về phòng tuyến của Đồng Minh. Cuộc tiếp xúc này, do một sự tình cờ, đã được một nhân viên mật vụ Pháp nhận thấy.

Thi hành xong nhiệm vụ, Mata-Hari xuống tàu trở về Pháp không có vẻ gì lo ngại. Tàu này sẽ đến Pháp qua ngõ Đan Mạch và Anh Quốc. Khi vừa sắp bước chân lên nước Anh, thỉnh linh có một nhân viên thương chánh người Anh đến gần nàng và nói sẽ với nàng : « Nàng không nên đặt chân lên đất Pháp, cứ ở trên tàu này luôn đi và nó sẽ chạy sang Tây Ban Nha ».

Mata-Hari liền hiểu ngay là mình đã bị khám phá ra rồi nhưng rất may là lúc đó nàng đang ở trên tàu của một nước trung lập, nàng liền quyết định sang Tây-ban-nha. Những cuộc đi lại không mục đích rõ rệt của nàng làm cho cơ quan mật vụ Anh và Pháp để ý và người ta đã theo dõi nàng từ mấy tháng trước. Sự tình cờ nhận thấy nàng đang tiếp xúc với Sĩ quan Đức tại nhà hát ở Cologne của nhân viên mật vụ Pháp đủ làm cho nàng lâm nguy. Nhưng nhờ cơ quan phản gián của Đức đã khám phá kịp thời và viên Sĩ quan thương chính đã khuyên nàng không nên trở lại đất Pháp chính là một gián điệp của Đức.

Tới được Tây-ban-nha nàng liền đến Tòa Đại-sứ Đức tìm gặp Walter W. Canaris, người mà nàng vẫn còn yêu. Canaris tiếp nàng một cách lạnh nhạt, cho rằng nàng cần phải có mặt tại Pháp vì ở Tây-ban-nha nàng sẽ vô dụng. Nàng muốn phân trần cùng người yêu sự nguy hiểm đã xảy ra, nhưng Canaris ngắt lời nàng bằng một cuộc cãi vã về các liên lạc ái tình của nàng tại đất Pháp.

Nhưng rồi cặp nhân tình này vẫn thu xếp và hòa thuận nhau chung sống trong một tuần. Một tuần trăng mật chấm dứt bằng một nhiệm vụ mới mà Canaris trao cho nàng. Canaris ra vẻ luyến tiếc nàng nhưng nhiệm vụ nàng cần thiết cho quốc gia và công tác của nàng vô cùng quan trọng. Nàng cần phải trở lại đất Pháp bằng mọi cách, nàng đau đớn từ giả Canaris, vì nàng biết rằng nàng sẽ không còn thấy mặt người yêu nữa. Nàng cảm thấy sự nguy hiểm

sẽ xảy đến cho tánh mạng nàng, nhưng không có lối nào thoát. Một gián điệp Đức không thể đào ngũ, nhất là trong thời chiến. Sự nguy hiểm đã xảy ra. Nàng bị bắt tại đất Pháp và được đưa ra xử ở tòa án binh, nàng bị xử bắn vào cuối năm 1917. Nhưng sự thật không phải người Pháp xử nàng, chính Canaris đã gián tiếp xử nàng bằng cách giao cho nàng nhiệm vụ trở lại đất Pháp, nhiệm vụ cuối cùng. Canaris dùng mật mã đã bị Phòng Nhì của Pháp khám phá được để thông báo cho các tay gián điệp Đức tại Hòa Lan tìm liên lạc với Mata-Hari, do đấy mà Mata-Hari bị Pháp bắt.



CUỘC cách mạng tại Đức bùng nổ. Hoàng đế Guillaume II thoái vị và trốn ra ngoại quốc, các tướng lãnh vẫn ở lại trong nước. Nhiều sĩ quan có tài bị loại ra khỏi quân đội. Chiến tranh chấm dứt với sự thất bại của nước Đức. Canaris với cấp bậc Thiếu Tá không có một địa vị gì quan trọng. Trong những năm khó khăn sau đó, người ta khó biết được ông đã làm những gì mà khi ẩn khi hiện. Nhưng người ta cũng được biết đại khái là ông đang tích cực hoạt động tổ chức một cuộc phản cách mạng chống chế độ Cộng Hòa Weimar của Đức quốc. Ông giấu diếm võ khí đủ loại đang được Ủy ban kiểm soát Đồng Minh tìm kiếm, tổ chức các đội quân tình nguyện để lật đổ chế độ Cộng Hòa Đức bằng võ



Hoàng đế Guillaume II và Hindenburg

lực. Canaris chuẩn bị nhiều âm mưu lật đổ chính phủ, ông đã hợp tác với Hitler trong cuộc mưu toan đảo chánh tại một tiệm bia năm 1923 tại Munich và nếu âm mưu này thành công, Canaris sẽ trở thành chúa tể của miền Bắc duyên hải nước Đức.

Vào khoảng năm 1926, Walter Canaris với cấp bậc sĩ quan hải quân Đức (hải quân hữu danh vô thực) thỉnh linh biến mất. Vài người thức thời cho rằng một người như Canaris không thể mất tích một cách khó hiểu như vậy được. Lúc ấy, trong bóng tối, Canaris vẫn bền chí làm việc, một tấm biển đề « Sở chuyên chở hàng hải », tấm biển này không có nghĩa gì cả và dưới hình thức ký dị này, Canaris làm việc cho cơ quan mật vụ hải quân để chuẩn bị ngày « đại cuộc ».

Năm 1927, vô tình mà Canaris lại được dư luận chú ý và nói đến. Một hãng phim trong số các hãng phim lớn của Đức, hãng « PHOEBUS », lâm vào tình trạng phá sản. Hãng này đã sản xuất nhiều phim tuyên truyền sức mạnh và uy thế của lực lượng hải quân tưởng tượng của nước Đức. Đó là những cuốn phim chỉ có tính cách tuyên truyền cho hải quân và ngành thương thuyền Đức quốc. Thủ tục thanh toán tài-phản Công ty Phim ảnh này đã chứng tỏ sự nhún tay của Canaris vào tình hình tài chánh của Công ty. Dư luận dân chúng Đức muốn biết Canaris đã đào đâu ra tiền để đầu tư trong công ty « Phoebus », bởi ai cũng biết việc thực hiện tốn kém vào khoảng 7 triệu mác (Mark : đơn vị tiền tệ Đức) nghĩa là lối 3 triệu đô-la. Canaris trả lời rằng đó là « Quỹ bí mật ». Cuộc điều tra cũng như sự can thiệp của Pháp-viện về vụ này không được tiến hành, vì nếu tiến thêm bước nữa sẽ bị xem là xâm phạm an ninh quốc phòng. Người ta không đòi hỏi biết thêm nữa và lý do an ninh quốc phòng đủ để các quan Tòa hồi ấy của Đức xếp hồ sơ phá sản của hãng phim « Phoebus ». Các chủ hãng và những nhân viên có trách nhiệm chẳng những không bị trừng phạt mà cũng không bị truy tố.

Dù sao cũng vẫn là một vụ quan trọng làm xôn xao dư luận, quan trọng đến mức Canaris phải bị bắt buộc trốn tránh một thời gian sang Tây-ban-nha. Tại đây ông tham gia hoạt động các công tác tái vũ trang nước Đức. Ông kiểm soát việc đóng tàu ngầm trong công xưởng hải quân Echeveria của Tây-ban-nha. Công tác đóng tàu ngầm của Đức đã xâm phạm trắng trợn vào Hòa-ước Versailles cấm không cho Đức được có tàu ngầm.

Tại Tây-ban-nha, Canaris là thượng khách của tên Juan March, một ông vua buôn lậu võ khí đạn dược của nước này. Họ đã thảo luận với nhau về việc bán buôn võ khí cho nước Đức để trang bị quân đội Đức cũng như vấn đề thiết lập các kho võ khí tại Tây-ban-nha để tiếp tế cho Đức sau này. Sự liên lạc giữa Canaris và Juan March lại tỏ ra rất cần thiết cho cuộc nội chiến Tây-ban-nha. Người ta còn nhớ có một thời gian Đức không trắng trợn giúp đỡ Franco, lãnh tụ cách mạng Tây-ban-nha, chỉ vì lý do Hitler đã nắm được các vị trí nòng cốt tại nước này.

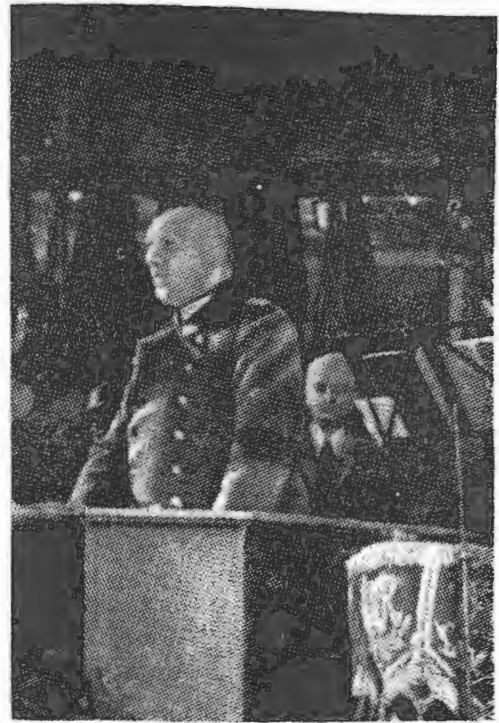
Gác phúc trình của Canaris gửi từ Tây-ban-nha về vô cùng quý giá đối với cơ quan mật vụ hải quân Đức. Ông đã tổ chức cơ cấu gián điệp chống các nước Anh, Ý; tổ chức này có một tầm quan trọng vô giá đối với Đức.

Năm 1929, thượng cấp cũ của ông là Franz Von Papen giới thiệu ông cùng Hermann Goering. Hai người, Goering và Canaris, có nhiều tính tình giống nhau, hai người cùng là cựu sĩ quan Phò và do đấy không mấy lúc đã thân nhau. Hai người cũng đã cùng nhau tham gia tích cực vào vụ âm mưu đảo chánh ở Munich nhưng lúc ấy họ không có cái may được gặp nhau. Canaris đã cho Goering biết có nhiều khả năng thông báo tin tức của cơ quan mật vụ quân đội dân chủ Đức cho phong trào chánh trị do Hitler cầm đầu. Goering nhận lời, và nhận thấy Canaris là người cần thiết để chỉ huy tổ chức gián điệp cho đảng Quốc xã đang trong thời kỳ bành trướng. Cũng theo nhận xét của Goering, Canaris đã tỏ ra một học trò giỏi của Đại Tá Walter Nicolaï người chỉ huy mật vụ Đức trong đệ I thế chiến. Canaris lại có liên lạc với hải quân, thêm vào đó những tin tức do Canaris thấu lượm được có thể bán cho nhiều nước khác gây thêm tài chánh cho Đảng, nhất là đối với nước Ý phát xít.

Như trên, ta nhận thấy rằng sự phục vụ của Canaris cho đảng Hitler là do mối liên lạc tình cảm cá nhân giữa ông với Goering. Hitler đã đòi hỏi danh sách tất cả Sĩ quan Đức với các chi tiết về xu hướng chính trị, tình trạng tài chánh và tinh thần của họ. Người ta cũng biết rõ rằng chính Canaris và Von Papen là những kẻ đã âm mưu trong vụ loại Thủ tướng Kurt Von Schleicher để ghé này lọt vào tay Hitler. Âm mưu này thành công do sự đánh cắp



Hermann Goering



Kurt Von Schleicher (bên trái)

được một tài liệu quan trọng trong văn phòng của Schleicher mà Canaris là người tổ chức. Trường hợp xảy ra như sau đây :

Trong lúc Schleicher đang mỉm cười kín đáo với ý định đem ra thi hành một sắc luật chấm dứt mọi trợ cấp cho các cựu sĩ quan quân đội Đế quốc Đức, và đem nhiều đất rộng lớn ở miền Đông Phò ra chia cắt thành những mảnh nhỏ cho nông dân, Schleicher nghĩ đến giải quyết dễ dàng vấn đề thất nghiệp đang đe dọa nước Đức với biện pháp này. Nhưng ông vẫn biết giờ cho thi hành biện pháp ấy chưa đến vì các lực lượng phản động trong nước còn mạnh. Rất có thể là Schleicher cho rằng chưa vội đem ra áp dụng một cuộc cải cách sâu rộng như thế nhưng tình hình kinh tế trong nước quá khàn trương đã thúc đẩy ông chọn con đường ấy.

Đến lúc Canaris cho đánh cắp được tài liệu liên quan đến cuộc cải cách này, ông liền trình cho Hitler. Một tấm ảnh của tài liệu được đưa đến Tổng Thống Hindenbourg đồng thời với một tối hậu thư của Hitler tố cáo Hindenbourg đã thông đồng và che chở cho bọn Bôn-sơ-vít (cộng sản) trong Chính phủ của ông. Hitler còn dọa sẽ thúc đẩy các kỹ nghệ gia và các địa chủ trong nước nổi dậy lật đổ chính quyền Tổng Thống Hindenbourg. Vì vụng về và quá lo sợ mang tai tiếng, và nhất là muốn bênh vực các cựu sĩ quan đồng ngũ của ông trong thời kỳ chiến tranh, nên ông đã bãi chức Thủ Tướng Schleicher. Cơ hội ngàn năm một thuở để Hitler lên nắm quyền Thủ Tướng và trở thành Quốc Trưởng. Thế giới đã có người khơi ngòi chiến tranh, và riêng Walter Withelm Canaris, có cơ hội thi hành các thủ đoạn của mình với chức vụ chỉ huy cơ quan gián điệp.

N. T. H.

(còn tiếp)

F. B. I.

II. — VIỆC C.A.L.B.

(Tiếp theo)

K. K. K.

MỪNG 4 tháng 3 năm 1921, Warren G. Harding, bảnh trai, hay gât gông cái kính nhưng rất thân thiện, lên làm Tổng Thống Hoa Kỳ, vị Tổng Thống thứ 9. Lập quân thần, ông mời các cố hữu ở Ohio, biết nhau từ khi bước chân vào đời chánh trị với tư cách chủ bút một tờ nhật báo địa phương. Bằng hữu và bạn cử tri đều giúp đỡ ông trong các cuộc vận động tuyển cử để sau cùng dẫn lối ông đi tới tận Tòa Bạch Ốc.

Ông Harry M. Daugherty, bạn già của Harding, được Tổng-Thống chỉ định làm Chương lý. Chẳng ai lấy làm ngạc nhiên về điều này cả. Nhưng 3 năm sau mới là lắm chuyện ngạc nhiên ! Những sự ngạc nhiên gần như làm sụp đổ Sở Công-an, và làm cho Hoa kỳ giảm lòng tin tưởng vào một số các nhà chức trọng quyền cao.

Trước khi ông Harding tựu chức, những công chức Bộ Tư-pháp chơi đoán thử với nhau, như cựu lệ mỗi khi thay đổi Tổng Thống, xem những ai là người sẽ rụng phen này. Trong 8 năm, nhóm Dân chủ nắm quyền Hành chánh Liên bang. Bây giờ đến lượt nhóm Cộng-Hòa.

Trong cái không khí hoang mang đó, William J. Flynn cố gắng củng cố tương lai, trong địa vị giám đốc Cảnh-sát Công-an. Vì vậy mà ông Daugherty nhận được rất nhiều thơ tán dương ca tụng Flynn, thỉnh cầu giữ Flynn tại chức vụ cũ. Những thơ đó không phải riêng của những nghị sĩ Quốc hội, mà lại còn của 4 quan tòa ở tòa án Liên Bang nữa.

Flynn lo sợ cho địa vị mình cũng có lý lắm. Có tin đồn rằng Vị giám đốc Công-an tương lai sẽ là tay thám tử quốc tế cừ khôi William J. Burns. Người ta trông thấy ông Burns, đi cùng với Daugherty và nhiều nhân vật khác, được tiếp rước tại tòa Bạch Ốc. Sinh trưởng ở Ohio, Burns là bạn đễ chòm của Daugherty, và nay làm « giám đốc Sở Mật thám tư Quốc tế » nên đã được tiếng tăm vững vàng lắm.

Khách hàng của Burns lại nhiệt liệt ủng hộ. Vị phó chủ tịch một ngân hàng ở Chicago có viết thư đến Tòa Bạch-Ốc nói rằng « loại người như Burns ở Hoa Kỳ hiện thời chẳng có ai được các giới ngân hàng ủng hộ bằng ông William J. Burns cả ».

Thiên hạ rồi lại còn đồn rằng Burns sẽ có một vai trò đại quan trọng trong tân chánh phủ. Chẳng những Burns sẽ được bổ dụng giám đốc Cảnh-sát Công-an mà thôi, mà ông lại sẽ còn có quyền hành trên tất cả mọi cơ quan tình báo mật vụ hay Công-an của Chánh-phủ Liên Bang nữa. Tờ Chicago Banker có viết :

« Tin đồn Tổng Thống Harding sắp bổ dụng ông William J. Burns làm « Tổng chỉ huy » các lực lượng Cảnh-sát và Công-an mật vụ của chánh phủ khiến cho cả hàng phố Pennsylvania hoan hỉ (Phố này rất lớn, đi từ nhà Quốc hội thẳng tới tòa Bạch-Ốc, ý muốn nói những người cao cấp lãnh đạo chánh phủ). Ông Chương lý Daugherty, — đã biết Burns từ lâu lắm và cũng đã đôi ba phen nhờ đến tài chuyên môn của tay thám tử này, — là người đứng bảo đảm cho Burns. Nhiều hãng kỹ nghệ to lớn, những hãng mà nguồn lợi đều do một vài ngân hàng ở Nữ-Ước kiểm soát, cũng ủng hộ Burns..., nghiệp đoàn thì không hưởng ứng, còn ai không phải nghiệp đoàn đều đứng về phe Burns cả. »

Những nghiệp đoàn đích thực là cừ địch, đại cừ địch của Burns. « Hội đồng trung ương nghiệp đoàn » miền Nữ-Ước viết thư cho ông Harding giục già ông phải kiếm ngay cho chức vụ đó một người đứng có những « bàn tay ô ứ ». Một tờ báo Gia-Nã-Đại có

CÔNG-AN

LIÊN-ĐẠNG

**H
O
A
K
Y**

★ Nguyễn-văn-Hội dịch DON WHITEHEAD

viết một bài buộc tội chi nhánh mật vụ của Burns ở Gia-Nã-Đại đã gửi thư cho các chủ xí nghiệp, để đút tiền cho họ, cốt để nhét một hai nhân viên vào các xưởng, các ủy ban nghiệp đoàn, mục đích lấy tin xem « vào lúc nào, ở chỗ nào, và làm thế nào » thì những cuộc đấu tranh xã hội sẽ bùng nổ. Những nhân viên do thám đó cũng bị buộc tội chính họ đã đứng lên làm đầu sỏ xúi giục thợ thuyền.

Một lá thư gửi cho Tổng Thống nhắc lại câu chuyện xấu xa đã xảy ra vào năm 1912, khi ông George Wickersham đã buộc tội Burns và đồng đảng lập một hội đồng chỉ gồm riêng những người phe mình nhận lệnh cứ kết án bừa bãi tất cả mọi trường hợp. Báo cáo của ông Wickersham cũng được đính theo thư này. Có lẽ Tổng Thống Harding chẳng bao giờ thấy được tài liệu đó, giống như bao nhiêu bản kháng nghị tương tự khác, đều bị tay bí thư của Tổng Thống chuyển thẳng sang ông Daugherty bên Bộ Tư pháp.

Những sự vận động ấy đều vô hiệu quả. Ngày 18 tháng 8, ông Daugherty gửi cho Flynn một công điện lời lẽ thực tàn nhẫn cắt chức Flynn. Cùng ngày, Burns nhận được giấy bổ dụng và Burns đánh điện như sau cho Daugherty : « Tôi không còn biết dùng lời lẽ nào để tỏ bày cùng ông mối cảm xúc của tôi trước lòng tin cậy của ông đã nâng tôi lên địa vị đó... » Còn Flynn thì cực lực phản kháng sự cắt chức vô lý do này .

Trong thời gian ông Daugherty cải tổ Bộ tư pháp, J. Edgar Hoover mới có 26 tuổi, giữ nhiệm vụ phụ tá đặc biệt cho ông Chương lý, và được cử chức Phó Giám đốc Văn phòng Suru tầm (Sở Công an) vào ngày 22 tháng tám năm 1921, niên bổng 4000 đô la.

Văn khố Sở Công an chứng tỏ ảnh hưởng đảng phái dưới thời Harding lúc đó ra sao. Một tập ký ức gửi cho Burns, hình như của một Thượng nghị sĩ, ghi tên họ rành mạch tất cả nhân viên Công an cùng nhóm đảng phái chánh trị. Tên những người Cộng Hòa thì không có phê bình chú thích gì cả, còn tên của nhóm Dân chủ thì đều có ghi theo sau, chẳng hạn như: Con rể một thượng nghị sĩ

Dân chủ.» «vẫn giữ liên lạc mật thiết với Đảng Dân chủ», được ngồi độ do nghị sĩ X... nói năng giùm », « Dân chủ tranh đấu », « bị đổi đi cách đây hai năm, nay lại được về chỗ cũ hình như nhờ nghị sĩ Y...»

Ấy là lúc nhà thám tử trứ danh Gaston B. Means vào tuồng. Means được bổ dụng vô Công an do đề nghị của Burns, ngày 28 tháng 10 năm 1921. Means vội vã tỏ ra mình là bõ bịch nữa.

Nhưng Means và Hoover chẳng mấy lúc lại xung đột nhau. Hoover xin ông Burns cấm Means không được lai vãng tới văn phòng mình, vì Hoover không chịu được đời sống hoang tàng và vô hạnh của Means. Một nơi mà Means thường lui tới nhất là nhà một người khá bí mật có tên rất thường là Jess Smith. Means và Smith tỏ vẻ hợp nhau và hiểu nhau lắm. Means biết rằng Smith chẳng phải là hạng như ai ».

Jess Smith là bạn thân của Harry Daugherty, và ăn ở tại nhà Daugherty (Wardman Park Hotel). Dầu rằng chẳng giữ một nhiệm vụ chánh thức nào, nhưng lại có tin đồn ở Hoa Thịnh-đốn rằng Jess Smith là tay có ảnh hưởng trong các giới chánh trị tối cao. Thiên hạ biết rằng Smith là bạn riêng của Tổng Thống Harding và phu nhân và vẫn thường là khách, thượng khách, tại toà Bạch ốc mỗi khi có hội họp thân mật. Được ngồi trong bộ Tư pháp, Smith gửi thơ và nhận thơ rất nhiều, thơ tư và thơ bán tư. Smith thường giao cho Means mật điều tra về những người và những việc liên hệ nhiều đến Daugherty.

Sau này, tờ New York Sun nói về Means như đây : «Từ lâu nay, Means luôn luôn được báo chí nói tới... Năm 1916, hắn ăn lương Đức Quốc để xâm hại nền thương mại Anh... Năm 1917, hắn bị kết tội hạ sát một goá phụ rất giàu, Bà Mande A.King, bằng một phát súng sáu trong khi cùng... Means lưu trú tại vùng Bắc Caroline. Means được tha bổng nhưng chẳng bao lâu lại bị truy tố trước một tòa án khác vì tội giả tạo một chúc thư để hưởng hết cả tài sản của Bà King để lại cho y. Thế mà bây giờ... con người ấy chễm chệ ngồi trong Bộ Tư pháp với tư cách một thám tử...»

Trong nhiều năm, Means kịch liệt chống lại bọn gián điệp, lừa đảo, côn đồ quốc tế đã liên minh — theo lời Means để cản trở những ý định thành thực của Means. Means cũng đã thấu hỏi được rất nhiều thùng đầy âm ập tài liệu tối quan hệ cho Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ; nhưng những tài liệu ấy lại bị gián điệp ngoại quốc lấy trộm mất chỉ ít lâu trước khi đem giao cho Đệ nhị phòng. Những

thùng tài liệu, lúc gửi đi cân nặng bao nhiêu thì lúc nhận được cũng cân nặng bấy nhiêu, thế mà nói rằng tài liệu bị mất cắp thì câu chuyện của Means đưa ra tin làm sao được! Vì vậy, hắn không nhận được lá thơ giới thiệu của quân đội Hoa Kỳ như hắn đã hi vọng.

Nhưng ông Burns lại cứ khẳng khẳng bào chữa cho người bạn già của mình!

Những câu chuyện rắc rối về Means càng ngày lại càng nhiều, Daugherty và Burns phải dùng đến mưu kế. Ngày 9 tháng 2 năm 1922, ông Chương lý bèn ra lệnh ngưng chức Means cho đến khi có lệnh mới. Tiếp đó, Burns cho Means ký tên lãnh lương Công an trong hạng chỉ điểm. Và Means có thể vẫn tiếp tục hoạt động.

Hoa Kỳ lúc đó đương qua một cuộc khủng hoảng trầm trọng, sinh ra bởi những khó khăn hậu chiến. Hàng triệu người thất nghiệp lang thang ngoài phố. Trong vài tháng sau, khẩu hiệu «Trở lại bình thường» của Harding tung ra khi vận động tuyển cử bị đem ra chế diễu. Báo «Quốc gia» chua cay trách Tổng Thống Harding về công việc lập pháp của ông và về chánh sách tăng thuế thương chính của ông : « Ông chỉ mới bắt đầu khám phá ra sự cố nhiên, kỳ khu và chậm chạp... hiểu biết rằng chẳng thể nào đi ngược lại thời gian... hay trở lại theo những phương pháp của Mc Kimley, coi như chẳng có sự gì đã xảy ra ở Hoa Kỳ từ năm 1896 cả... »

Trên trận tuyến lao động, những cuộc đấu tranh ngấm ngầm đã từ nhiều tháng nay đe dọa khu chuyên chở bằng thiết lộ. « Nhân công thiết lộ văn phòng » của Chánh phủ năm 1921 đã ra lệnh sụt lương 12 phần 100 toàn thể nhân viên hỏa xa, và đã phải cam kết rằng ít nhất trong một thời gian nào đó nữa sẽ không sụt thêm lương, để tránh được một cuộc đình công đáng lẽ xảy ra rồi.

Nhưng số thu cứ hạ dần, vậy thì cần lại phải sụt lương nữa! Ngày 6 tháng 6 năm 1922, Văn phòng thông cáo lương nhân viên hạng tu bổ sẽ lại sụt 12 phần 100 nữa. Ngày 1 tháng 7, 400 ngàn công nhân chuyên tu bổ đã đình công. Nhưng « Tư đại » (nghịệp đoàn nhân viên lưu động) không tham dự cuộc đình công này.

Nha giám đốc hỏa xa quyết định những người đình công thì mất hết thâm niên. Tổng Thống Harding đứng ra làm trung gian để chấm dứt đình công, nhưng những sự cố gắng của ông đều vô hiệu quả vì không bảo đảm được cho quyền lợi thâm niên. Vấn đề này kết cục làm mờ mắt mọi người đến nỗi quên hẳn cả mục đích sơ khởi của cuộc đình công là tranh đấu không sụt lương

Bạo động cứ tăng gia. Thợ đi làm bị thợ đình công ngược đãi, thợ đình công lại bị phu gác đường sắt đã trở lại. Có lắm người chết. Lắm cầu bị nổ mìn. Nhiều tay phá hoại đầu máy. Sự chuyên chở bằng hỏa xa bị ngừng trệ và người ta lo sợ nền kinh tế quốc gia bị bóp nghẹt.

Ngày 20 tháng 7, Burns gửi cho nhơn viên Công-an thông điện sau :

« Bộ Tư pháp cho biết tại nhiều khu vực có rối loạn trầm trọng vì chức quyền Tiểu bang và Địa phương bất lực trong việc áp dụng luật lệ hoặc chối từ không chịu áp dụng. Tại những địa phương mà những vị Quận trưởng cùng các phụ tá bị khó dễ vì rối loạn đó, ông Chương lý buộc nhơn viên Công an phụ lực công tác cốt sao cho hàng hóa và công văn được chuyên chở như thường lệ. Nhơn viên toàn quyền xét đoán để thi hành lệnh này ».

Ông Chương lý cũng nhận được đơn phản kháng cả quyết rằng có nhiều ông phụ tá của các vị Quận trưởng lạm dụng đóng cả vai trò đưa mỗi người làm, và tuyển những kẻ phá đình công giùm cho công ty Hỏa xa Chicago — Milwaukce Saint Paul. Ông Daugherty bèn bảo Burns mở cuộc mật điều tra và phúc trình kết quả.

Tổng Thống Harding họp hội nghị và quyết định ra một phán nghị chống người đình công. Ngày đầu tháng 9, Daugherty nhận được của tòa án Liên Bang hạt Chicago một phán nghị mà người ta phải kêu là « cương quyết nhất chưa bao giờ có cả ». Ông chương lý tuyên bố sẽ kêu gọi quyền hành của chánh phủ Liên bang để ngăn cấm các nghiệp đoàn thợ thuyền xâm phạm sự tự do của Lao động.

Theo phán nghị mà ông Daugherty nhận được, bất cứ hành động hay ngôn ngữ nào, có tính cách cản trở sự vận tải hỏa xa, có thể bị kết tội xâm phạm luật pháp.

Chỉ do có một phán nghị của nội các Harding do ông Chương lý đem thi hành, mà sở Công an phải dính líu đến vụ rắc rối hỏa xa cùng cả những vị Quận trưởng, những ông Biện lý và tất cả guồng máy của chánh phủ Liên bang có nhiệm vụ áp dụng luật pháp.

May thay, đình công được 2 tháng thì những lãnh tụ nghiệp đoàn và một số lớn đại diện chủ nhân đi tới được một thỏa ước. Thợ thuyền vẫn giữ quyền thâm niên, như thể nghiệp đoàn rất thỏa mãn vì đã thắng lợi về nguyên tắc. Nhưng công xá thì vẫn chẳng được

lên chút nào. Tại nhiều Hạt hỏa xa, đình công còn kéo dài cả năm trường. Đến khi bản phán nghị tạm thời kia đã được xác định, tờ « Thế giới Nửa Ước » bàn luận như sau :

« Thực sự, chính là một đạo luật lập ra do tòa án Liên bang theo lời thỉnh cầu của ông Daugherty (cốt để cấm đình công làm hại đến sự thương mại các Tiểu bang) — một đạo luật không phù hợp với những truyền thống Hoa Kỳ, trái ngược với dư luận đa số và thật là khó khăn mà đem áp dụng nổi »

Một điều đặc biệt về cái thời kỳ hay biến đổi và đầy lo lắng đó là sự phát triển ghê ghớm của một « hội thiện bí mật » có hứa trong Bản tuyên ngôn rằng... « .. che chở kẻ yếu hèn và người ngay thẳng khỏi bị nhục nhã, bất công và bạo động, giúp đỡ người bị hạ hiếp, cứu kẻ đang đau đang khổ »

Mục đích ấy thì cao quý theo tất cả mọi luật pháp của nhân loại. Nhưng những tay đi che chở cho người, thuộc vào một loại khá đặc biệt, lại chẳng ai khác hơn là những tay hiệp sĩ Đảng Ku Klux Klan (K.K.K.)

Đảng, đầu tiên thành lập trong những ngày ăm « tự thuở Phục Hưng miền Nam, sau cuộc phân tranh Nam Bắc (1860-1865). Nhiều sử gia xác nhận rằng đảng được chôn nhau cắt rốn tại Pulaski (Tennessee) nhưng ngày đó chỉ mới là một hội kín, vô hại, hội viên chỉ thú tìm giải khuây vô thưởng vô phạt. Hải kịch chóng biến thành bi kịch. Các « đồng chí » khoác áo trùm dài không tay, kín cả đầu hở hai mắt cốt đi khủng bố người da đen để người da trắng được cầm đầu, và để xua đuổi những người lạ len lỏi xâm nhập vô ở trong địa phương.

Tuy nhiên, Đảng đó cũng chẳng được ai nội đến, mãi cho đến khi vào 1915, Đại tá William S. Simmons, từ Atlanta, Géorgie đem lại cho Đảng một sự phát triển mới hướng theo đường chống da đen, phản công giáo và bài Do Thái. Đảng dần dần chầm chầm tiếng cho đến năm 1920 là thời kỳ Simmons kết hợp với Edward Young Clarke, người cầm đầu « Hội quảng cáo cho những Tiểu bang miền Nam » đã tổ chức được những phong trào cứu giúp Hội Hồng Thập Tự, hội Y.M.C.A và nhiều Hội thiện khác suốt trong thời gian Đệ nhất thế chiến. Simmons thường khởi hải rằng « Chính vì người ta kính trọng tôi mà người ta kêu tôi bằng Đại tá đó thôi ». Hai người ký kết với nhau một bản khế ước, theo đó thì Clarke trở nên « Phụng hoàng của Đảng » và cử đoàn viên đi quyền giáo. Cứ mỗi đảng viên mới

nhập đóng 10 đô la thì Clarke và Đảng giữ 8, còn hai về phần Đại tá Simmons tức là « Pháp sư của Đảng ». Lại còn những tiền bán những áo choàng nữa, giá 1 đô-la 25 xu thì bán cho đảng-viên lấy 6 đô-la 50 xu, như thế cũng là một mối thu lợi lớn cho Đảng.

Trong một thời gian kỷ lục, từ Anh quốc tới Californie, chỗ nào cũng thấy dấu chữ thập chói lọi. Người lớn tuổi có khi cả các thân hào thân sĩ đêm đến cũng long trọng nhóm hội, mặc áo choàng cẩn thận, phủ mền kín mít, để chứng kiến lễ nhập môn của những « tân giáo đồ » dần dần lên tới hàng trăm ngàn. Đảng bành trướng gần khắp các Tiểu bang Hoa Kỳ. Đảng còn đi tới chỗ làm trung gian phân xử những mối tranh chấp chánh trị ở Indiana. Đảng rất có mãnh lực ở Anh quốc, và quyền lập pháp ở miền Texas có một thời gian lọt vào tay Đảng. Tại rất nhiều tiểu bang, những ứng cử viên vào các công vụ khó lòng có hi vọng đắc cử nếu không được Đảng ủng hộ.

Tại nhiều địa phương, Đảng chỉ là một hội kín vô hại. Trái lại có nhiều chỗ Đảng hoàn toàn giữ phần chánh trị. Nhưng rồi dần dần, người mặc áo choàng dấu hiệu của Đảng khùng bỏ cả mọi nhà, toàn quận hạt, toàn Tiểu bang.

Trong hơn một năm trời, Sở Công an theo dõi những hoạt động của Đảng mà không làm sao tìm được bằng chứng rằng Đảng vi phạm luật Liên bang. Nhưng một ngày kia, vào tháng 9 năm 1922, J. Edgar Hoover có tiếp Paul Wooton, làm phóng viên tại Hoa Thịnh Đốn cho một tờ báo ở New Orleans, tờ Times Picayune. Paul Wooton đương phải viết một thiên điều tra về đảng K.K.K. tiết lộ cho ông Hoover rất nhiều chuyện bí mật kỳ dị.

— « Vậy thì cứ theo ông nói, vị Thống đốc xứ Louisiane không được dùng máy điện thoại điện tín và cơ quan Bưu điện, tại vì Đảng K.K.K. ? »

— Chính ông Thống đốc đã nói với tôi đúng như vậy, Wooton trả lời và đưa cho Hoover một lá thư của ông Thống đốc xứ Louisiane là John M. Parker — Ông Parker có mời tôi đi Louisiane. Tôi đem thư này lại đưa tận tay ngài, vì ông Parker không tin vào nhà Bưu điện một chút nào cả. Thư từ của ông ta, cũng như các cuộc điện đàm, đều bị Đảng K.K.K. kiểm soát cả. Phải giúp đỡ ông Thống đốc Parker mới được ».

Thật là kinh hoàng ! Lá thư do Wooton đưa ra thì gửi cho ông Chương lý Daugherty. Ông Thống đốc

thỉnh cầu giúp sức để dẹp trừ đảng K.K.K. quá ư thể lực tại miền Bắc Louisiane, mà có lẽ ở đó đã mất hai người bị bắt cóc, tra khảo và hạ sát bởi « tín đồ » K.K.K.

Sau cuộc hội kiến giữa ông Hoover và ông Chương lý miền Louisiane (A. V. Coco) quyết định chung là ông Thống đốc Parker sẽ làm đơn thỉnh nguyện thẳng với Tổng Thống. Ngày 2 tháng 10 năm 1922, chính ông Thống đốc viết cho Tổng Thống Harding như sau :

«... Bởi một đảng chắc là Ku Klux Klan... luật pháp đã bị vi phạm, công dân bị bắt đi và bị tra khảo. Hai người đã bị giết chết không hề có xét xử, không hề bị buộc tội do chứng cứ gì... chiều nay, tôi lại được tin có 6 người đã nhận được lệnh phải lìa bỏ gia đình (ở More house Parish) nếu không thì bị giết. Muốn dẹp các vụ này Tiểu bang không có phương tiện hoạt động... Vì đa số các vị đại diện luật pháp và thuộc viên hành pháp lại công khai là đảng viên K.K.K. cả »

Parker thỉnh cầu Tổng Thống ra lệnh cho Bộ Tư pháp bắt bộ này phải áp dụng điều 4 chương 4 Hiến pháp Hoa Kỳ, điều này bảo đảm cho mỗi Tiểu bang quyền được Liên bang bảo hộ chống lại những sự bạo động trong địa phương. Những phương thế này phải được đem thi hành, tùy theo từng trường hợp đúng theo luật pháp hoặc theo sự quyết định của quyền hành pháp.

Bộ Tư pháp sau cùng quyết định cử nhân viên Công An đến Louisiane phụ lục Thống đốc Parker trong vụ này, còn điều truy tố thì Tiểu bang tự lo mà làm lấy. Quyết định này được coi như một thành lệ khả dĩ thay đổi được những quyền hành của Cảnh sát Liên bang và Cảnh sát Tiểu bang. Nhân viên Công an bắt đầu hoạt động không quên đề phòng tất cả đủ mọi điều : luôn luôn chính họ bị đảng viên K.K.K. lũng bắt. Nhưng rồi họ cũng dần dần xếp đặt được tất cả các manh mối đúng như câu chuyện đã xảy ra.

Dùng khủng bố, Đảng K.K.K. nắm trọn miền Bắc Louisiane ở trong tay. Đảng viên có thân hào thân sĩ hay các sĩ quan Tư pháp. Những người mà Đảng tẩy chay thì bị bắt buộc phải rời khỏi xóm làng hay thành thị. Theo lệnh của những tay chỉ huy Đảng, — mà Đảng thường có cách riêng biệt để xét xử hạnh kiểm của mọi dân cư — đàn ông đàn bà đều bị bắt giam bừa đi và đánh đập bằng roi vọt.

Một đêm kia Bác sĩ B.M.Mc. Koin, cựu Đô trưởng hạt Mer Ronge và cũng là đảng viên, nói rằng ông vừa

bị mưu sát trong khi đang đi xe. Có nhiều người bảo chính ông đã nổ súng, để kiểm soát buộc tội ai đó hòng mưu mô một sự gì. Đảng viên K.K.K. bèn bắt Watt Daniel và T.F Richards để lấy cung về vụ ông Mc Koin. Hai người này đều có chứng cứ rõ ràng cho nên rồi được thả ra cả, nhưng bị bắt buộc phải câm miệng. Song cả hai đều rí tay bẹn rằng họ đã nhận được mặt những người đã bắt mình. Điều này được đồn từ kẻ này đến kẻ khác. Một tuần sau, lúc dân cư hạt Mer Ronge đi chơi cắm trại về, xe đường bon bon chạy thì bị chặn lại, đảng viên K.K.K. khoác áo choàng phủ kín đầu hạ lệnh dừng xe : đàn bà kêu rú lên và ngất đi còn đàn ông tay không thì chẳng làm gì được cả. Daniel và Richards đều bị bắt đem đi mất tích. Chẳng còn ai được trông thấy hai người này về sau nữa.

Một đoàn thợ lặn, có lính gác bảo vệ đương mò lặn ở đáy hồ La Fourche. Trong đêm có vụ bắt cóc trên thì bên bờ hồ bị đốt cháy bằng dầu sáng. Ngày 22 tháng 12 năm 1922, người ta tìm kiếm ra nhiều xác bị chặt đầu chặt chân tay và tất cả các xương đều bị vỡ như. Những chiếc bánh xe bò lớn được dùng để tra tấn. Đem về mổ khám người ta nhận rằng chặt đầu, chặt chân tay như vậy phi tay Bác sĩ giải phẫu lành nghề, làm không nổi.

Bị kết tội sát nhân, Bác sĩ Mc Koin và một ông phó Quận trưởng lại được tha bổng vì không có bằng chứng gì cả : Theo báo Times Picayune, số đông quan tòa buộc tội lại là đảng viên K.K.K.

Vì lẽ chẳng có ai bị kết án gì cho nên vụ này làm sôi nổi dư luận quần chúng chống lại đảng KKK. và những hoạt động của Đảng. Nhưng sự chống đối của dư luận quần chúng cũng còn khá lâu mới xảy ra. Sau khi Đại tá Simmons kết hợp với Clarke, số đảng viên KKK lại cứ tăng lên mãi : trong 46 Tiểu bang. gần một triệu người năm 1925, muốn tỏ rõ uy tín về chánh trị Đảng cho diễn hành 50 ngàn đảng viên dọc đường phố Pennsylvania. Dần dần, Sở Công an và những nhà chức trách địa phương, do báo chí gây phong trào ủng hộ, trị được đảng KKK. Mặc dầu đảng vẫn ca tụng phụ nữ, Công an điều tra và bắt luôn con « Phụng hoàng của Đảng » tức là Clarke ở New Orleans. Tòa án Houston ở Texas kết án Clarke vào tội buôn phụ nữ da trắng. Khi đem xử tại tòa án Liên bang, Clarke bị



kết tội ngày 10 tháng 3 năm 1924 và phạt vạ 5.000 đô la.

Trong nhiều năm, Bộ Tư-pháp đã dùng nhân viên Công an để bảo vệ dân luật, chẳng hạn như cố gắng tiêu diệt nạn nô lệ vẫn còn tồn tại ở Hoa Kỳ dưới những hình thức khác nhau sau khi đã phá bỏ chế độ mại nô.

Nạn nô lệ đã thành một vấn đề Liên - bang vì nhiều Tiểu bang có những luật bình vực những điều phi luân lý ấy. Một chủ nhân có thể nhờ bắt một người nghèo làm công bằng cách làm đơn có lời thề, rồi bắt người đó phải làm ở trong trại của mình nếu không sẽ bắt tù, sau khi đã đóng tiền xin cho người đó được tự do tạm. Luật như thế đẩy thường cho phép chủ nhân trả tiền vạ cho công nhân rồi được quyền bắt công nhân ký khế ước phải làm cho mình tới khi trả hết nợ.

Một vụ thật là quỷ khiếp thần sầu chưa có bao giờ thấy xử thì năm 1921 tại Tiểu bang Georgie đã xảy ra. Sở Công an được biết tin có một người tên là John S.

Williams « mua » tại các đê lao tỉnh hay Tiểu bang những tù nhân da đen và buộc họ làm lao công tại các trại cho tới khi trừ hết tiền mua. Những người khốn nạn này quả thực là nô lệ của Williams. Khi Williams biết tin Công an đương theo dõi mình, y quyết định giết phăng ngay những người nào có thể làm chứng buộc tội y, và đã hạ sát luôn vào khoảng độ một tá.

Bị kết án vì tội sát nhân đó, Williams bị tù chung thân.

Dư luận sau cùng kịch liệt chống đối lại những việc như trên cho nên tòa án cũng chả còn có dịp nào để xử những vụ tương tự như vậy nữa.

Thật là mỉa mai kỳ dị ! Trong lúc nhân viên Công an bảo vệ dân quyền ở Louisiane và các nơi, thì Williams J. Burns và Jess Smith lại cho nhơn viên đi theo dõi dò xét những nhơn viên của các nghị sĩ Quốc hội đương yêu cầu mở cuộc điều tra về sự thổi nạt mà tai tiếng nhất chẳng hạn như vụ « Teapot Dome ».

Tự chức được ít lâu, Tổng Thống Harding giao cho Bộ Nội vụ quản trị những mỏ dầu ở Californie và ở Wyoming, dành riêng cho Hải quân Hoa Kỳ. Mỏ dầu Wyoming thường được gọi là « Teapot Dome ». Albert B. Fall Thứ trưởng Nội vụ bèn liên lạc với các công ty, quản đốc do Harry F. Sinclair và Edward L. Doheny và ký với hai ông này một bản hợp đồng cho phép họ

lấy lên và tồn kho chỗ dầu của Hải quân, nhưng phải trả mấy sắc thuế. Để chứng minh điều này người ta viện lẽ mô « Teapot Dome » bị vây quanh bởi bao nhiêu mỏ tư khác cứ bơm trộm dầu của chánh phủ, nay Bộ Nội vụ làm như vậy tức là bảo vệ quyền lợi chánh phủ.

Nhưng.. chỉ ít lâu sau khi bản hợp đồng được đăng tải trên báo chí dân cư một hạt ở Nouveau Mexique kể cận nông trại của Albert B. Fall, nhận xét thấy ông Fall cho khởi công nhiều công tác sửa sang rất tốn kém, đất tiền, chứng tỏ rằng ông tự nhiên phát tài lớn lắm.

Sinclair và Doheny sau này thú nhận rằng họ đã cho ông Fall vay hơn 135 ngàn đô la. Doheny riêng phần mình đã bỏ ra 10 ngàn, và cả quyết rằng chỉ muốn giúp đỡ cho bạn già chút ít mà thôi.

Quốc hội thấy những lý lẽ của hai người không được « chu » lắm. Người ta cũng hỏi cả đến cách thức quản lý Hội Cựu Chiến sĩ và Hội tài sản ngoại kiều. Và sau rốt, tại sao Bộ Tư pháp lại mãi mãi không truy tố nổi những can phạm (chắc là có tội) đã giả mạo những bản thỏa hiệp Quốc phòng trong thời kỳ Đệ nhứt thế chiến ?

Giống tố nổi lên bao trùm Chánh phủ Harding, Jess Smith bèn tự vẫn chết ngày 30 tháng 5-1923 để lại một tài sản độ hơn 500 ngàn đô la. Tổng Thống Harding lâm bệnh trong một chuyến công du ở Alaska rồi chết ngày 2 tháng 8 cùng năm. Ông Calvin Coolidge được lên làm Tổng Thống Hoa Kỳ thừa hưởng một tình hình hết sức rối ren đổ nát.

Lời đồn tội lỗi càng ngày càng lớn. Đa số nghị sĩ Quốc hội yêu cầu Daugherty từ chức. Không có một chứng cứ gì rõ rệt có thể đem ra để buộc tội ông Chương lý. Theo một bài trong báo « Literary Digest », người ta bắt buộc ông từ chức vì Quốc hội và dân chúng không còn tin ở ông nữa, « không phải vì điều ông đã làm mà chính là vì điều ông không làm »

Thượng nghị sĩ Burton K. Wheeler, hạt Montana, là một cừu địch công khai của Daugherty. Phe Cộng hòa ở Quốc hội đã nhiều phen phản đối không cho mở cuộc điều tra nhưng đến ngày 1 tháng 3 năm 1924 theo đề nghị của Wheeler, Thượng nghị viện đồng thanh biểu quyết, — trừ 1 người, nghị sĩ Davis Elkins miền Tây Virginie, — cho mở cuộc điều tra về những hoạt động của Daugherty.

Trong khi cuộc điều tra làm trò cười cho thiên hạ ấy đang tiến hành, thì nghị sĩ Wheeler chính mình cũng lại bị xử tại tòa án ở Great Fall (Montana). Ông bị buộc tội đã ăn tiền của một công ty dầu hỏa để tìm đường dụ Bộ Nội vụ chấp thuận công ty đó độc quyền khai thác. Wheeler cãi ngay, cả quyết rằng mình bị mắc bẫy Bộ Tư pháp. Theo tờ báo « News and observer » ở Bắc Caroline, lời buộc tội này là kết quả của những cuộc vận động do William J. Burns, Harry Daugherty và Ủy ban Quốc Gia Cộng hòa.

Những việc xảy ra kế tiếp sau này chứng thực rằng lý thuyết của tờ báo đó có đôi ba phần đứng vững. Một ủy ban Thượng nghị viện, rồi đến một hội bồi thẩm ở Montana, đều kết luận Wheeler vô tội. Tờ Record ở Philadelphie viết rằng: « vụ án này quả thực là vụ hành hạ chánh trị rất hèn, một lối trả thù đê mạt chưa từng có ở nước này. » Bị hỏi về chuyện Daugherty, Burns nhận rằng có phải ba chuyên viên đi Montana để phụ lục thụ lý việc Wheeler. Nhưng cứ theo văn khố của Bộ Tư pháp, những nhân viên này mặc dầu chính thức thuộc nhân số Công an, nhưng sự thực lại lại làm việc cho John S. Pratt (phụ tá đặc biệt cho ông Chương lý, và chỉ báo cáo tin tức hoạt động của họ cho Pratt mà thôi.

Để hoàn thành cuộc điều tra về Daugherty người ta phải nhờ đến tay Gaston B. Means, bạn già của Burns. Means khai, khiến người ta vô cùng sửng sốt, rằng những nhân viên của ông bằng cách nào lén vào phòng những thượng nghị sĩ lục soát những ngăn kéo để tìm một vài chi tiết có thể làm khí giới chống lại họ khi họ lộ ra tình ý trở mặt lại hại ông Daugherty. Means khai đã trao các báo cáo cho Jess Smith, và chỉ rõ thêm rằng chưa có bao giờ ông thềm nói chuyện với những cấp dưới của Daugherty, Smith và Burns.

Trong khi hỏi cung, Wheeler xen lời vào: « Nghị sĩ Mosse hạt New Hampshire có gọi cho tôi một câu hỏi có thể cho chúng ta đi nhanh được không mất thì giờ. Vậy thì ông Means ạ, ông có thể nói cho chúng tôi biết tên các vị nghị sĩ mà ông không có cho rình mò lục lỏi theo dõi? »

Means trả lời: « Ô ! Đó là những vị rất liêm chính ông thừa biết ! Và lại người ta cũng chẳng thấy gì khi lục soát cả... không... quả thực chẳng có gì quan hệ cả. »

Means trình bày cho các vị nghị sĩ nghe biết cách thức làm việc của một thám tử : « Có gì đâu ! Đọc hết tất cả các thơ từ, các giấy tờ, các mảnh vương vãi ! dò hỏi những người trong gia đình, những kẻ lân cận... khi các ông điều tra về một tội hình. Báo cáo các kết quả ! Nếu dùng để buộc tội được thì dùng. Nếu tốt cả, không xài được, thì vứt đi. Như thế chẳng có hại cho ai cả. »

Lời cung khai trên thực hay giả, hoặc nửa thực nửa giả, ai biết được ngoài Means ra !

Sau này sử gia Samuel Hopkins Adams đã viết: Bộ Tư pháp thời kỳ này rơi xuống nước thấp nhất, cả về tinh thần đến hiệu lực hơn viên, bắt chắp cả cấp cán bộ mà nhiều người vẫn là thiết giới. Bộ phải chịu ảnh hưởng xấu của Daugherty, Jess Simith, Burns. Ngày 28 tháng 3 năm 1924 Tổng Thống Coolidge buộc Daugherty phải từ chức Chương Lý. Và bây giờ là lúc biên chế công chức bắt đầu.

(còn tiếp)

CẢNH - SÁT CHIẾN - ĐẤU VỚI CÔNG TÁC CHIẾN - TRANH TÂM - LÝ

(tiếp theo trang 19)

phục họ cải tà quy chính, góp sức với các ngành hoạt động Quốc gia để mở mang xứ sở. Như vậy, chiến lược và chiến thuật của Cảnh sát Chiến đấu là sự kết hợp chặt chẽ giữa quân sự và chính trị, nghĩa là biết điều hòa phối hợp và hỗ trợ về cả hai phương diện chính trị và quân sự.

Bằng một đường lối chống Cộng đúng với nguyện vọng của nhân dân, Cảnh-sát Chiến-đấu chắc chắn sẽ được nhân dân ủng hộ và nhất định sẽ thắng, Cộng phi sẽ ngã gục một ngày không xa để đền tội xứng đáng trước quốc dân.

Noi gương NGŨ TỔNG - THỐNG, Cảnh-sát Chiến-đấu luôn luôn học tập Đạo đức Cách mạng của Người, quyết vì dân trừ bạo và hăng hái tiến lên, sát cánh với quân đội Việt Nam Cộng Hòa, góp phần đặc lực vào công cuộc cứu quốc và kiến quốc hiện nay, xứng đáng với danh hiệu là một « Binh chủng Cách-mạng » vì dân vì nước .

P . Q . L .

KHÁI NIỆM VỀ DANH-TỪ

tiếp theo

CẢNH - SÁT

thầy giai đoạn đầu là khó khăn tỉ mỉ và phải đủ bằng chứng cụ thể, vì kinh nghiệm đã cho biết « lời thú tội » của can phạm chưa hẳn là một yếu tố chính xác để Tòa Án làm tội, nhưng Tòa Án phải căn cứ vào những minh chứng xác đáng nhiều lúc dựa theo khoa-học, như so đo và đấu và vò đạn, giao nghiệm vân tay, vết chân, vết máu, lời viết chữ độc được v.v... Vì lẽ đó mới có môn Cảnh-sát Khoa Học.

Mặt khác, trong các tội phạm do Cảnh-sát Tư-pháp có nhiệm vụ truy tầm có loại « phạm pháp chính - trị » mà trong thời bình, vì số lượng ít, chỉ nằm trong phạm vi Cảnh - sát Tư - Pháp như các tội thường phạm khác.

Tuy nhiên, khi tình thế trở nên phức tạp, phạm - pháp chính - trị gia-tăng, một Chi - đội Cảnh - sát Tư - pháp không thể phụ trách xuê, và hơn nữa thủ tục cùng biện pháp áp dụng đối với loại phạm pháp này có tính cách đặc biệt, nên mới được tách rời ra đặt thành Cảnh - sát Đặc-biệt. Tùy theo nhu cầu và tùy theo hoàn - cảnh nhà chức trách có thể đặt ra một cơ cấu Cảnh-sát mới, những danh từ « Cảnh - sát Công - lộ », « Cảnh - sát Bảo - Tục », « Cảnh - sát can - thiệp » v.v... đã quá quen thuộc với chúng ta thì những danh từ « Cảnh - sát Chiến - đấu », « Cảnh - sát biên - giới », « Cảnh-sát Giang-Hải » v.v... tưởng không có gì lạ làm lạ.

Và trong những ngày gần đây, nếu những công cuộc thám hiểm không gian đem lại những kết quả cụ thể, và khi nào loài người dùng phi thuyền bay đi bay về từ trái đất đến các hành tinh như ta đi chợ, chắc chắn lúc đó nhân loại sẽ có một môn Cảnh-sát mới : « Cảnh-sát không gian ».

Qua những điều suy luận khái quát trên đây chúng tôi thiên nghi danh từ « Cảnh-sát » được dùng để chỉ định Ngành An-ninh Dân-sự là rất đúng. Danh từ ấy vừa đầy đủ vừa bao hàm ý nghĩa đại quát của nghề nghiệp ; móc nối thêm vào đó danh từ « Công-an » như trước, thiết nghĩ không những là thừa nhưng còn quá gò bó.

T. H.

ĐAU QUÁ ĐÒN GHEN !

hay là những cảnh khóc cười trong mùa thi

★ của ÍCH - THIÊN

*Đau quá đòn ghen, rát hơn lửa bỏng.
Túi bút túi nghiên, túi lều túi chông !...*

Chả rõ các bạn đã bị... «đòn ghen» bao giờ chưa ? Riêng tôi, tôi cũng chưa được cái hân hạnh ấy... «đòn ghen» lần nào nên cũng chưa được «thưởng thức» cái cảm giác đê mê của có ra sao, chắc là thắm thía lắm thì phải ! Nhưng tôi dám cam kết rằng nó không thể «ngắm kỹ» và nhức nhối bằng cái đòn... «hông thi» ! Thưa các bạn, tôi xin cả quyết nói toàn sự thực đúng... 75% phần đầu. Mấy câu trong bài phú hông thi nêu trên cũng chứng minh sự đó.

Tại sao tôi dám cả gan mà cả quyết như vậy ? Xin thưa : chính kẻ bèn này đã được ném cái đòn «trượt vô chuối» ấy tới hai lần trong hai kỳ thi Tú-Tài năm ngoái, nghĩa là «song khoa lạc đệ» và cái vết thương «thi rớt» đó vẫn còn nhức nhối cho tới mùa phượng nở năm nay.

Để chứng minh rằng sự hông thi nó đau khổ, sầu não đến bực nào, xin mời quý bạn hãy nghe mấy vần thơ của các thi-bá nạn nhân của khoa cử đời xưa :

— Đại diện cho giới «hông thi» tự xưa tới nay, tưởng không ai xứng đáng hơn ông Tú ở Non Côi Sông Vị : Trần-Tế-Xương tức Tú-Xương

thực là một nhà «quán quân» về môn «thi rớt» ! Thành tích thật là bất hủ : «Tám khoa chưa khỏi phạm trường qui !» vì đã quen với cái nạn «trượt vô chuối» quá nhiều, nên đã phản thân mà phải trời trăng : «Mai không tên tở, tở đi ngay, Giỗ Tết từ đây nhớ lấy ngày !...»

Hoặc có người phải kêu thét lên : — «*Nghênh cò cò trông bằng không tên, Trời đất hỡi văn chương xuống bệ ! Lúi đầu cuộc về nhà gọi vợ, Mẹ đi ơi tiền gạo lên trời !*»

Ngoài cái đau đớn ấy, bệnh hông thi còn đeo thêm cái buồn «nẫu ruột» : —*Những buồn còn muốn nói năng chi, Đệ nhất buồn là... cái hông thi.*

Bệnh «thi rớt» đôi khi còn lẫn cả cái hương vị chua chát, đắng cay quá tr sâu sắc :

— *Khấp như thiếu nữ vu quy nhật, Tiêu tự lương sinh lạc bằng đệ !*»

Xin tạm dịch : «*Cười như cậu khóa hông thi, Khóc như cô ở lúc đi lấy chồng !*»

Hai cái khóc và cười này có hai ý nghĩa tương phản đặc biệt, thực

không có cái khóc nào lại thú vị bằng cái khóc của một cô gái đang xuân lúc lên xe hoa về nhà chồng, mà cũng không có cái cười nào lại chua chát, khổ đau cho bằng cái «cười gương» của một anh thí sinh thi rớt ! Oái oăm thay, và trái ngược thay ! Cô ở kia khóc là khóc cười và cậu khóa nạn cười là cười khóc ; diễn tả tâm trạng của kẻ thi rớt như vậy, tưởng không còn gì tế nhị, sâu sắc hơn.

Tại sao thời xưa người ta lại «cay cú» về sự hông thi một cách thái quá như vậy ?

Xin thưa : Cay cú là phải vì thời ấy con đường tiến thân duy nhất của người thanh niên là «khoa bảng», tất cả các bậc công khanh, văn quan vô bá đều xuất thân ở hàng ngũ khoa bảng, dù có tài tế-thế, kinh bang mà chưa thi đỗ thì chưa có đất để thi thử tài năng, bởi vậy mà có người từ trắng răng đến tuổi bạc đầu như cụ Tô-Lão-Toàn chẳng hạn, thi hoài rớt hoài, mãi tới năm 72 tuổi mới đỗ khôi nguyên. Người tư chất thông minh cũng như người bản năng dẫn độn, ai cũng thích : «đi học đi hiếc, thi đỗ thi điếc, làm quan làm kiếc !» Có nhiều người hôm trước còn là anh hàn sĩ, sống cái cảnh «cơm phiếu mẩu hẩm xỉ, áo Trọng-Đo bạc phếch!» bị đời rẽ rúng khinh khi, «bạn bè ít kẻ tới nhà, thân thích chẳng ai nhìn họ» thế mà chỉ một sớm một chiều, lều chông tở trường thi, hôm sau thấy tên đề bằng hồ, cái tên «anh khóa được thay bằng cái danh «Quan Nghè Tân Khoa», đầu đội mũ cánh chuồn, nghêu nghện trên lưng con ngựa bạch, cờ biển vông lọng nghênh ngang, lính tráng rập riu tiền hô hậu hét, cả làng cả huyện phải đi đón chào Quan Tiến-Sĩ vinh quy bái tổ ; cái cảnh ngựa anh đi trước vông nàng theo sau làm rạng rỡ tổ tông, thơm lây làng xóm. Mỹ vị cao lương, vàng bạc châu báu tự nhiên tới tấp vào nhà, bạn bè từ núi đỗ rừng

xanh, họ hàng xa lơ xa lắc cũng đều lợi suốt tròn non mà tìm về thăm hỏi. Danh vọng, giàu sang suốt đời chưa hết mà còn lưu truyền lại cho con cháu mấy đời sau ! !

Bao năm cửa Khổng sân Trình, xói kinh nấu sữ, học như tiếng cuốc kêu hè, tốn hao bao nhiêu dầu đèn, cơm áo, chờ đợi mãi đến năm vua mở khoa thi, hì hục phết lều, đan chõng để vượt qua mấy dặm trường đình đến kinh sư dự thí. Trong lòng lo âu phấp phỏng, đem hết tài nhả ngọc phun châu, lặn xả vào trường văn trận bút, qua kỳ kinh nghĩa đến kỳ văn sách thoát mỗi câu là mỗi nở ruột nở gan. Ở nhà cha mẹ lẽ bái kêu cầu từ tổ tiên đến thổ công vua bếp, vợ trẻ bỏ cả tầm tơ để lên chùa xuống miếu, lòng thành cầu khẩn cho chõng khỏi phạm trường quy và tên chiếm bảng vàng. Cả nhà, cả họ, cả làng mơ ước, cô khóa cũng mơ ước, cái hình ảnh ông Nghè cỡi ngựa vinh quy nó ám ảnh suốt ngày đêm !

Suốt bao ngày mong ngóng đợi chờ quên ăn quên ngủ, sáng chiều ra tựa cổng làng mắt đăm đăm về quan lộ, vợ khóa chờ mong cái tin « chàng đỗ khoa này » ! Thế rồi, một buổi chiều thu nọ, dưới ánh hoàng-hôn bảng lảng, một bóng người từ cây đa bên đò đi tới, dáng điệu thần thờ, vai đeo khăn gói bước thấp bước cao tiến dần đến cổng làng. Ai ? Ai thế nhỉ ! Cả nhà xô ra, nhìn ngó, phỏng đoán ! Lữ khách tới gần, cả nhà trở mắt, đúng rồi ! Anh khóa ! ! Lều chõng vác đi rồi lại vác về nguyên vẹn : trông anh, người kém xét đoán đến đâu cũng biết ngay rằng : Anh khóa lại « hồng thi » ! !

Thế là xong ! Cả nhà vỡ mộng, chả ai nói một câu hay hỏi anh khóa một lời ! Anh khóa chả nhìn ai, đầu cúi thấp bước vào sân, tháo lều chõng vất xuống gốc cây cau rồi ngồi phịch

xuống thềm ôm đầu suy nghĩ. Quái ! bài võ như thế, văn thơ như thế, trường quy không phạm, tỳ ở cũng không, thế mà . . . bằng lại không tên ! Có lẽ tại mở mã tổ tiên hay là số mình chưa tới. Mợ khóa ra đứng ở bờ ao kéo vạt áo lên lau nước mắt ! Mợ nghĩ cảnh :

« *Mây khóa thi hương không đậu cả,
Vài mảnh vườn hoang bán sạch rồi !* »

Khóa trước hồng thi, khóa này thi hồng, phải chờ tới 3 năm nữa nhà vua mới lại mở khoa thi, lấy gì mà cơm áo sách đèn. Mợ khóa lăm lăm . . . chửi rủa cái ông thầy bói ở chợ Đoài ăn gian nói dối !

Thưa các bạn, sự hồng thi nó buồn là thế, nó khổ là thế ! Sự đời ai có qua cầu mới hay. Cái cảnh nát lòng ấy làm gì mà không cười ra nước mắt ! Theo tôi thì nó còn « độc » bằng mấy đòn ghen mà « đau » hơn đòn « sãng tan » hồi trước là khác ! !



ĐÓ là cái cảnh thi cử của thời « mực tàu giấy bản » ; còn ngày nay thời « mực nguyên-tử, giấy po-luya » thì sao ?

Theo kẻ hèn này nhận xét thì nó chả khác nhau mấy tý.

Ngày xưa thì trọng từ chương, tứ thư, ngũ kinh làm gốc.

Ngày nay thì cốt thực nghiệm, Việt văn, sinh ngữ, toán lý hóa làm đầu.

Ngày xưa, cứ 3 năm vua mới mở một khoa thi. Ngày nay mỗi năm thi hai đợt, kỳ nhất rút thì về « xào xáo » lại, nạp vội đơn để dự kỳ nhì.

Ngày xưa thì lối thi sĩ tử vai đeo lọ, ậm oẹ quan trường miệng thét la ; lúng túng trong cái lều tum hùm, nằm co ro trên cái chõng ọp ẹp thiếu trước hụt sau. Ngày nay thí sinh hai tay dút túi quần « Tét-gan » nghều nghện trên con « éch bà » bóng loáng ! Các vị giám khảo đều vui cười, chả ai to tiếng. Trường thi đều bê tông cốt sắt, quạt máy vù vù, giấy thi in sẵn phát đến tận tay, tha hồ cho thí sinh vẩy vũng múa bút.

Về hình thức, đại để có phần khác trước nhưng về tinh thần thì chả khác là bao, nếu không tin, mời quý bạn hãy cùng tôi thả bộ đến mấy trung-tâm hội đồng trong ngày giờ xuống danh yết bảng để chứng kiến những cuộc chạy đua rượt bắt « văn bằng » khá hào hứng và gây căng của các kỳ thi Tú Tài, Trung học.

Đó, bạn thấy chưa ? Mấy cô cậu đang tùm nậm tùm ba ở sân trường, ở gốc cây, ở lẽ đường, to nhỏ thì thăm, tai vênh lên, mắt mở thao láo. . . thỉnh thoảng thấy một cô tự nhiên lại hét lên như bị ong đốt và nhảy lên tung tung như bà đồng ấy, tại sao vậy ? Xin thưa : cô ta vừa nghe thấy tên mình từ máy phóng thanh phát ra lại thêm chữ « bình thứ » đó, đổ rồi ! Thích quá ta ! Bà cụ thân mẫu chạy đến, bạn bè bu chung quanh. Bà cụ truyền lệnh : a lê, tất cả vô Đờng-khánh, má khao một chầu kịch liệt ! Con đi nghỉ mát ở đâu ? Long-Hải

nhé ? Hay đi Dalat ? » Cô Tú tân khoa mặt cứ đỏ lên như cô gái vừa từ bếp lửa mới ra, cười sằng sặc cấu véo các bạn lung tung ! ! Cô vui là phải. đờ rờ, năm nay cô có thể trở thành bà Bác sỹ, hôn lễ sẽ cử hành vào tháng sau !

Ngày trước có câu : « phi Cao-đẳng bắt thành phu phụ », ngày nay đổi đi đôi chút : « phi Đại-học bắt thành « mệnh phụ ».

Còn kia nữa, làm sao, cái gì mà ông già lại thoi ngấm vào mạng sườn cậu kia thế nhỉ ? Mà cậu lại lau nước mắt, thiếu não như người vừa dự đám tang thế kia ? Thôi, phải rồi, cậu ta thì rớt ! Đấy bạn hãy lắng tai nghe ông già giảng thập điều :

« Mày giết tao đi còn hơn Bầy ơi ! Vườn ruộng cầm cố hết rồi mà mày rớt hoài ! Không làm công chức hành chánh thì cũng phải vào trường sĩ quan, thế mà cả hai đều hư hết trời ai già con cho mày rồi lấy gì chuộc vườn, trả nợ ? Tao biểu mày thi Tú Tài chớ đâu có bảo mày đi nhảy dầm, không rớt làm sao được ! Tao về đây nghe mày ! Còn mày đi đâu tụi ý ! »

Phiền lắm bạn ơi, chịu khó tò mò thì còn lắm cái hay ; có anh chạy một mạch ra phía bờ sông, bạn bè chạy sau níu kéo ; có cậu cứ lù lù đi ra giữa đường coi như xe hơi đều làm bằng giấy cả Có ông đứng tuổi thờ dài than rằng : « lại rớt, lại công nhật, đến kiếp nào mới vô ngạch đây hả trời !. » Chắc ông ta là công chức.

Bao nhiêu khóc cười lẫn lộn, tự trung cũng do cái tiếng « thi đậu, thi rớt » mà ra, ai dám bảo là mãnh bằng không quan trọng. Xưa cũng như nay, cái đờn « hồng thi » vẫn thắm thía nhưc nhối như nhau !!

ÍCH-THIỆN



T
H
O'

Tặng CẢNH-SÁT CHIẾN-ĐẦU

CẢNH-SÁT Chiến đầu !!! Vang danh oai dũng
Trên chiến-địa, cũng như nơi thao trường
Vượt gian nguy, lao khổ anh xem thường
Người « Chiến đầu » biểu dương cho sức mạnh.
Trước nguy hiểm, với anh không trốn tránh
Còn Thực Cọng, tức còn phải đấu tranh.
Anh hiên ngang, trong những lúc quân hành
Thế đem lại dân lành bao vui vẻ.
Cảnh.sát Chiến-đầu !! chớ đầy tươi trẻ
Bước chân đi mạnh mẽ và nhịp nhàng
Không lùi bước, không nệ sự nguy nan
Người « Chiến đầu » miên man trừ Cộng phi
Với Tổ quốc, một lòng thể chung thủy
Đem xương máu, đắp lũy cho Cộng-Hòa
Gắng làm sao, để lợi ích Quốc-gia.
Người « Chiến đầu », không tha loài tham bạo.
Thương yêu dân, và đầy lòng nhân đạo
Đôi tay anh, quyết tạo một niềm tin.
Sự an ninh, trật tự anh giữ gìn
Các đời phương, phải nhìn vào kiềng nê.
Dấu gió thét, mưa gào anh không kẻ
Người « Chiến đầu » quyết bảo vệ non sông
Xem cái chết tựa như cái lông hồng
Xây thanh bình, do công anh góp sức
« Cảnh-sát Chiến-đầu » lấy máu làm mực
Ghi bia vàng trang sử oai hùng ca.

TRẦN - NGỌC - THÚY
(NHA-TRANG)



21 —	« N.C./Đ.B. »	190-
22 —	« Cộng Hòa »	3.370-
23 —	T/Đ.C.S.C.Đ. 611	650-
24 —	Phân đoàn « Diệt Cộng »	1.725-
25 —	Phòng Huấn luyện	320-
26 —	CS/CĐĐĐ 121	360-

**Chi Đoàn C.C.C.M.Q.G. tự nguyện quyên giúp
Quỹ Tái Thiết Dinh Độc Lập**

Chi đoàn C.C.C.M.Q.G. Tổng Nha C.A.C.S vừa chuyển nộp số tiền 82.185đ đến ông chủ tịch Phong Trào Nhân Dân Tái Thiết Dinh Độc Lập.

Số tiền này do các đoàn viên thuộc các phân đoàn tự nguyện quyên góp:

1 —	Phân đoàn « Thống Nhất »	2.350\$
2 —	« Quyết Thắng »	7.250-
3 —	« Bạn Dân »	1.840-
4 —	« Quyết Tiến »	1.820-
5 —	« Dân - Chủ »	1.770-
6 —	« Bắc Tiến »	4.510-
7 —	« Đoàn Kết »	5.000-
8 —	« Tân sơn Nhứt »	1.920-
9 —	« Phục Vụ »	2.210-
10 —	« Công Lý »	1.240-
11 —	« Bác Ái »	5.675-
12 —	Văn-Phòng Sở VK/GN	310-
13 —	Phân đoàn « Nhân Vị »	3.590-
14 —	« Tiền Phong »	1.560-
15 —	« Chính Nghĩa »	12.875-
16 —	« Tranh Đấu »	1.940-
17 —	« Cương Quyết »	
	— Y.Đ. Nhà Bè	780-
	— B/T.V.	3.120-
	— B/T.B. 4	1.710đ
	— A.N. Chợ Quán	
	— A.N.NĐ Chợ quán	540-
	— B1/HC	160-
	— B.T.B.11	1.260-
	— B/T.B.1	1.610-
	— B/T.B.51-61	1.030-
	— B/V.T.	550-
	— BI/N.V.	170-
	— B/N.C.	450-
	— B/T.B.G.Đ 2	1.310-
	— B/T.B. 3	1.100-
	— B/T.B. 41-71-81	1.670-
18 —	Phân đoàn « Tự Do »	1.835-
19 —	« Độc Lập »	850-
20 —	« Trung Kiên »	1.565-

TIN BUỒN

Chúng tôi rất lấy làm buồn báo tin các bạn xa gần được biết :

Ô. HUỲNH - QUAN - TÂM

Tổng Kiểm - Tra

Cảnh - Sát Công - An

Tùng sự tại Nha Tổng Giám - Đốc Cảnh - Sát Quốc-Gia vừa mệnh chung hồi 4 giờ sáng ngày thứ năm 13-9-1962 tại nhà riêng số 90-B đường Nguyễn-dình-Chiếu Saigon, sau một thời kỳ thọ bệnh.

Trong dịp đau đớn này, chúng tôi xin kính cẩn nghiêng mình trước hương hồn người đã khuất và chân thành phân-ưu cùng tang quyến.

Tòa - soạn « BẠN - DÂN »

CẢNH - SÁT ANH QUỐC

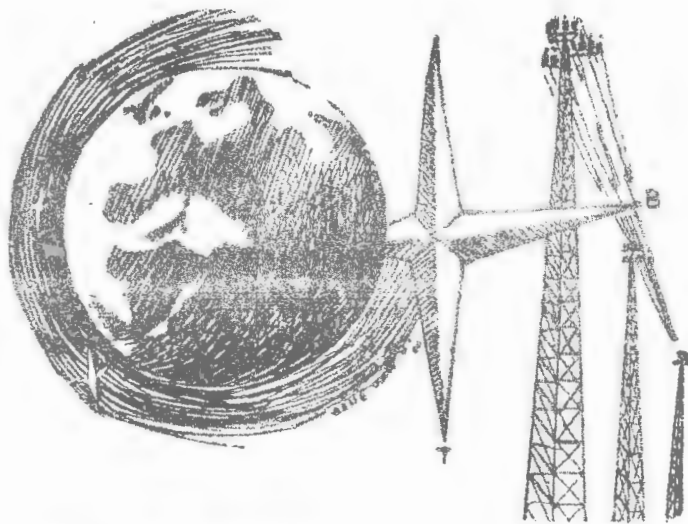
(tiếp theo trang 8)

phán. Sắc thuế đặt ra để có ngân khoản chi tiêu đã gây sự bất mãn chung. Điều mà họ lo sợ nhất là Cảnh-sát mới ấy có thể là mối đe dọa cho tự do cá nhân và đoàn thể.

Trải qua nhiều năm trời, Cảnh sát đã phải tranh đấu chống sự bất công, các thành kiến và các sự bạc đãi.

Nếu sau cùng họ đã thành công, đã đạt được lòng kính phục và ngợi khen của dân chúng, một phần cũng là nhờ lòng can đảm, tinh thần trách nhiệm của họ, mà cũng là nhờ tinh thần họ hưởng thụ được từ Rowan và Mayne, hai vị Giám Đốc Sở Cảnh-sát đầu tiên. Chính hai ông này đã có công cải thiện tổ chức và đặt ra các nguyên tắc, nhờ đó mà ngành Cảnh-sát Anh Quốc điều-hành hữu hiệu và có tinh cách độc đáo trong thế giới ngày nay.

Đ. H.



TIN QUỐC TẾ

Trung Hoa dân quốc đoạn giao với Ai-Lao

Trung Hoa dân quốc đã quyết định đoạn giao với Ai Lao kể từ ngày 7 tháng 9 vì Ai Lao đã thừa nhận Trung Cộng Tòa đại sứ Trung Hoa dân quốc ở Vạn Tượng đã được chỉ thị của Chánh Phủ phải triệt hồi nhân viên ở Ai Lao.

Một phát ngôn viên của Tòa đại sứ Trung Hoa dân quốc tại Ai Lao cho hay đã có lời 800 Hoa Kiều xin đi Thái Lan hoặc Việt Nam Cộng Hòa lập nghiệp liền sau khi có quyết định đoạn giao này

Mỹ gọi quân trừ bị

Vì tình hình quốc tế khẩn trương Tổng Thông Kennedy đã yêu cầu quốc hội cho phép gọi nhập ngũ quân nhân trừ bị tới số 150.000 người trong khoảng thời gian 12 tháng.

Hội Quân lực của Thượng nghị viện Mỹ đã chấp thuận dự luật cho phép T.T. Kennedy gọi nhập ngũ 150.000 quân trừ bị.

Nga hăm dọa ở Bá Linh và kêu gọi thanh niên nhập ngũ

Nga đã cho bố trí rất nhiều giàn hỏa tiễn chống phi cơ ở dọc theo hành lang không vận chính yếu giữa Bá Linh và Tây Đức, gây nên một môi đe dọa cho cuộc không vận của đồng minh

Nga lại ra lệnh gọi nhập ngũ các thanh niên sinh năm 1943 và quyết định chuyển qua ngành trừ bị tất cả những quân nhân đã có đủ thời gian quân dịch cường bách.

Thủ Tướng Thái Lan khuyến các nước trong Liên Phòng Đ. N. Á.

Thủ Tướng Thái Lan Sarit Thanarat khuyến cáo các hội viên Liên phòng Đông Nam Á hợp tác chặt chẽ với nhau để chiến đấu chống kẻ thù chung tại miền này

Ông Hoàng đình Lương (Hải Ninh, Sông-Mao) - Rất hoan nghênh sự cộng tác của ông. Về bài vở, xin liên lạc ngay với Tòa soạn 241 Đại lộ Cộng Hòa Saigon.

Bạn Việt Nhân Tuấn Dũng (Tuy Hòa) - Đã nhận được bài. Sẽ có thư riêng về bạn.

Bạn Chu Năng Thức (Phanrang). Muốn mua quyển « Kỹ thuật điều tra Cảnh sát khoa học », bạn có thể ghi tên tại văn phòng ông Cảnh sát trưởng ở Phanrang. Khi ông Cảnh sát trưởng chuyên danh sách về, chúng tôi sẽ gửi sách nhờ ông Cảnh sát trưởng phân phối và thu tiền giúp.

Sách « Hình luật giảng tập » hết từ lâu, chúng tôi sẽ cho tái bản trong ngày gần đây.

Tổng Thông Việt-Nam Cộng-Hòa cất băng khánh thành Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh tại Saigon ngày 23-8-62



TRUNG QUỐC

Chiến Dịch « Bình Tây » đã hoàn tất.

Chiến dịch « Bình Tây » mở màn ngày 15-8-62 đã tạm ngưng hoạt động kể từ o giờ ngày 31-8-62.

Mục đích của chiến dịch là « ra tay trước » để làm tê liệt mọi phương tiện hoạt động của địch trong chiến trường Thu-Đông sắp tới. Sau nữa tháng hoạt động, các lực lượng của Thủy, Lục, Không quân dưới sự điều động của Bộ Tư lệnh vùng 3 Chiến thuật đã đánh phá tan các cơ sở và loại khỏi vòng chiến các đơn vị chủ lực Việt Cộng ở 3 tỉnh Ba xuyên, An-xuyên, Chương-Thiện.

Thao-diễn của Hải quân Việt Mỹ tại hải phận Nha-Trang

Một cuộc thao diễn lực-lượng Hải-quân Việt Mỹ được tổ chức tại hải phận Nha-Trang từ ngày 29-8 và tiến hành trong hai tuần lễ với sự tham dự của một số hải-thuyền Việt Nam cùng chiếc tiềm-thủy-dĩnh Queen Fish thuộc Hải quân Hoa Kỳ.

Cuộc thao diễn này có mục đích giúp các hải thuyền Việt Nam tập dượt, săn các tàu địch, thực tập tìm tọa độ và tiếp tế lương-thực trên mặt biển.

Lễ khao quân đón mừng đoàn quân chiến thắng cuộc hành quân Dân-Tiến 40 + 41

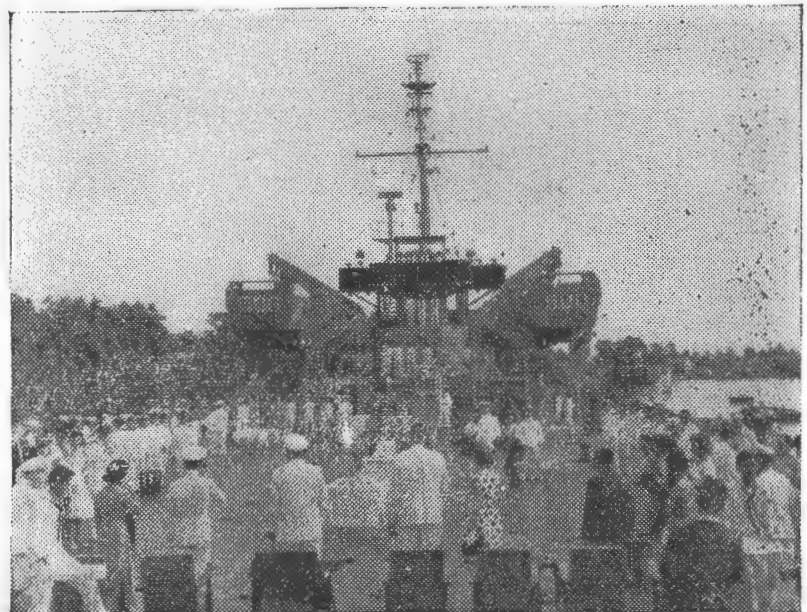
Cuộc hành quân Dân Tiến 40 và 41 trong quận Thủ-Thừa, tỉnh Long An vào những ngày 2-9 và 4-9-62 đã thu được những thắng lợi rực rỡ : 137 tên Việt Cộng bỏ xác tại trận, 8 bị bắt sống ; ta thu được 37 súng đủ loại.

Một buổi lễ khao quân do khu 32 Chiến thuật, sư đoàn 7 bộ binh tổ chức trọng thể tại thị xã Tân Au vào lúc 10 giờ sáng ngày 8-9-62.



Tổng Thông Việt Nam Cộng-Hòa kinh lý tỉnh Quảng Tín ngày 15-8-1962

Ảnh trên : Dưới quyền chủ tọa của Tổng Thông V.N.C.H. tại phi trường Khâm Đức, Ông Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng gán huy chương cho các nhân viên dân quân chính đã có công đặc biệt trong công tác kiến tạo địa điểm mới.



Quang cảnh buổi lễ đờ đầu Hải Vận Hạm CAMRANH tại bến Bạch-Đặng ngày 25-8-62

CUỘC TRIỀN - LÂM (tiếp theo)

CHIẾN LỢI - PHẠM

Chung quanh Bốn Bình treo la liệt cờ xí và biểu ngữ. Đặc biệt là 8 tấm bảng lớn dựng ở 8 góc vây quanh cái núi võ khí; các bảng này đều trưng bày những tranh ảnh, sơ đồ trận thề, ghi chú các loại võ khí, và hình ảnh cuộc hành quân, mục đích là dẫn giải cho đồng bào dễ hiểu.

Trong 8 tấm bảng lớn đó, tôi chú ý đến tấm « Sơ đồ Trận chiến thắng của Quân Đội V.N.C.H. tiêu diệt Tiểu Đoàn U-Minh của Việt Cộng ».

Tại bảng sơ đồ trận thề này, ta thấy địa điểm là vùng CÀ MAU khoảng giữa hai con sông Ông Đốc và Sông Bàng Cùng, khu gần bờ biển, một vùng hoang vu đất rộng nhiều sinh lý, sông ngòi, rất khó khăn về sự chuyên vận nhưng lại rất thuận tiện cho Cộng phỉ lần tránh chạy trốn. Trên sơ đồ có ghi rõ: về Quân Đội ta, Thủy Quân thì từ bờ biển tiến vào, Không Quân gồm có khu trục cơ trực thăng bao khắp vòm trời khu chiến U-Minh, còn Bộ binh thì từ nhiều ngã tiến tới bằng phương pháp Trục - thăng - vận. Nhìn các vùng đồng ruộng mênh mông, nước trắng, cỏ dại, sinh lý cây cối um tùm, lại thêm bao nhiêu là cạm bẫy, cơ cầu phòng thủ của Việt Cộng ngụy trang dưới lớp cây cỏ hoang dại đó, tamới cảm thấy sự vất vả, gian lao nguy hiểm của Quân Đội ta tới bậc nào.

**CHIẾN KHU U-MINH
NƠI VIỆT CỘNG TỰ HÀO
BẤT KHẢ XÂM PHẠM**

Từ hồi Pháp mới đặt chân đến Việt Nam, trong cuộc kháng chiến chống Thực dân mà ông cha ta đã anh dũng theo đuổi, vùng U Minh đã là một hiểm địa, Thực dân đã hao binh tổn tướng khá nhiều mà không kiểm soát nổi, trận tuyến thiên nhiên ấy vẫn có sẵn và tồn tại đến ngày nay.

Nhờ vào hiểm thề của địa dư, Việt Cộng chiếm khu U-Minh làm sào huyệt đặt các cơ cầu Quân sự, Dân chính tại đây để làm căn cứ cho cuộc xâm nhập quây phá Miền Nam của ta. Tuy có tổ chức phòng thủ, đặt mọi cạm bẫy, đường hầm bàn chông, gài mìn, nhưng yếu tố chính vẫn là những trở ngại thiên nhiên. Khiến cho cuộc bình định khu này quả là khó khăn hiểm trở. Được lợi thế và tin như vậy, Việt Cộng đã lớn

tiếng tuyên truyền huênh hoang trong dân chúng rằng Chiến khu U-Minh là một khu « bất khả xâm phạm », là một tử địa cho ai muốn xâm nhập vào đó.

Không biết người, chẳng biết mình nên Việt Cộng đã quá ý lại vào hiểm địa này! Không ngờ, thực là chẳng ai ngờ, với ý chí quyết chiến quyết thắng, Quân Đội V.N.C.H, với chiến pháp tân kỳ, võ khí tinh xảo. đã mở một cuộc bình định, tấn công bất thần vào tận sào huyệt U Minh và Quân đội ta đã toàn thắng. Việt Cộng trở tay không kịp, chông đời quá yếu ớt và đã bị tiêu diệt. Tiểu Đoàn Chủ Lực phòng vệ U-Minh của chúng đã tan tành, Liên Tỉnh Ủy Miền Tây, Huyện Ủy Đám Dơi đều lạc lõng, tên chết gục, tên chạy trốn, cơ sở bao công gây dựng bỗng chốc tan hoang như cát bụi!

Để chứng minh, ta hãy xem xem bản tổng kết chiến quả của Quân Đội ta như sau:

Nhân sự: 124 xác V.C. bỏ lại trận địa (chưa kể một số khác được đồng đội đem đi).

Dân chúng tập nập suốt ngày đến xem những chiến lợi phẩm Quân Đội Việt - Nam Cộng - Hòa tịch thu được của Việt - Cộng



— 73 V. C. bị bắt sống.

— 1 trung đội V. C. quy thuận

Vũ khí Vật dụng và cơ sở

Tịch thu : 1 súng còi
1 trung liên
5 súng trường
1 Mas 36
2 tấn đạn đủ loại
12 tấn bom bay
150 trái mìn
1500 trái lựu đạn
2 thùng đạn súng còi
1 máy phát điện
2 máy Radio
1 lô vật dụng truyền tin
1 lô thuốc men
1 lô tài liệu quan trọng

Phá hủy : 2 trạm thông tin
2 Công binh xưởng
2 tấn đạn được đủ cỡ
2 tấn thuốc men

Điều mà mọi người chú ý là, các loại vũ khí, đạn được kể trên phần lớn do ngoại quốc chế tạo, một số ít do công binh xưởng V.C chế biến, trông cục mịch, thô sơ đủ chứng tỏ kỹ thuật còn ấu trĩ không hơn gì hồi 1945, 1946.

NHỮNG MẪU CHUYỆN VUI « BẮT NGỜ »

Sau khi đã xem các bảng sơ đồ trận thế, các bảng chỉ dẫn, trưng bày hình ảnh cuộc hành quân, dân chúng đều quay lại chung quanh cái « NÚI CHIÊN-LỢI PHẪM » hình Kim Tự Tháp và, tại đây những mẫu chuyện vui cười hoặc ắt hẳn được trao đổi bất ngờ giữa bà con đi xem triển lãm mà tôi lượm được... cũng một cách bất ngờ.

Ngắm nhìn những quả bom bay 4 cánh lắp trên đầu những cái ống tre, một cụ già râu bạc, gờ tay sửa lại cặp kiềng lão cười và nói :

— Hết gây tâm vòng vạc nhọn mã tấu, lại đến bom bay dưới ống tre, thế kia thì... giết ai ? mà làm thế nào cho bom nó bay được,

chắc phải làm lễ rồi mới châm lửa ở đất y như kiểu súng thần công thời trước ?

Một bạn quân nhân đứng cạnh cười giải thích :

— Thừa các cụ, mầy « đồng chí Cò vắn vĩ đại » chỉ biết có thể thì dạy cho đàn em làm thế. Lũng cùn lắm, khi lâm trận phải ịch bầm cái mỗ cò ở dưới ống tre cho cháy thuốc nổ, hơi ép làm bom bay tuốt đi có khi xa mục tiêu hàng cây sò, bom muốn rơi vào đâu là tùy ý của bom ! Vì thế mà cứ bắn xong là chạy, không dám kiểm soát kết quả nữa.

Một bà già tay dắt một em nhỏ đầu em quấn vành khăn trắng, đứng ở phía sau thở dài nói :

— Mầy ông không ở ruộng không biết, dân chúng không sợ loại bom bay này, mà chỉ sợ mã tấu thôi ! Con trai tôi, cha cái thằng nhỏ này cũng chết vì mã tấu của chúng nó đó ! Các ông tính coi, ắt ức quá mà ! Có gì đâu, bữa đó quân đội ta về tảo thanh trong làng, vì được tin chúng lên về thu thuế. Thầy anh em quân đội ta về bà con phần đông muốn ở lại để chứng tỏ sự ngay tành của mình nhưng khi quân đội đi khỏi, bọn V.C ở các hầm hồ, sinh lấy lại bò về, chúng đến nhà tôi buộc mẹ con tôi cái tội « thông đồng với địch », chúng tra tấn con tôi suốt đêm, hỏi đã nói gì với quân đội V.N.C.H. Lạy van mãi, chúng cũng không tha, đến gần sáng thì con tôi đã ngất xỉu, chúng dùng mã tấu cắt đầu con tôi đem treo trên bụi tre, tôi xin về chôn chúng không cho. Chúng nó chỉ làm tàng với dân đen thôi mà ! Đó, hồi này chắc là trôi sông lạc chợ hết cả đám rồi !

Một bạn trông có vẻ một thợ máy ngắm nghĩa các loại súng, bom rồi quay lại hỏi tôi :

— Ông bạn coi mầy cái đồ này ra sao ? có phải tụi V.C. mần

ra không ? tôi xem qua thừa rõ, đó là đồ của Trung Cộng, Tiệp Khắc chế tạo, bọn V.C. làm sao có máy móc, có chuyên viên mà mần được thế kia. Cái súng « Ngựa trời » này thật đúng với cái tên của nó, mỗi khi bắn thì phải có 2 người giữ chặt lấy 2 chân, thế mà nó còn nhảy lên tưng tưng y như con « bọ ngựa » vậy, làm sao mà trúng đích được.

Một toán 4, 5 người quần áo bà ba đen trông có vẻ là đồng bào ở tỉnh xa mới lên, chắc là chờ sản vật lên bán ở chợ Cầu Ông-Lãnh, đứng nhìn cái núi Võ khí một cách chăm chú, cười nói khoái trá ; một người nói :

— Đỡ lắm chứ tụi bây, từng ấy cái súng, mìn, lựu đạn, bàn chông nếu còn trong tay bọn « chuột ruộng » (tức Việt-Cộng) thì còn nhiều người chết oan ! Cha con nó chắc chết nhiều lắm, còn thằng nào may thoát thì cũng hết hồn, mần ăn được, còn lâu ! Tao coi mầy cái này mà sướng con mắt quá xá. Nè lại đây coi, hình ông Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng đó, đây là Đại Tướng Tổng Tham-Mưu Trưởng đang gắn huy chương cho quân lính tại trận U - Minh đó, ngon lành không ! Đáng lắm chứ !

Trời đã nắng gắt, tôi lững thững ra về cùng với mầy bạn đồng nghiệp các báo hàng ngày, trong đầu óc có ghi lại những điều tai nghe mắt thấy, một bạn nói :

— Chiền có oanh liệt, thắng mới về vang. Xem sơ đồ trận thế ta có thể ước đoán được nỗi gian truân của cuộc hành quân này, cái thắng ấy mới đủ « phân tài cao thấp ! » Chiền khu Đ rồi đến chiền khu U-Minh, nơi nào cũng ghê gớm cả, chả rõ còn khu « bắt khả xâm phạm » nào nữa không ?

Hoàng-Lộc Tử-Lang



CONCRETE
LIBRARY
JAN 21 1974
LIBRARY